**ỦY BAN NHÂN DÂN       CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TỈNH TÂY NINH                            Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**

**CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THỰC HIỆN TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH TÂY NINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:…………./QĐ-UBND

ngày tháng năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

##### PHẦN I

**DANH MỤC BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**

**CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THỰC HIỆN TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH TÂY NINH**

| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Lĩnh vực** | **Thời gian giải quyết theo quy định của Bộ GTVT** | **Thời gian giải quyết TTHC của Sở GTVT tại TT.HCC** | **Trang** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Thủ tục đổi Giấy phép lái xe do Ngành giao thông vận tải cấp | Đường bộ | 05 ngày | 04 ngày | 9 - 13 |
|  | Thủ tục đổi giấy phép lái xe mô tô do Ngành Công an cấp trước ngày 01/8/1995 | Đường bộ | 05 ngày | 04 ngày | 14 – 17 |
|  | Thủ tục đổi giấy phép lái xe do Ngành Công an cấp từ ngày 01/8/1995 | Đường bộ | 05 ngày | 04 ngày | 18 - 21 |
|  | Thủ tục đổi giấy phép lái xe do Bộ Quốc phòng cấp | Đường bộ | 05 ngày | 04 ngày | 22 – 25 |
|  | Thủ tục đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài | Đường bộ | 05 ngày | 04 ngày | 26 – 30 |
|  | Thủ tục đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam | Đường bộ | 05 ngày | 04 ngày | 31 – 34 |
|  | Thủ tục cấp lại giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng | Đường bộ | 05 ngày | 04 ngày | 35 - 39 |
|  | Thủ tục cấp lại Giấy phép lái xe bị mất | Đường bộ | 2 tháng 05 ngày | 2 tháng 04 ngày | 40 – 45 |
|  | Thủ tục cấp mới Giấy phép lái xe | Đường bộ | 10 ngày | 07 ngày | 46 – 50 |
|  | Thủ tục nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng B2, C, D, E và các hạng F | Đường bộ | 10 ngày | 07 ngày | 51 – 56 |
|  | Thủ tục lập lại hồ sơ gốc giấy phép lái xe | Đường bộ | 05 ngày | 04 ngày | 57 – 60 |
|  | Thủ tục cấp mới và cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế | Đường bộ | 05 ngày | 04 ngày | 61 – 64 |
|  | Thủ tục cấp Giấy phép xe tập lái | Đường bộ | 03 ngày | 03 ngày | 65 – 68 |
|  | Thủ tục cấp mới và cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 | Đường bộ | 05 ngày | 04 ngày | 69 – 71 |
|  | Thủ tục cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô | Đường bộ | 10 ngày | 07 ngày | 72 – 76 |
|  | Thủ tục cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi hết hạn, chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo | Đường bộ | 08 ngày | 07 ngày | 77 – 81 |
|  | Thủ tục cấp, đổi Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với doanh nghiệp, hợp tác xã | Đường bộ | 10 ngày | 08 ngày | 82 – 90 |
|  | Thủ tục cấp, đổi Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với hộ kinh doanh | Đường bộ | 10 ngày | 08 ngày | 91 – 98 |
|  | Thủ tục Đăng ký khai thác tuyến cố định | Đường bộ | 07 ngày | 07 ngày | 99 – 106 |
|  | Thủ tục cấp phù hiệu xe ô tô | Đường bộ | 02 ngày | 02 ngày | 107 – 112 |
|  | Thủ tục cấp lại phù hiệu xe ô tô | Đường bộ | 02 ngày | 02 ngày | 113 -118 |
|  | Thủ tục công bố đưa bến xe hàng vào khai thác | Đường bộ | 15 ngày | 10 ngày | 119 – 122 |
|  | Thủ tục công bố đưa bến xe khách vào khai thác | Đường bộ | 15 ngày | 13 ngày | 123 – 129 |
|  | Thủ tục công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác | Đường bộ | 15 ngày | 13 ngày | 130 - 135 |
|  | Thủ tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác | Đường bộ | 15 ngày | 13 ngày | 136 – 141 |
|  | Thủ tục công bố lại trạm dừng nghỉ vào khai thác | Đường bộ | 15 ngày | 13 ngày | 142 – 147 |
|  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu | Đường bộ | 15 ngày | 10 ngày | 148 – 155 |
|  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn | Đường bộ | 10 ngày | 10 ngày | 156 – 159 |
|  | Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng | Đường bộ | 03 ngày | 03 ngày | 160 – 163 |
|  | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất | Đường bộ | 30 ngày | 30 ngày | 164 - 167 |
|  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời | Đường bộ | 03 ngày | 03 ngày | 168 – 171 |
|  | Thủ tục sang tên chủ sở hữu đăng ký xe máy chuyên trong cùng một tỉnh, thành phố | Đường bộ | 10 ngày | 07 ngày | 172 – 177 |
|  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu xe máy di chuyển đến | Đường bộ | 15 ngày | 15 ngày | 178 – 184 |
|  | Thủ tục di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng | Đường bộ | 03 ngày | 03 ngày | 185 – 189 |
|  | Thủ tục xoá sổ đăng ký xe máy chuyên dùng | Đường bộ | 02 ngày | 02 ngày | 190 - 193 |
|  | Thủ tục cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Lào | Đường bộ | 02 ngày | 02 ngày | 194 – 201 |
|  | Thủ tục gia hạn Giấy phép liên vận và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào | Đường bộ | 01 ngày | 01 ngày | 202 – 206 |
|  | Thủ tục cấp giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia đối với phương tiện phi thương mại | Đường bộ | 02 ngày | 02 ngày | 207 – 210 |
|  | Thủ tục gia hạn đối với xe Campuchia khi lưu trú tại Việt Nam | Đường bộ | 01 ngày | 01 ngày | 211 – 215 |
|  | Thủ tục cấp giấy phép liên vận Campuchia - Lào – Việt Nam | Đường bộ | 02 ngày | 02 ngày | 216 – 219 |
|  | Thủ tục gia hạn cấp giấy phép liên vận Campuchia- Lào -Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào Và Campuchia | Đường bộ | 01 ngày | 01 ngày | 220 – 224 |
|  | Thủ tục cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch | Đường bộ | 10 ngày | 10 ngày | 225 – 232 |
|  | Thủ tục thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo | Đường bộ | 07 ngày | 07 ngày | 233 – 243 |
|  | Thủ tục cấp giấy phép lưu hành đặc biệt cho phương tiện | Đường bộ | 02 ngày | 02 ngày | 244 – 249 |
|  | Thủ tục chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được giao quản lý | Đường bộ | 07 ngày | 07 ngày | 250 – 254 |
|  | Thủ tục gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được giao quản lý | Đường bộ | 05 ngày | 05 ngày | 255 – 259 |
|  | Thủ tục cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được giao quản lý | Đường bộ | 07 ngày | 07 ngày | 260 – 264 |
|  | Thủ tục chấp thuận thi công xây dựng biển quảng cáo đối với đoạm, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý | Đường bộ | 05 ngày | 05 ngày | 265 – 270 |
|  | Thủ tục cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý | Đường bộ | 07 ngày | 07 ngày | 271 - 275 |
|  | Thủ tục chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đấu nối liên quan đến đường được giao quản lý | Đường bộ | 10 ngày | 10 ngày | 276 - 281 |
|  | Thủ tục cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường địa phương được giao quản lý | Đường bộ | 07 ngày | 07 ngày | 282 – 287 |
|  | Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa. | Đường thuỷ | 03 ngày | 03 ngày | 288 – 292 |
|  | Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa trước ngày 01/01/2015 | Đường thuỷ | 03 ngày | 03 ngày | 293 – 298 |
|  | Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa sau ngày 01/01/2015 | Đường thuỷ | 03 ngày | 03 ngày | 299 – 303 |
|  | Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa | Đường thuỷ | 03 ngày | 03 ngày | 304 – 309 |
|  | Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tính năng kỹ thuật | Đường thuỷ | 03 ngày | 03 ngày | 310 – 314 |
|  | Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên | Đường thuỷ | 03 ngày | 03 ngày | 315 – 319 |
|  | Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện | Đường thuỷ | 03 ngày | 03 ngày | 320 – 323 |
|  | Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện | Đường thuỷ | 03 ngày | 03 ngày | 324 – 327 |
|  | Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác | Đường thuỷ | 03 ngày | 03 ngày | 328 – 331 |
|  | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện | Đường thuỷ | 03 ngày | 03 ngày | 332 – 335 |
|  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện thuỷ nội địa | Đường thuỷ | 03 ngày | 03 ngày | 336 – 339 |
|  | Thủ tục chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa và bến khách ngang sông | Đường thuỷ | 05 ngày | 05 ngày | 340 – 344 |
|  | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa và bến khách ngang sông | Đường thuỷ | 05 ngày | 05 ngày | 345 – 349 |
|  | Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa | Đường thuỷ | 03 ngày | 03 ngày | 350 – 355 |
|  | Thủ tục dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn | Đường thuỷ | 03 ngày | 03 ngày | 356 – 360 |
|  | Thủ tục cấp, cấp lại chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn | Đường thuỷ | 05 ngày | 05 ngày | 361 – 366 |
|  | Thủ tục cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới cho phương tiện | Đường thuỷ | 03 ngày | 03 ngày | 367 – 370 |
|  | Thủ tục gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia | Đường thuỷ | 01 ngày | 01 ngày | 371 - 375 |

**PHẦN II:**

**NỘI DUNG QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC**

**THẨM QUYỀN CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ XÃ HỘI THỰC HIỆN TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH TÂY NINH**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 01:** | **THỦ TỤC ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE DO NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI CẤP** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Khi đến đổi giấy phép lái xe, người đổi giấy phép lái xe được cơ quan cấp giấy phép lái xe chụp ảnh và phải xuất trình giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước) hoặc hộ chiếu để đối chiếu.  Địa điểm tiếp nhận hồ sơ, người nộp hồ sơ có quyền lựa chọn một trong các địa điểm sau:  1. Tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh).  2. Tại hệ thống Bưu điện các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.  3. Trường hợp đăng ký trực tuyến qua mạng, cá nhân truy cập vào địa chỉ trang web: dichvucong.gplx.gov.vn và làm theo hướng dẫn.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 04 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bưu điện huyện hoặc Trung tâm hành chính công Tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 1,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bưu điện huyện hoặc Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh tuỳ theo nhu cầu của cá nhân; | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bưu điện huyện hoặc Trung tâm hành chính công Tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc tại Bưu điện huyện hoặc trực tuyến qua mạng. |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:**(Điều 38 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông vận tải)  - Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (theo mẫu quy định);  - Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ các đối tượng sau:  a) Người có GPLX hạng A1,A2,A3;  b) Người có nhu cầu tách giấy phép lái xe có thời hạn và không thời hạn.  - Bản sao giấy phép lái xe; Giấy Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân(đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).  **b). Số lượng hồ sơ:** 01 bộ. |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | - Không quá 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (đối với trường hợp đổi GPLX trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc tại Bưu điện huyện );  - Sau 02 giờ (đối với trường hợp đổi GPLX đăng ký trực tuyến). |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép lái xe. |
| **8. Lệ phí :** | 135.000 đồng/lần.  (Theo biểu mức thu lệ phí cấp GPLX ,Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính) |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe (Phụ lục 19, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | **(**Điều 37 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải).  - Đổi giấy phép lái xe bằng giấy bìa sang giấy phép lái xe bằng vật liệu PET.  - Giấy phép lái xe còn thời hạn hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng kể từ ngày hết hạn; người có giấy phép lái xe bị hỏng còn thời hạn sử dụng được đổi giấy phép lái xe.  - Người có giấy phép lái xe hạng E đủ 55 tuổi đối với nam và 50 tuổi đối với nữ, có nhu cầu tiếp tục lái xe, nếu đủ sức khỏe theo qui định, được xét đổi giấy phép lái xe từ hạng D trở xuống.  - Trường hợp năm sinh, họ tên, tên đệm ghi trên giấy phép lái xe có sai lệch với giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ...  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính qui định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng... |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cơ quan tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | - Hồ sơ đã giải quyết xong giao trả cho người dân lưu giữ cá nhân, các thông tin về người lái xe được lưu trên hệ thống cơ sở dữ liệu ở Trung ương (Do Tổng Cục đường bộ Việt Nam quản lý). |

**Phụ lục 19**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*

*Ngày 19 tháng 04 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi:Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tôi là:...........................................................Quốc tịch

Sinh ngày:......./…../……………….Nam, Nữ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi cư trú

Số giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân(hoặc hộ chiếu):..........cấp ngày....../...../

Nơi cấp:............................. Đã học lái xe tại:..............................năm.........

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng..........số..........................do

cấp ngày........./……./……….

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:......

Lý do

*Xin gửi kèm theo:*

- 01 giấy chứng nhận sức khoẻ;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

........., ngày.......tháng.......năm 20…...

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xoá, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng Cục đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu./*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 02:** | **THỦ TỤC ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE MÔ TÔ DO NGÀNH CÔNG AN CẤP TRƯỚC 01/08/1995** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Khi đến đổi giấy phép lái xe, người đổi giấy phép lái xe được cơ quan cấp giấy phép lái xe chụp ảnh và phải xuất trình giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước) hoặc hộ chiếu để đối chiếu.  Cá nhân nộp hồ sơ và lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh).  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 04 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 1,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:** (Khoản 1, Điều 40 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017).  - Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe (theo mẫu quy định tại Phụ lục 19);  - Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.  - Hồ sơ gốc (nếu có);  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ. |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | Không quá 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép lái xe. |
| **8. Lệ phí :** | 135.000 đồng/lần.  (Theo biểu mức thu lệ phí cấp GPLX ,Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính) |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe (Phụ lục 19, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | không. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ...  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính qui định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng... |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cơ quan tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | - Hồ sơ đã giải quyết xong giao trả cho người dân lưu giữ cá nhân, các thông tin về người lái xe được lưu trên hệ thống cơ sở dữ liệu ở Trung ương (Do Tổng Cục đường bộ Việt Nam quản lý). |

**Phụ lục 19**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*

*Ngày 19 tháng 04 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi:Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tôi là:...........................................................Quốc tịch

Sinh ngày:......./…../……………….Nam, Nữ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi cư trú

Số giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân(hoặc hộ chiếu):..........cấp ngày....../...../

Nơi cấp:............................. Đã học lái xe tại:..............................năm.........

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng..........số..........................do

cấp ngày........./……./……….

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:......

Lý do

*Xin gửi kèm theo:*

- 01 giấy chứng nhận sức khoẻ;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

........., ngày.......tháng.......năm 20…...

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xoá, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng Cục đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu./*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 03:** | **THỦ TỤC ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE DO NGÀNH CÔNG AN CẤP TỪ 01/08/1995** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Khi đến đổi giấy phép lái xe, người đổi giấy phép lái xe được cơ quan cấp giấy phép lái xe chụp ảnh và phải xuất trình giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước) hoặc hộ chiếu để đối chiếu.  Cá nhân nộp hồ sơ và lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh).  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 04 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc vă bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 1,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:** (Khoản 2, Điều 40 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017).  - Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (theo mẫu quy định tại Phụ lục 19);  - Bản sao Quyết định ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền;  - Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1,A2,A3;  - Bản sao giấy phép lái xe của ngành công an cấp còn thời hạn sử dụng, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân;  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | Không quá 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép lái xe. |
| **8. Lệ phí :** | 135.000 đồng/lần.  (Theo biểu mức thu lệ phí cấp GPLX ,Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính) |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe (Phụ lục 19, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | không. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ...  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính qui định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng... |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cơ quan tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | - Hồ sơ đã giải quyết xong giao trả cho người dân lưu giữ cá nhân, các thông tin về người lái xe được lưu trên hệ thống cơ sở dữ liệu ở Trung ương (Do Tổng Cục đường bộ Việt Nam quản lý). |

**Phụ lục 19**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*

*Ngày 19 tháng 04 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi:Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tôi là:...........................................................Quốc tịch

Sinh ngày:......./…../……………….Nam, Nữ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi cư trú

Số giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân(hoặc hộ chiếu):..........cấp ngày....../...../

Nơi cấp:............................. Đã học lái xe tại:..............................năm.........

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng..........số..........................do

cấp ngày........./……./……….

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:......

Lý do

*Xin gửi kèm theo:*

- 01 giấy chứng nhận sức khoẻ;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

........., ngày.......tháng.......năm 20…...

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xoá, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng Cục đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu./*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 04:** | **THỦ TỤC ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE QUÂN SỰ DO BỘ QUỐC PHÒNG CẤP** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Khi đến đổi giấy phép lái xe, người đổi giấy phép lái xe được cơ quan cấp giấy phép lái xe chụp ảnh và phải xuất trình giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước) hoặc hộ chiếu để đối chiếu.  Cá nhân nộp hồ sơ và lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh).  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 04 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 1,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:** (Điều 39 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017).  - Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (theo mẫu quy định tại Phụ lục 19);  - Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong quân đội thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày Thủ trưởng cấp trung đoàn trở lên ký hoặc Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký.  - Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1,A2,A3.  - Bản sao giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân.  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | Không quá 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép lái xe. |
| **8. Lệ phí :** | 135.000 đồng/lần.  (Theo biểu mức thu lệ phí cấp GPLX ,Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính) |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe (Phụ lục 19, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | không. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ...  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính qui định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng... |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cơ quan tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | - Hồ sơ đã giải quyết xong giao trả cho người dân lưu giữ cá nhân, các thông tin về người lái xe được lưu trên hệ thống cơ sở dữ liệu ở Trung ương (Do Tổng Cục đường bộ Việt Nam quản lý). |

**Phụ lục 19**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*

*Ngày 19 tháng 04 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi:Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tôi là:...........................................................Quốc tịch

Sinh ngày:......./…../……………….Nam, Nữ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi cư trú

Số giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân(hoặc hộ chiếu):..........cấp ngày....../...../

Nơi cấp:............................. Đã học lái xe tại:..............................năm.........

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng..........số..........................do

cấp ngày........./……./……….

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:......

Lý do

*Xin gửi kèm theo:*

- 01 giấy chứng nhận sức khoẻ;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

........., ngày.......tháng.......năm 20…...

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xoá, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng Cục đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu./*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 05:** | **THỦ TỤC ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE HOẶC BẰNG LÁI XE CỦA NƯỚC NGOÀI** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Khi đến đổi giấy phép lái xe, người lái xe được cơ quan cấp giấy phép lái xe chụp ảnh và phải xuất trình hộ chiếu còn thời hạn, giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng minh thư ngoại giao hoặc công vụ do Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp, thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ tạm trú, thẻ thường trú hoặc giấy tờ xác minh định cư lâu dài tại Việt Nam và giấy phép lái xe nước ngoài để đối chiếu.  Cá nhân nộp hồ sơ và lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh).  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 04 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 1,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh (nơi đăng ký cư trú, lưu trú, tạm trú hoặc định cư lâu dài). |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:** (Điều 41 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017)  - Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (đối với người Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục 19), (đối với người nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục 20);  - Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam xác minh;  - Bản sao hộ chiếu (phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam), giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh thư ngoại giao hoặc công vụ do Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp hoặc bản sao thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy tờ xác minh định cư lâu dài tại Việt Nam đối với người nước ngoài; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Bộ ngoại giao, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác minh.  **b) Số lượng hồ sơ:** 02 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | Không quá 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép lái xe. |
| **8. Lệ phí :** | 135.000 đồng/lần.  (Theo biểu mức thu lệ phí cấp GPLX ,Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính) |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe (Phụ lục 20, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Điểm g Khoản 5, Điểm a, Khoản 6 Điều 37 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải).  - Người nước ngoài cư trú, làm việc, học tập tại Việt Nam, có giấy chứng minh thư ngoại giao, giấy chứng minh thư công vụ, thẻ tạm trú, thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ thường trú với thời gian từ 03 tháng trở lên, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;  - Người Việt Nam (mang quốc tịch Việt Nam) trong thời gian cư trú, học tập, làm việc ở nước ngoài được nước ngoài cấp giấy phép lái xe quốc gia, còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam.  - Không đổi giấy phép lái xe tạm thời của nước ngoài, giấy phép lái xe Quốc tế, giấy phép lái xe của nước ngoài quá thời hạn sử dụng theo qui định, bị tẩy xóa, rách nát có sự khác biệt về nhận dạng; giấy phép lái xe nước ngoài không do cơ quan có thẩm quyền cấp. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ...  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính qui định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng... |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cơ quan tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | - Hồ sơ đã giải quyết xong giao trả cho người dân lưu giữ cá nhân, các thông tin về người lái xe được lưu trên hệ thống cơ sở dữ liệu ở Trung ương (Do Tổng Cục đường bộ Việt Nam quản lý). |

**Phụ lục 20**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*

*Ngày 19 tháng 04 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |
| --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  **Independent – Freedom – Happiness** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**

**APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVING LICENCE**

**(Dùng cho người nước ngoài) – (For Foreigner only)**

Kính gửi (To)**:** Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Vietnam Road Administration)

Sở Giao thông vận tải.... (............... Transport Department)

|  |
| --- |
| Tôi là (Full name): .................... Quốc tịch:......................(Nationality):.......... |
| Ngày tháng năm sinh (Date of birth): ............................................................... |
| Hiện cư trú tại (Permanent Address): ................................................................. |
| Số hộ chiếu (Passport No.): ............................................................................... |
| Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): ........... tháng (month)....năm…(year)...... |
| Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current driving licence No.):..... |
| Cơ quan cấp (Issuing Office): ............................................................................. |
| Tại (Place of issue): ............................................................................................. |
| Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): ........ tháng (month)......... năm (year)...... |
| Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):  ..............................................................................................................................  Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam). |

Gửi kèm theo đơn gồm có (Documents enclosed as follows):

- Bản dịch GPLX nước ngoài đã được công chứng (Translation of current foreign driving licence with notation);

- Bản sao chụp hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh ) (01 sao chụp of passport) (included pages: full name, photograph, valid visa);

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ..............,ngày(date)....... tháng(month)....... năm(year).......  **NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)**  *(Ký và ghi rõ họ tên)*  *( Signature and Full name)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 06:** | **THỦ TỤC ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE HOẶC BẰNG LÁI XE CỦA NƯỚC NGOÀI CẤP CHO KHÁCH DU LỊCH NƯỚC NGOÀI LÁI XE VÀO VIỆT NAM** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 04 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL | 1,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. |   Cá nhân nộp hồ sơ và lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh).  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau: |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh (nơi đăng ký cư trú, lưu trú, tạm trú hoặc định cư lâu dài). |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | (Điều 42 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017).  - Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (theo mẫu quy định tại Phụ lục 20);  - Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam xác minh;  - Bản sao có chứng thực danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an hoặc bản sao hộ chiếu gồm phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam.  - 01 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm nền ảnh màu xanh, kiểu chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.  **b.) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | Không quá 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép lái xe. |
| **8. Lệ phí :** | 135.000 đồng/lần.  (Theo biểu mức thu lệ phí cấp GPLX ,Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính) |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe (Phụ lục 20, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Điểm h Khoản 5 Điều 37 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải).  Khách, du lịch nước ngoài lái xe đăng ký nước ngoài vào Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giứoi đường bộ...  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính qui định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng... |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cơ quan tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | - Hồ sơ đã giải quyết xong giao trả cho người dân lưu giữ cá nhân, các thông tin về người lái xe được lưu trên hệ thống cơ sở dữ liệu ở Trung ương (Do Tổng Cục đường bộ Việt Nam quản lý). |

**Phụ lục 20**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*

*Ngày 19 tháng 04 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |
| --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  **Independent – Freedom – Happiness** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**

**APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVING LICENCE**

**(Dùng cho người nước ngoài) – (For Foreigner only)**

Kính gửi (To)**:** Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Vietnam Road Administration)

Sở Giao thông vận tải.... (............... Transport Department)

|  |
| --- |
| Tôi là (Full name): .................... Quốc tịch:......................(Nationality):.......... |
| Ngày tháng năm sinh (Date of birth): ............................................................... |
| Hiện cư trú tại (Permanent Address): ................................................................. |
| Số hộ chiếu (Passport No.): ............................................................................... |
| Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): ........... tháng (month)....năm…(year)...... |
| Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current driving licence No.):..... |
| Cơ quan cấp (Issuing Office): ............................................................................. |
| Tại (Place of issue): ............................................................................................. |
| Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): ........ tháng (month)......... năm (year)...... |
| Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):  ..............................................................................................................................  Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam). |

Gửi kèm theo đơn gồm có (Documents enclosed as follows):

- Bản dịch GPLX nước ngoài đã được công chứng (Translation of current foreign driving licence with notation);

- Bản sao chụp hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh ) (01 sao chụp of passport) (included pages: full name, photograph, valid visa);

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ..............,ngày(date)....... tháng(month)....... năm(year).......  **NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)**  *(Ký và ghi rõ họ tên)*  *( Signature and Full name)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 07:** | **THỦ TỤC CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE QUÁ THỜI HẠN SỬ DỤNG** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Khi đến thực hiện thủ tục cấp lại Giấy phép lái xe, người lái xe được cơ quan cấp giấy phép chụp ảnh trực tiếp và phải xuất trình bản chính hồ sơ để đối chiếu.  Cá nhân nộp hồ sơ và lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh).    **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 07 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở tổ chức kỳ sát hạch cấp Giấy phép lái xe (khi có lịch sát hạch) hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 4,5 ngày | | - Chuyển kết quả Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh**.** | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh (nơi đăng ký cư trú, lưu trú, tạm trú hoặc định cư lâu dài). |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | (Khoản 3 Điều 19 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017).  - Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe (theo mẫu quy định tại Phụ lục 19);  - Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;  - Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chưng minh thư công vụ đối với người nước ngoài.  - Giấy chứng nhận sức khoẻ của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;  - Bản sao giấy phép lái xe hết hạn.  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ. |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | Không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày trúng tuyển kỳ sát hạch. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép lái xe. |
| **8. Lệ phí :** | 585.000 đồng/lần  Trong đó:  - Cấp giấy phép lái xe : 135.000đồng/lần.  - Sát hạch lại lý thuyết ô tô: 90.000 đ/lần;  - Sát hạch lại thực hành:  + Sát hạch thực hành trong hình ô tô: 300.000đ/lần;  + Sát hạch thực hành ô tô trên đường giao thông công cộng: 60.000đồng/lần.  (Theo biểu mức thu lệ phí cấp GPLX ,Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính) |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe (Phụ lục 19, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | **(**Khoản 1 Điều 36 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải).  - Quá từ 03 tháng đến dưới 01 năm, kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại lý thuyết để cấp lại giấy phép lái xe;  - Quá từ 01 năm trở lên, kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại giấy phép lái xe. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ...  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính qui định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng... |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cơ quan tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | - Hồ sơ đã giải quyết xong giao trả cho người dân lưu giữ cá nhân, các thông tin về người lái xe được lưu trên hệ thống cơ sở dữ liệu ở Trung ương (Do Tổng Cục đường bộ Việt Nam quản lý). |

**Phụ lục 19**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*

*Ngày 19 tháng 04 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi:Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tôi là:...........................................................Quốc tịch

Sinh ngày:......./…../……………….Nam, Nữ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi cư trú

Số giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân(hoặc hộ chiếu):..........cấp ngày....../...../

Nơi cấp:............................. Đã học lái xe tại:..............................năm.........

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng..........số..........................do

cấp ngày........./……./……….

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:......

Lý do

*Xin gửi kèm theo:*

- 01 giấy chứng nhận sức khoẻ;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

........., ngày.......tháng.......năm 20…...

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xoá, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng Cục đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu./*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 08:** | **THỦ TỤC CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE BỊ MẤT** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Khi đến thực hiện thủ tục cấp lại Giấy phép lái xe, người lái xe được cơ quan cấp giấy phép chụp ảnh trực tiếp và xuất trình bản chính hồ sơ để đối chiếu.  Cá nhân nộp hồ sơ và lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh).    **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 64 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 61,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | 0,5 Ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |  | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | 01 ngày | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:** (Khoản 2 Điều 36 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017)  **\* Người có giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng, được xét cấp lại giấy phép lái xe, hồ sơ gồm:**  - Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe (theo mẫu quy định tại phụ lục 19);  - Hồ sơ gốc phù hợp với giấy phép lái xe (nếu có);  - Giấy chứng nhận sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp cấp lại giấy phép lái xe không thời hạn các hạng A1,A2,A3;  - Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sư dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).  **\* Người có giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên, hồ sơ gồm:**  - Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe (theo mẫu quy định tại phụ lục 19) có ghi ngày tiếp nhận hồ sơ của cơ quan tiếp nhận;  - Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;  - Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chưng minh thư công vụ đối với người nước ngoài.;  - Giấy chứng nhận sức khoẻ của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;  - Bản chính hồ sơ gốc của giấy phép lái xe bị mất (nếu có).  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | - **Sau 02 tháng 04 ngày làm việc** kể từ ngày nộp đủ hồ sơ, chụp ảnh và nộp lệ phí theo quy định, Giấy phép lái xe **còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng**, nếu không phát hiện giấy phép lái xe đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý; có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, **thì được cấp lại giấy phép lái xe;**  - **Sau 02 tháng 04 ngày làm việc** kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Giấy phép lái xe **quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 01 năm**, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, không thuộc trường hợp đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý **thì phải dự sát hạch lại lý thuyết để cấp lại giấy phép lái xe;**  - **Sau 02 tháng 04 ngày làm việc** kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Giấy phép lái xe **quá thời hạn sử dụng từ 01 năm trở lên**, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, không thuộc trường hợp đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý **thì phải dự sát hạch lại lý thuyết và thực hành để cấp lại giấy phép lái xe.** |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép lái xe. |
| **8. Lệ phí :** | 585.000 đồng/lần  Trong đó:  - Cấp giấy phép lái xe cơ giới công nghệ mới : 135.000đồng/lần.  - Sát hạch lại lý thuyết ô tô: 90.000 đ/lần;  - Sát hạch lại thực hành:  + Sát hạch thực hành trong hình ô tô: 300.000đ/lần;  + Sát hạch thực hành ô tô trên đường giao thông công cộng: 60.000đồng/lần.  (Theo biểu mức thu lệ phí cấp GPLX ,Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính) |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe (Phụ lục 19, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 2,3 Điều 3 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải).  - Người có giấy phép lái xe bị mất, **còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng**, nếu không phát hiện giấy phép lái xe đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý **sau 02 tháng** kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định, được xét **cấp lại giấy phép lái xe**;  - Người có giấy phép lái xe bị mất, **quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 01 năm,** nếu không phát hiện giấy phép lái xe đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý **sau 02 tháng** kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định, **phái sát hạch lại lý thuyết** để cấp lại giấy phép lái xe;  - Người có giấy phép lái xe bị mất, **quá thời hạn sử dụng từ 01 năm trở lên,** nếu không phát hiện giấy phép lái xe đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý **sau 02 tháng** kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định, **phái sát hạch lại lý thuyết** **và thực hành** để cấp lại giấy phép lái xe; |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ...  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính qui định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng... |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cơ quan tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | - Hồ sơ đã giải quyết xong giao trả cho người dân lưu giữ cá nhân, các thông tin về người lái xe được lưu trên hệ thống cơ sở dữ liệu ở Trung ương (Do Tổng Cục đường bộ Việt Nam quản lý). |

**Phụ lục 19**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*

*Ngày 19 tháng 04 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi:Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tôi là:...........................................................Quốc tịch

Sinh ngày:......./…../……………….Nam, Nữ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi cư trú

Số giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân(hoặc hộ chiếu):..........cấp ngày....../...../

Nơi cấp:............................. Đã học lái xe tại:..............................năm.........

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng..........số..........................do

cấp ngày........./……./……….

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:......

Lý do

*Xin gửi kèm theo:*

- 01 giấy chứng nhận sức khoẻ;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

........., ngày.......tháng.......năm 20…...

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xoá, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng Cục đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu./*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 09:** | **THỦ TỤC CẤP MỚI GIẤY PHÉP LÁI XE** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Thí sinh nộp hồ sơ và lệ phí tại các cơ sở đào tạo lái xe. Cơ sở đào tạo gửi báo cáo khai giảng về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 07 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở tổ chức kỳ sát hạch cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 4,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho tổ chức (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | (Khoản 1 Điều 09 và Khoản 1 Điều 19 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải).  **\* Đối với người học lái xe lần đầu:**  - Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe (theo mẫu quy định tại phụ lục 7);  - Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài.  - Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 6 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài.  - Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;  **\* Đối với người dự sát hạch lái xe lần đầu:**  - Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe (theo mẫu quy định tại phụ lục 7);  - Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài.  - Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 6 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài.  - Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;  - Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo đối với người sát hạch lái xe hạng A4, B1, B2 và C.  - Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch.  **b). Số lượng:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | Không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Các cơ sở đào tạo. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép lái xe. |
| **8. Lệ phí :** | - Cấp giấy phép lái xe: 135.000đồng/lần.  **\* Đối với thi sát hạch lái xe mô tô:**  - Sát hạch lại lý thuyết : 40.000 đồng/lần;  - Sát hạch lại thực hành: 50.000 đồng/lần;  **\* Đối với thi sát hạch lái xe ô tô :**  - Sát hạch lại lý thuyết ô tô: 90.000 đ/lần;  - Sát hạch thực hành trong hình: 300.000 đồng/lần;  - Sát hạch thực hành trên đường giao thông công cộng: 60.000 đồng/lần.  (Theo biểu mức thu lệ phí cấp GPLX ,Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính) |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe (Phụ lục 07, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 1,2 Điều 7 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải).  - Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam.  - Đủ tuổi (tính đến ngày dự sát hạch lái xe), sức khoẻ, trình độ văn hóa theo quy định. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giứoi đường bộ...  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính qui định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng... |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cơ quan tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | - Hồ sơ đã giải quyết xong giao trả cho người dân lưu giữ cá nhân, các thông tin về người lái xe được lưu trên hệ thống cơ sở dữ liệu ở Trung ương (Do Tổng Cục đường bộ Việt Nam quản lý). |

**Phụ lục 07**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải).*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH**

**ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**

Kính gửi :.....................................................

Tôi là: .........................................................Quốc tịch: ..................................

Sinh ngày:....../....../ ....................Nam,Nữ:......................................................

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:...................................................................

Nơi cư trú:......................................................................................................

...................................................................................................................... .

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu)............

Cấp ngày .......... /........./ ............. Nơi cấp:...................................

Đã có giấy phép lái xe số:.................................hạng ....................................

do ...................................................cấp ngày ........./......./ ..............

Đề nghị cho tôi được học, dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng.............

Đăng ký tích hợp giấy phép lái xe 🞎

*Xin gửi kèm theo:*

- 01 giấy chứng nhận đủ sức khỏe;

- 02 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm, chụp không quá 06 tháng;

- Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu (đối với người nước ngoài);

- Các tài liệu khác có liên quan gồm:

........................................................................................................................

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin

hoàn toàn chịu trách nhiệm.

............., ngày ....... tháng .....năm 20...... NGƯỜI LÀM ĐƠN

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 10:** | **THỦ TỤC NÂNG HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE LÊN HẠNG B2, C, D, E VÀ CÁC HẠNG F** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Thí sinh nộp hồ sơ và lệ phí tại các cơ sở đào tạo lái xe. Cơ sở đào tạo gửi báo cáo khai giảng về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 07 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 4,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:** (Khoản 1,2 Điều 9 và Khoản 2 Điều 35 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải).  - Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe (theo mẫu quy định tại phụ lục 7);  - Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài.  - Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 6 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài.  - Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;  - Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn (theo mẫu quy định tại phụ lục 8) và phải chịu trách nhiệm về nội dung khai trước pháp luật;  - Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng D, E (xuất trình bản chính khi kiểm tra hồ sơ dụ sát hạch);  - Bản sao giấy phép lái xe (xuất trình bản chính khi dự sát hạch);  - Chứng chỉ đào tạo nâng hạng;  - Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch nâng hạng.  **b). Số lượng:**01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | Không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày trúng tuyển kỳ sát hạch. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Các cơ sở đào tạo. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép lái xe. |
| **8. Lệ phí :** | Cấp giấy phép lái xe cơ giới công nghệ mới : 135.000đồng/lần.  - Sát hạch lại lý thuyết ô tô: 90.000 đ/lần;  - Sát hạch thực hành trong hình: 300.000 đồng/lần;  - Sát hạch thực hành trên đường giao thông công cộng: 60.000 đồng/lần.  (Theo biểu mức thu lệ phí cấp GPLX ,Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính) |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe (Phụ lục 07, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải).  - Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn và phải chịu trách nhiệm về nội dung khai trước pháp luật (Phụ lục 08, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 1,2,34 Điều 7 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải).  - Người học để nâng hạng giấy phép lái xe phải có thâm niên và số km lái xe an toàn như sau:  + B1 số tự động lên B1: 01 năm trở lên và 12.000 km lái xe an toàn trở lên;  + B1 lên B2: 01 năm trở lên và 12.000 km lái xe an toàn trở lên;  + B2 lên C, C lên D, D lên E; các hạng B2, C, D, E lên hạng F tương ứng; các hạng D,E lên Fc: 03 năm trở lên và 50.000 km lái xe an toàn trở lên;  + B2 lên D, C lên E: 05 năm trở lên và 100.000 km lái xe an toàn trở lên.  - Người học để nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D,E phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở haowjc tương đương trở lên. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giứoi đường bộ...  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính qui định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng... |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cơ quan tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | - Hồ sơ đã giải quyết xong giao trả cho người dân lưu giữ cá nhân, các thông tin về người lái xe được lưu trên hệ thống cơ sở dữ liệu ở Trung ương (Do Tổng Cục đường bộ Việt Nam quản lý). |

**Phụ lục 07**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải).*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH**

**ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**

Kính gửi :.....................................................

Tôi là: .........................................................Quốc tịch: ..................................

Sinh ngày:....../....../ ....................Nam,Nữ:......................................................

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:...................................................................

Nơi cư trú:......................................................................................................

...................................................................................................................... .

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu)............

Cấp ngày .......... /........./ ............. Nơi cấp:...................................

Đã có giấy phép lái xe số:.................................hạng ....................................

do ...................................................cấp ngày ........./......./ ..............

Đề nghị cho tôi được học, dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng.............

Đăng ký tích hợp giấy phép lái xe 🞎

*Xin gửi kèm theo:*

- 01 giấy chứng nhận đủ sức khỏe;

- 02 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm, chụp không quá 06 tháng;

- Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu (đối với người nước ngoài);

- Các tài liệu khác có liên quan gồm:

........................................................................................................................

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin

hoàn toàn chịu trách nhiệm.

............., ngày ....... tháng .....năm 20...... NGƯỜI LÀM ĐƠN

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Phụ lục 14**

**MẪU BẢN KHAI THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*

*ngày 19 tháng 04 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KHAI**

**THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN**

Tôi là:.......................................................................................................... .

Sinh ngày: .........../......./.............Nam, Nữ:

Nơi cư trú: .....................................................................................................

.......................................................................................................................

Có giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân số: ............cấp ngày...../ ../....

Nơi cấp:..........................................................................................................

Hiện tại tôi có giấy phép lái xe số .............., hạng...........do.......................cấp

ngày ......./......../.........

Từ ngày được cấp giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có ........năm lái xe và có… km lái xe an toàn .

Đề nghị................................................................ cho tôi được dự sát hạch nâng hạng lấy giấy phép lái xe hạng ......

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên.

........, ngày ......tháng.....năm 20.....

**NGƯỜI KHAI**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 11:** | **THỦ TỤC LẬP LẠI HỒ SƠ GỐC GIẤY PHÉP LÁI XE** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.    **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 04 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở lập lại hồ sơ gốc Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 01 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | 01 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:** (Khoản 08 Điều 36 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải).  - Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (theo mẫu quy định tại phụ lục 19);  - Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn.  **b). Số lượng:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | Không quá 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Hồ sơ gốc của cá nhân. |
| **8. Lệ phí :** | không |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe (Phụ lục 19, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | Khoản 8, Điều 36 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ Giao thông Vận tải).  Người có giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng, nhưng không còn hồ sơ gốc, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, nếu có nhu cầu được lập lại hồ sơ gốc. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 19/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ... |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cơ quan tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | - Hồ sơ đã giải quyết xong giao trả cho người dân lưu giữ cá nhân, các thông tin về người lái xe được lưu trên hệ thống cơ sở dữ liệu ở Trung ương (Do Tổng Cục đường bộ Việt Nam quản lý). |

**Phụ lục 19**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*

*Ngày 19 tháng 04 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi:Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tôi là:...........................................................Quốc tịch

Sinh ngày:......./…../……………….Nam, Nữ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi cư trú

Số giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân(hoặc hộ chiếu):..........cấp ngày....../...../

Nơi cấp:............................. Đã học lái xe tại:..............................năm.........

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng..........số..........................do

cấp ngày........./……./……….

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:......

Lý do

*Xin gửi kèm theo:*

- 01 giấy chứng nhận sức khoẻ;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

........., ngày.......tháng.......năm 20…...

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xoá, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng Cục đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu./*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 12:** | **THỦ TỤC CẤP MỚI VÀ CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Khi đến đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp, hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài) còn giá trị để kiểm tra, đối chiếu.  Cá nhân nộp hồ sơ và lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.    **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 04 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 1,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:** (Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/07/2015 của Bộ Giao thông Vận tải).  Đơn đề nghị đổi cấp giấy phép lái xe quốc tế (theo mẫu quy định);  **b). Số lượng hồ sơ:** 01 bộ. |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | Không quá 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép lái xe quốc tế. |
| **8. Lệ phí :** | 135.000đồng/lần.  (Theo biểu mức thu lệ phí cấp GPLX ,Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính) |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe (Phụ lục 4, Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/07/2015 của Bộ Giao thông Vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | **(**Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/07/2012 của Bộ Giao thông Vận tải).  Người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp bằng vật liệu **PET** còn giá trị sử dụng. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/07/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế;  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính qui định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng... |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong giao trả cho người dân lưu giữ cá nhân, các thông tin về người lái xe được lưu trên hệ thống cơ sở dữ liệu ở Trung ương (Do Tổng Cục đường bộ Việt Nam quản lý). |

**Phụ lục IV**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT*

*ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Ðộc lập – Tự do – Hạnh phúc**  SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  Independence – Freedom – Happiness |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ**

APPLICATION FORM FOR ISSUANCE OF INTERNATIONAL DRIVING PERMIT

**Kính gửi (To):** Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải ........)

(Directorate for Roads of Viet Nam (Transport Department......)

Tôi là (Full name): ..............................................................................................................

Quốc tịch (Nationality):.......................................................................................................

Ngày tháng năm sinh (Date of birth): .................................................................................

Hiện thường trú tại (Place of normal residence):*.................................................................*

Số hộ chiếu (Passport No.): ................................................................................................

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): ............... tháng (month)............ năm (year)............

|  |
| --- |
| Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driving Licence No.): ...................... |
| Cơ quan cấp (Issuing Office): ............................................................................................ |
| Tại (Place of issue): ........................................................................................................... |
| Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): ........... tháng (month)............. năm (year)..............  Có giá trị đến (Valid until): ngày (date): ........... tháng (month)............. năm (year)......... |
| Lý do xin cấp giấy phép lái xe (Purpose of application for International Driving Permit)................................................................................................................................. |

Gửi kèm theo đơn gồm có (Documents enclosed as follows):

- 01 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm, nền mầu trắng (01 colour photograph 3 x 4 cm, white panel).

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *.................., ngày (date)....... tháng (month)....... năm (year).......*  **NGƯỜI LÀM ÐƠN (APPLICANT)**  ***(Ký và ghi rõ họ tên)***  ***(Signature and Full name)*** |
|  |  |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 13:** | **THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Tổchức đào tạo nộp hồ sơ và lệ phí tại tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.    **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 03 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 1 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:** (Điều 12 Nghị định số 65/2016/NĐ-CT ngày 01/07/2016 Chính Phủ qui định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe…).  - Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái (theo mẫu quy định tại phục lục 8 );  - Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu haowjc bản sao có chứng thực);  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | Không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép xe tập lái. |
| **8. Lệ phí :** | không |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái (Phụ lục 8, Nghị định số 65/2016/NĐ-CT ngày 01/07/2016 Chính Phủ qui định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe…). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | không |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  **-** Nghị định số 65/2016/NĐ-CT ngày 01/07/2016 Chính Phủ qui định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe…). |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được giao cho tổ chức lưu giữ. |

**Phụ lục 8**

**MẪU DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

*(Ban hành kèm theo* Nghị định số 65/2016/NĐ-CT ngày 01/07/2016 *)*

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**CƠ SỞ ĐÀO TẠO Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền.

Trường (Trung tâm) .......................…..….............đề nghị Cơ quan có thẩm quyền .……….....….xem xét, cấp giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

**DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Biển số đăng ký | Xe của cơ sở đào tạo | Xe hợp đồng | Nhãn hiệu | Loại xe | Số động cơ | Số khung | Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT | | Ghi chú | |
| Ngày cấp | Ngày hết hạn |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

……, ngày…….tháng……..năm 20....

**Nơi nhận :**  **HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC**

- Như trên; *(Ký tên, đóng dấu)*

- Lưu:

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 14:** | **THỦ TỤC CẤP MỚI VÀ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE LOẠI 3** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Tổ chức đào tạo nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 04 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở thành lập đoàn kiểm tra cấp Giấy chứng nhận hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 02 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:** (Điều 20,22 Nghị định số 65/2016/NĐ-CT ngày 01/07/2016 Chính Phủ qui định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe…).  - Giấy phép xây dựng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực)  - Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể;  - Hồ sơ thiết kế kích thước hình sát hạch;  - Loại xe cơ giới dùng để sát hạch;  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | Không quá 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức, cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy chứng nhận. |
| **8. Lệ phí :** | không |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | không. |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | không |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  **-** Nghị định số 65/2016/NĐ-CT ngày 01/07/2016 Chính Phủ qui định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe…). |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cơ quan tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận hồ sơ với phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 15** | **THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Nộp hồ sơ tại tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 07 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở thành lập đoàn kiểm tra cấp Giấy phép đào tạo hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 4,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |  | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. |  | 01 ngày | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:** (Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016).  - Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe (phụ lục 10);  - Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cơ quan có thẩm quyền (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);  - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);  - Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);  - Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);  **b). Số lượng:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | Không quá 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức, cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép đào tạo lái xe ô tô. |
| **8. Lệ phí :** | không |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Mẫu báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe(Phụ lục 10**,** Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016) |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Điều 5,6,7 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016  - Là cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thành lập theo qui định của Pháp luật;  - Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở đào tạo lái xe;  - Đủ điều kiện về cơ sở vật chất;  - Đủ điều kiện về giáo viên dạy lái xe ô tô. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  **-** Nghị định số 65/2016/NĐ-CT ngày 01/07/2016 Chính Phủ qui định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe…). |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cơ quan tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận hồ sơ với phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Phụ lục 10**

**MẪU BÁO CÁO**

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 65/2016/NĐ-CT ngày 01/07/2016 )

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN** **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆNAM**

**CƠ SỞ ĐÀO TẠO** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**

**I - GIỚI THIỆU CHUNG**

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban........

- Địa chỉ liên lạc:

- Điện thoại:................................ Fax:.......................................

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:

3. Quyết định thành lập số……, ngày:…../…./……., của................

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo /năm

**II - BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE**

1. Đào tạo lái xe từ năm.......... loại xe (xe con, xe tải...tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số...........ngày ... ../……/....của.....................................

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được......... học sinh, lái xe loại ......................

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại...., thời gian đào tạo....tháng(đối với từng loại, số học sinh mỗi loại). *(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)*

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m2), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp ... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên:

- Số giáo viên dạy lý thuyết:..........

- Số giáo viên dạy thực hành:..........

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH   
(HOẶC LÝ THUYẾT) LÁI XE**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Số giấy chứng minh nhân dân | Hình thức tuyển dụng | | Trình độ | | | Hạng giấy phép lái xe | Ngày trúng tuyển | Thâm niên dạy lái | Môn học giảng dạy | Ghi chú |
| Biên chế | Hợp đồng (thời hạn) | Văn hóa | Chuyên môn | Sư phạm |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chủng loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.

- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %);

- Thiết bị dạy lái trên xe

- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

**DANH SÁCH XE TẬP LÁI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Số đăng ký xe | Nhãn xe | Hạng xe | Năm  sản xuất | Chủ sở hữu/hợp đồng | Hệ thống phanh phụ (có, không) | Giấy phép xe tập lái (có, không) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái: diện tích ……........m2

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập;

- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị.

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**

(Ký tên, đóng dấu)

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 16** | **THỦ TỤC CẤP LẠI GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ HẾT HẠN, CHỈNH HẠNG XE ĐÀO TẠO, LƯU LƯỢNG ĐÀO TẠO.** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 07 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở thành lập đoàn kiểm tra cấp Giấy phép đào tạo hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 05 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 1 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm*: (***Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016)  - Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe (phụ lục 10);  - Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);  - Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);  **b). Số lượng:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | 07 ngày làm việc, trong đó:  - 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ cấp lại theo quy định;  - 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt kết quả. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức, cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép đào tạo lái xe ô tô. |
| **8. Lệ phí :** | không |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Mẫu báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe(Phụ lục 10**,** Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016) |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Điều 15 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016).  Giấy phép đào tạo lái xe ô tô được cấp lại khi hết hạn, điều chỉnh hạng xe đào tạo hoặc lưu lượng đào tạo. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  **-** Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 Chính Phủ qui định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe…). |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cơ quan tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận hồ sơ với phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Phụ lục 10**

**MẪU BÁO CÁO**

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 65/2016/NĐ-CT ngày 01/07/2016 )

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN** **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆNAM**

**CƠ SỞ ĐÀO TẠO** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**

**I - GIỚI THIỆU CHUNG**

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban........

- Địa chỉ liên lạc:

- Điện thoại:................................ Fax:.......................................

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:

3. Quyết định thành lập số……, ngày:…../…./……., của................

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo /năm

**II - BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE**

1. Đào tạo lái xe từ năm.......... loại xe (xe con, xe tải...tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số...........ngày ... ../……/....của.....................................

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được......... học sinh, lái xe loại ......................

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại...., thời gian đào tạo....tháng(đối với từng loại, số học sinh mỗi loại). *(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)*

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m2), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp ... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên:

- Số giáo viên dạy lý thuyết:..........

- Số giáo viên dạy thực hành:..........

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH   
(HOẶC LÝ THUYẾT) LÁI XE**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Số giấy chứng minh nhân dân | Hình thức tuyển dụng | | Trình độ | | | Hạng giấy phép lái xe | Ngày trúng tuyển | Thâm niên dạy lái | Môn học giảng dạy | Ghi chú |
| Biên chế | Hợp đồng (thời hạn) | Văn hóa | Chuyên môn | Sư phạm |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chủng loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.

- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %);

- Thiết bị dạy lái trên xe

- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

**DANH SÁCH XE TẬP LÁI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Số đăng ký xe | Nhãn xe | Hạng xe | Năm  sản xuất | Chủ sở hữu/hợp đồng | Hệ thống phanh phụ (có, không) | Giấy phép xe tập lái (có, không) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái: diện tích ……........m2

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập;

- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị.

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**

(Ký tên, đóng dấu)

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 17** | **THỦ TỤC CẤP, ĐỔI GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân có thể chọn nộp hồ sơ và lệ phí tại một trong các địa chỉ sau:  1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  2. Trường hợp đăng ký trực tuyến qua mạng, cá nhân, tổ chức truy cập vào địa chỉ trang web: **qlvt.mt.gov.vn** và làm theo hướng dẫn.   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 08 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh.[ | 1 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. |   **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau: |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc trực tuyến qua mạng. |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | *(*Điều 21 Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ).  **\* Cấp mới Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô:**  - Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (theo mẫu quy định);  - Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;  - Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành vận tải; Hợp đồng lao động của đơn vị và người trực tiếp điều hành vận tải;  - Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;  - Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ);  - Bản đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi).  **\* Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng ô tô do thay đổi nội dung của Giấy phép:**  - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại theo mẫu do Bộ Giao thông vận tải quy định;  - Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó;  - Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh bao gồm: Tên và địa chỉ đơn vị kinh doanh; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm: Số, ngày, tháng, năm, cơ quan cấp; Người đại diện hợp pháp; Các hình thức kinh doanh; Thời hạn có hiệu lực của Giấy phép kinh doanh; Cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh.  **\* Cấp lại Giấy phép kinh doanh do hết hạn Giấy phép:**  - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu do Bộ Giao thông vận tải quy định;  - Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó;  - Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.  **\* Cấp lại giấy phép do Giấy phép kinh doanh bị mất hoặc bị hư hỏng:**  **-** Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu do Bộ Giao thông vận tải quy định;  - Giấy phép kinh doanh bị hư hỏng (đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng) hoặc văn bản có xác nhận của Công an xã, phường nơi đơn vị kinh doanh vận tải trình báo mất Giấy phép kinh doanh.  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 22Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ).  - Đối với các trường hợp cấp mới, cấp lại do có thay đổi nội dung, cấp lại do hết hạn hoặc hư hỏng: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo đúng quy định.  - Đối với trường hợp cấp lại do bị mất Giấy phép: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo đúng quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức, cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép kinh doanh vận tải. |
| **8. Lệ phí :** | (Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND Tỉnh Tây Ninh).  - Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô: 200.000 đồng/giấy phép.  - Trường hợp cấp đổi, cấp lại (do mất, hỏng hoặc có thay đổi về điều kiện kinh doanh liên quan đến nội dung trong Giấy phép): 50.000 đồng/lần cấp. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (Phụ lục 1, Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải);  - Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (Phụ lục 3, Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải);  - Bản đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải (Phụ lục 6, Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Điều 13 Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ)  Đơn vị kinh doanh vận tải phải có đủ các điều kiện sau đây:  1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.  2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:  a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.  Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;  b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;  c) Xe phải được gắn thiết bị giám sát hành trình theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.  3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:  a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;  b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);  c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải. Nhân viên phục vụ trên xe vận tải khách du lịch còn phải được tập huấn về nghiệp vụ du lịch theo quy định của pháp luật liên quan về du lịch.4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.  5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.  6. Về tổ chức, quản lý:  a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;  b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định; đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có trọng tải thiết kế từ 30 chỗ ngồi trở lên (bao gồm cả chỗ ngồi, chỗ đứng và giường nằm) phải có nhân viên phục vụ trên xe (trừ xe hợp đồng đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên đi làm, đi học và xe buýt có thiết bị thay thế nhân viên phục vụ);  c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;  d) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi phải đăng ký và thực hiện tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;  - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.  - Thông tư số 66/2011/TT-BTC ngày 18/5/2011 của Bộ Tài chính Hướng dẫn lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;  - Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 của UBND Tỉnh Tây Ninh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cơ quan tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận hồ sơ với phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**PHỤ LỤC 1**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT*

*ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị KDVT:...................** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:……/…… | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP****GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

**Kính gửi:** Sở GTVT............................................

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có

3. Địa chỉ trụ sở:.............

4. Số điện thoại (Fax):.

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:......................... do.....................................................cấp ngày......... tháng......... năm.

6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:...............................................

7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-

-

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu. | **Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC 3**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT*

*ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị KD vận tải:........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**PHƯƠNG ÁN  
KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

**I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải**

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.

- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.

- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).

- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

- Các nội dung quản lý khác.

**II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải**

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.

- Tuyến khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.

- Phạm vi hoạt động của tuyến (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)

- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km).

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Màu sơn xe của đơn vị.

- Vị trí gắn hộp đèn xe taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.

- Hệ thống điều hành: địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.

- Lái xe taxi: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, vận tải hàng hóa thông thường…).

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC 6**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số:63/2014/TT-BGTVT*

*ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị KD vận tải:........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI**

**Kính gửi: Sở GTVT............................................................**

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải

2. Địa chỉ:...

3. Số điện thoại (Fax):............

4. Nội dung đăng ký

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách của Bộ Giao thông vận tải (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

Đơn vị đạt hạng: …. (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu. | **Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)* |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 18** | **THỦ TỤC CẤP, ĐỔI GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân có thể chọn nộp hồ sơ và lệ phí tại một trong các địa chỉ sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 08 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 05 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh | 01 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh |  | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | 01 ngày |   1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  2. Trường hợp đăng ký trực tuyến qua mạng, cá nhân, tổ chức truy cập vào địa chỉ trang web: **qlvt.mt.gov.vn** và làm theo hướng dẫn.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17  giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau: |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc trực tuyến qua mạng |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | *(*Điều 21 Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ).  **\* Cấp mới Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô:**  - Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu do Bộ Giao thông vận tải quy định;  - Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;  - Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;  **\* Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng ô tô do thay đổi nội dung của Giấy phép:**  - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại theo mẫu do Bộ Giao thông vận tải quy định;  - Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó;  - Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh bao gồm: Tên và địa chỉ đơn vị kinh doanh; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm: Số, ngày, tháng, năm, cơ quan cấp; Người đại diện hợp pháp; Các hình thức kinh doanh; Thời hạn có hiệu lực của Giấy phép kinh doanh; Cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh.  **\* Cấp lại Giấy phép kinh doanh do hết hạn Giấy phép:**  - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu do Bộ Giao thông vận tải quy định;  - Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó;  - Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.  **\* Cấp lại giấy phép do Giấy phép kinh doanh bị mất hoặc bị hư hỏng:**  **-** Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu do Bộ Giao thông vận tải quy định;  - Giấy phép kinh doanh bị hư hỏng (đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng) hoặc văn bản có xác nhận của Công an xã, phường nơi đơn vị kinh doanh vận tải trình báo mất Giấy phép kinh doanh.  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 22Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ)  - Đối với các trường hợp cấp mới, cấp lại do có thay đổi nội dung, cấp lại do hết hạn hoặc hư hỏng: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo đúng quy định.  - Đối với trường hợp cấp lại do bị mất Giấy phép: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo đúng quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép kinh doanh vận tải. |
| **8. Lệ phí :** | (Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND Tỉnh Tây Ninh).  - Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô: 200.000 đồng/giấy phép.  - Trường hợp cấp đổi, cấp lại (do mất, hỏng hoặc có thay đổi về điều kiện kinh doanh liên quan đến nội dung trong Giấy phép): 50.000 đồng/lần cấp. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (Phụ lục 1, Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải);.  - Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (Phụ lục 3, Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Điều 13 Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ)  Đơn vị kinh doanh vận tải phải có đủ các điều kiện sau đây:  1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.  2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:  a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.  b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;  c) Xe phải được gắn thiết bị giám sát hành trình theo quy định tại Điều 14 Nghị định 86/2014/NĐ-CP.  3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:  a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;  b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);  c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.  5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.  6. Về tổ chức, quản lý:  a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;  b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định; đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có trọng tải thiết kế từ 30 chỗ ngồi trở lên (bao gồm cả chỗ ngồi, chỗ đứng và giường nằm) phải có nhân viên phục vụ trên xe (trừ xe hợp đồng đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên đi làm, đi học và xe buýt có thiết bị thay thế nhân viên phục vụ); |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;  - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.  - Thông tư số 66/2011/TT-BTC ngày 18/5/2011 của Bộ Tài chính Hướng dẫn lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;  - Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 của UBND Tỉnh Tây Ninh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cơ quan tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận hồ sơ với phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**PHỤ LỤC 1**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT*

*ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị KDVT:...................** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:……/…… | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP  
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

**Kính gửi:** Sở GTVT............................................

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có

3. Địa chỉ trụ sở:.............

4. Số điện thoại (Fax):.

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:......................... do.....................................................cấp ngày......... tháng......... năm.

6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:...............................................

7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-

-

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu. | **Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC 3**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT*

*ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị KD vận tải:........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**PHƯƠNG ÁN  
KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

**I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải**

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.

- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.

- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).

- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

- Các nội dung quản lý khác.

**II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải**

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.

- Tuyến khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.

- Phạm vi hoạt động của tuyến (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)

- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km).

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Màu sơn xe của đơn vị.

- Vị trí gắn hộp đèn xe taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.

- Hệ thống điều hành: địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.

- Lái xe taxi: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, vận tải hàng hóa thông thường…).

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 19** | **THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN CỐ ĐỊNH** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 07 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở công bố công khai trên trên Trang thông tin điện tử của Sở thông tin đơn vị đăng ký khai thác (nếu là tuyến liên tỉnh phải thông báo cho Sở còn lại biết). | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 04 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh thông báo cho đơn vị được biết (đăng trên Trang thông tin điện tử của Sở). | 01 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho đơn vị vận tải được đăng trên Trang thông tin điện tử của Sở | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | (Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải) - Giấy đề đăng ký khai thác tuyến (theo mẫu quy định);  - Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô (theo mẫu quy định);  - Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định (theo mẫu quy định).  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải phải kiểm tra hồ sơ và trong thời hạn 02 ngày làm việc tiếp theo phải công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở việc doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký khai thác tuyến thành công hoặc không thành công. Trường hợp đăng ký khai thác tuyến không thành công, Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp, hợp tác xã và nêu rõ lý do. Các thông tin liên quan đến đăng ký khai thác tuyến phải được Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ gửi cho Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia biết để đồng thời công bố trên Trang Thông tin điện tử. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Thông báo công bố trên Trang Thông tin điện tử đơn vị đăng ký khai thác tuyến thành công hoặc thông báo kế hoạch lựa chọn đơn vị khai thác tuyến (nếu có từ 02 đơn vị trở lên đăng ký trùng tuyến, trùng giờ). |
| **8. Lệ phí :** | không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Giấy đề đăng ký khai thác tuyến (Phụ lục 2a Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải);  - Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô (Phụ lục 15, Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải);  - Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải (Phụ lục 7, Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải).  - Doanh nghiệp, hợp tác xã có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo tuyến định.  - Căn cứ biểu đồ chạy xe với các giờ xe chạy chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác đã được công bố, doanh nghiệp, hợp tác xã chủ động lựa chọn và gửi hồ sơ đăng ký khai thác tuyến theo quy định. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;  - Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cơ quan tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận hồ sơ với phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Phụ lục 2a**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX:** ...................... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: .............. /............. | *..........., ngày ...... tháng ...... năm .....* |

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải ……………….

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã: …………………………………………………..

2. Địa chỉ: …………………………………………………………………………..

3. Số điện thoại (Fax): ……………………………………………………………..

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: ........... do …*(tên cơ quan cấp)*.................. cấp ngày ........./...../...........

5. Đăng ký..........(1)..................tuyến: Mã số tuyến: ………………………………

Nơi đi:...........................................Nơi đến:...........................................................(2)

Bến xe đi:..................................... Bến xe đến:..................................................... (3)

Giờ xe xuất bến tại bến xe đi: …….. giờ.... phút, vào các ngày................................

Giờ xe xuất bến tại bến xe đến:…….giờ.... phút, vào các ngày................................

Số chuyến xe trong ngày/tuần/tháng:………………………………………………

Cự ly vận chuyển: .................km.

Hành trình chạy xe:...................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện doanh nghiệp, HTX** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).

(2) Ghi tên địa danh tỉnh đi, tỉnh đến.

(3) Ghi tên bến xe nơi đi và tên bến xe nơi đến.

**PHỤ LỤC 15**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT*

*ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị KD vận tải:........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**PHƯƠNG ÁN**

**KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ**

**I. Đặc điểm tuyến:**

Mã số tuyến:

Tên tuyến:...... đi.........................................và ngược lại.

Bến đi

Bến đến

Cự ly vận chuyển:.... ....km.

Hành trình:.......................... .........................................

**II. Biểu đồ chạy xe:**

1. Số chuyến (nốt (tài)). trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

***a) Chiều đi: xuất bến tại:………..***

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc…………… giờ..... phút, vào các ngày

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc.....................giờ…… phút, vào các ngày

***b) Chiều về: xuất bến tại:………..***

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc............. giờ…….... phút, vào các ngày

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc............ giờ..............phút, vào các ngày

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe.......... giờ………...phút.

4. Tốc độ lữ hành: km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

***a) Chiều đi: xuất bến tại:………***

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng(phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

***b) Chiều về: xuất bến tại:……….***

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:………

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:………

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

**III. Đoàn phương tiện:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nhãn hiệu xe | Năm sản xuất | Sức chứa | Tiêu chuẩn khí thải | Số lượng (chiếc) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 | … | … | … | … | … |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |

**IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nốt (tài) | Số lượng lái xe | Số lượng nhân viên phục vụ | Ghi chú |
| 1 | Nốt (tài) 1 |  |  |  |
| 2 | Nốt (tài) 2 |  |  |  |
|  | .... |  |  |  |

**V. Giá vé và cước hành lý:**

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:................... đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từ.....đến.......):........................đồng/HK.

- Chặng 2 (từ.....đến.......):.........................đồng/HK.

- Chặng................

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:.........................................kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:........................đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bến xe:.......................................................................

b) Bán vé tại đại lý:....................... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)...

c) Bán vé qua mạng:.............. (địa chỉ trang web).

**VI. Xe trung chuyển (nếu có):**

- Loại xe:…………….., sức chứa:…………, năm sản xuất

- Số lượng xe:………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện doanh nghiệp, HTX** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC 15**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT*

*ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Doanh Nghiệp, HTX…….** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI  
TRÊN TUYẾN CỐ ĐỊNH**

**Kính gửi:** Sở GTVT.............................................................

1. Tên doanh nghiệp, HTX

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại (Fax):

4. Đơn vị đã đăng ký và được công nhận là đơn vị đạt Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hạng…… theo mức chất lượng dịch vụ vận tải do Bộ Giao thông vận tải quy định. (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương hạng …..của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

5. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

Tỉnh đi............ tỉnh đến.........; Bến đi........... Bến đến............. như sau:

a) Đạt chất lượng dịch vụ loại……(sao) theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ GTVT ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại ….. (sao) của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

b) Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:…..

c) Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:................

Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu. | **Đại diện doanh nghiệp, HTX** *(Ký tên, đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 20** | **THỦ TỤC CẤP PHÙ HIỆU XE Ô TÔ** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân có thể chọn nộp hồ sơ tại một trong các địa chỉ sau:  1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  2. Trường hợp đăng ký trực tuyến qua mạng, cá nhân, tổ chức truy cập vào địa chỉ trang web: **qlvt.mt.gov.vn** và làm theo hướng dẫn.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 02 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết (chuyển qua phần mềm DVC trực tuyến). | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Thực hiện cấp phù hiệu hoặc thẩm định từ chối hồ sơ qua phần mềm DVC trực tuyến. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 0,5 ngày | | - Chuyển Phù hiệu về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc nộp trực tuyến qua mạng. |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | (Khoản 5 Điều 55 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT và khoản 11 Điều 1 Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải)  - Giấy đề nghị cấp phù hiệu (theo mẫu quy định);  - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì Sở Giao thông vận tải nơi nhận hồ sơ phải lấy ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo quy định.  - Cung cấp tên Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp phù hiệu (đối với xe quy định phải lắp thiết bị giám sát hành trình).  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Khoản 8 Điều 55 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải) - 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định (đối với phương tiện mang biển số đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính).  - 08 (tám) ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định (đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính). |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Cá nhân và tổ chức. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Phù hiệu xe ô tô. |
| **8. Lệ phí :** | không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Giấy đề nghị cấp phù hiệu (Phụ lục 24, Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải) |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 2, 3, 4 Điều 55 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải).  - Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi, theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc và xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia kinh doanh trong danh sách xe do đơn vị đề nghị theo quy định.  - Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô sau khi đã đăng ký khai thác tuyếnthành công; thông báo thay xe, bổ sung xe nhưng không làm tăng số chuyến xe chạy trên tuyến của doanh nghiệp, hợp tác xã và khi phù hiệu bị hết hiệu lực, bị mất, bị hư hỏng theo quy định.  - Xe đang tham gia khai thác vận tải hành khách tuyến cố định, nếu có nhu cầu vận chuyển hành khách theo hợp đồng thì doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản gửi Sở Giao thông vận tải đề nghị cấp phù hiệu xe hợp đồng.  - Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản công bố tuyến, chấp thuận bổ sung, thay thế xe và khi phù hiệu hết hiệu lực, bị mất, bị hư hỏng theo quy định. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao Thông đường bộ năm 2008;  - Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;  - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.  - Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**PHỤ LỤC 24**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số:63/2014/TT-BGTVT*

*ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị vận tải:...............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU**

**Kính gửi:**..........(Sở Giao thông vận tải)..............

1. Tên đơn vị vận tải:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại (Fax):..............................................

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô......... ngày.......tháng......năm...... ………nơi cấp...................................................................................(1).

Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:

Đề nghị được cấp: (2)............ .

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến CĐ (HĐ, DL, taxi, xe tải…) |
| 1  2  .. |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị vận tải** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.

(2) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

**PHỤ LỤC 25**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số:63/2014/TT-BGTVT*

*ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Sở GTVT:..(1)....** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:.............. /................. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG**

**CỦA XE Ô TÔ THAM GIA KINH DOANH VẬN TẢI**

**Kính gửi: Sở GTVT..(2).**

Sở GTVT …(1). đề nghị Sở GTVT …………… (2) xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải như sau:

1.Tên doanh nghiệp/ hợp tác xã

2. Trụ sở

3. Số điện thoại (Fax):........

4. Giấy phép kinh doanh vận tải số:........ do................................................................... cấp ngày.................... tháng..................... năm...................

Đề nghị Sở GTVT …………(2)…xác nhận xe ô tô mang biển số …thuộc sở hữu (quyền sử dụng hợp pháp) của.....(tên doanh nghiệp/HTX)....chưa được cấp Phù hiệu **(hoặc đã trả lại phù hiệu)** để chuyển đến hoạt động kinh doanh vận tải do Sở GTVT...(1)....quản lý.

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của Sở Giao thông vận tải** (2) *Ngày..... tháng...... năm...... (Ký tên, đóng dấu)* | **Sở Giao thông vận tải (1)**  *(Ký tên, đóng dấu)* |
|  |  |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Ghi tên Sở GTVT địa phương nơi phương tiện cấp phù hiệu, biển hiệu;

(2) Ghi tên Sở GTVT nơi phương tiện chuyển đến.

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 21** | **THỦ TỤC CẤP LẠI PHÙ HIỆU XE Ô TÔ** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân có thể chọn nộp hồ sơ tại một trong các địa chỉ sau:  1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  2. Trường hợp đăng ký trực tuyến qua mạng, cá nhân, tổ chức truy cập vào địa chỉ trang web: **qlvt.mt.gov.vn** và làm theo hướng dẫn.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 02 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 0,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc nộp trực tuyến qua mạng. |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:** (Khoản 5 Điều 55 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải)  - Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (theo mẫu quy định);  - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải;  - Cung cấp tên Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp phù hiệu (đối với xe quy định phải lắp thiết bị giám sát hành trình).  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Khoản 8 Điều 55 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải) - 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định (đối với phương tiện mang biển số đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính).  - 08 (tám) ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định (đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính). |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Cá nhân và tổ chức. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Phù hiệu, biển hiệu chạy xe. |
| **8. Lệ phí :** | không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Giấy đề nghị cấp đổi phù hiệu, biển hiệu (Phụ lục 24, Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải) |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 55 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải).  - Đơn vị kinh doanh có Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô và có văn bản chứng nhận đủ điều kiện vận tải khách du lịch của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được Sở Giao thông vận tải cấp biển hiệu cho xe ô tô tham gia hoạt động vận tải khách du lịch theo quy định.  - Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi, theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc và xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia kinh doanh trong danh sách xe do đơn vị đề nghị theo quy định.  - Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản chấp thuận khai thác tuyến; chấp thuận điều chỉnh tần suất chạy xe; thông báo thay xe, bổ sung xe nhưng không làm tăng tần suất chạy xe của doanh nghiệp, hợp tác xã và khi phù hiệu bị hết hiệu lực, bị mất, bị hư hỏng theo quy định.  - Xe đang tham gia khai thác vận tải hành khách tuyến cố định, nếu có nhu cầu vận chuyển hành khách theo hợp đồng thì doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản gửi Sở Giao thông vận tải đề nghị cấp phù hiệu xe hợp đồng.  - Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản công bố tuyến, chấp thuận bổ sung, thay thế xe và khi phù hiệu hết hiệu lực, bị mất, bị hư hỏng theo quy định. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao Thông đường bộ năm 2008;  - Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;  - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**PHỤ LỤC 24**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số:63/2014/TT-BGTVT*

*ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị vận tải:...............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU**

**Kính gửi:**..........(Sở Giao thông vận tải)..............

1. Tên đơn vị vận tải:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại (Fax):..............................................

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô......... ngày.......tháng......năm...... ………nơi cấp...................................................................................(1).

Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:

Đề nghị được cấp: (2)............ .

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến CĐ (HĐ, DL, taxi, xe tải…) |
| 1  2  .. |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị vận tải** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.

(2) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

**PHỤ LỤC 25**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số:63/2014/TT-BGTVT*

*ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Sở GTVT:..(1)....** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:.............. /................. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG**

**CỦA XE Ô TÔ THAM GIA KINH DOANH VẬN TẢI**

**Kính gửi: Sở GTVT..(2).**

Sở GTVT …(1). đề nghị Sở GTVT …………… (2) xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải như sau:

1.Tên doanh nghiệp/ hợp tác xã

2. Trụ sở

3. Số điện thoại (Fax):........

4. Giấy phép kinh doanh vận tải số:........ do................................................................... cấp ngày.................... tháng..................... năm...................

Đề nghị Sở GTVT …………(2)…xác nhận xe ô tô mang biển số …thuộc sở hữu (quyền sử dụng hợp pháp) của.....(tên doanh nghiệp/HTX)....chưa được cấp Phù hiệu **(hoặc đã trả lại phù hiệu)** để chuyển đến hoạt động kinh doanh vận tải do Sở GTVT...(1)....quản lý.

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của Sở Giao thông vận tải** (2) *Ngày..... tháng...... năm...... (Ký tên, đóng dấu)* | **Sở Giao thông vận tải (1)**  *(Ký tên, đóng dấu)* |
|  |  |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Ghi tên Sở GTVT địa phương nơi phương tiện cấp phù hiệu, biển hiệu;

(2) Ghi tên Sở GTVT nơi phương tiện chuyển đến.

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 22** | **THỦ TỤC CÔNG BỐ ĐƯA BẾN XE HÀNG VÀO KHAI THÁC** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân chọn nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 10 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 07 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |  | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | 01 ngày | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm bưu điện: tỉnh, huyện, xã). |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | a) Thành phần hồ sơ: *(*Khoản 5 Điều 57 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải) - Giấy đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác (theo mẫu quy định);  - Sơ đồ mặt bằng tổng thể bến xe hàng;  - Biên bản nghiệm thu các tiêu chí theo yêu cầu kỹ thuật bến xe hàng theo quy định;  - Văn bản chấp thuận đấu nối đường ra vào bến xe hàng của cơ quan có thẩm quyền.  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Điểm c Khoản 6 Điều 57 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải)10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công bố đúng theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Cá nhân và tổ chức. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Quyết định công bố đưa bến xe hàng vào khai thác. |
| **8. Lệ phí :** | không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Giấy đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác (Phụ lục 29, Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải) |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 1 Điều 57 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải) Yêu cầu kỹ thuật bến xe hàng:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Tiêu chí** | **Đơn vị tính** | **Yêu cầu** | | 1 | Tổng diện tích (tối thiểu) | m2 | 2.000 | | 2 | Diện tích kho hàng kín tối thiểu | m2 | Theo yêu cầu | | 3 | Trang thiết bị bốc, xếp bằng cơ giới |  | Có | | 4 | Diện tích đỗ xe (tối thiểu) | m2 | 800 | | 5 | Văn phòng làm việc và các công trình phụ trợ (tối thiểu) |  | 2 – 4 % Tổng diện tích bến | | 6 | Đường xe ra, vào |  | Riêng biệt hoặc chung | | 7 | Hệ thống thoát nước |  | Có hệ thống tiêu thoát nước bảo đảm không ứ đọng nước | | 8 | Hệ thống cứu hoả |  | Theo quy định của cơ quan phòng cháy, chữa cháy | |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao Thông đường bộ năm 2008;  - Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;  - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**PHỤ LỤC 29**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT*

*ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX:...... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:........ /.......... | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ ĐƯA…….(tên bến xe hàng)……vào khai thác**

**Kính gửi:** Sở GTVT………………………………………..…….

1. Tên đơn vị:. .

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có

3. Trụ sở:....................................

4. Số điện thoại (Fax):................................................

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số.............. do............................cấp ngày........tháng........ năm...........

6. Sau khi xem xét và đối chiếu với các tiêu chí kỹ thuật bến xe hàng quy định tại Thông tư số …/2014/TT-BGTVT ngày … tháng … năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, chúng tôi đề nghị Sở GTVT…….kiểm tra, xác nhận và công bố đưa……(tên bến xe hàng)…… thuộc tỉnh:........................... vào khai thác. Cụ thể như sau:

- Tên bến xe:.................................................................

- Địa chỉ:(1)...................................................................

- Tổng diện tích đất: (2

….(tên đơn vị)… . cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu… | **Đại diện Doanh nghiệp, Hợp tác xã** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Ghi địa danh, lý trình, địa chỉ của bến xe hàng.

(2) Ghi theo giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 23** | **THỦ TỤC CÔNG BỐ BẾN XE KHÁCH VÀO KHAI THÁC** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 13 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở thành lập đoàn kiểm tra hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 10 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. |   **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau: |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:** (Mục 3.1.2.1 Quy chuẩn bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải)  - Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác (theo mẫu quy định);  - Văn bản chấp thuận đấu nối đường ra, vào bến xe khách với đường bộ của cơ quan có thẩm quyền;  - Bảng vẽ bố trí mặt bằng tổng thể bến xe khách;  - Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền và biên bản nghiệm thu xây dựng;  - Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách (theo mẫu quy định);  - Quy chế quản lý khai thác bến xe khách do đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách ban hành.  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Mục 3.1.2.1 Quy chuẩn bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải) **13 ngày làm việc**, Trong đó:  - 10 ngày làm  việc, kể  từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn này mà đơn vị khai thác bến xe khách đề nghị thì các tiêu chí không đạt yêu cầu phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác bến xe khách.  - Sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe khách mà đơn vị khai thác bến xe khách đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác. |
| **8. Lệ phí :** | không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Giấy đề nghị đưa bến xe khách vào khai thác (Phụ lục 1, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách ban hành theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải);  - Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn với các công trình của bến xe khách (Phụ lục 2, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 ban hành theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Mục 3.1.1 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách ban hành theo Thông tư số 49/2012/ TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải)  Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác bến xe khách phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách.- Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**PHỤ LỤC 1**

*(Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách*

*Ban hành kèm theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT*

*ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| …… (2) ……. **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……../……. | *………, Ngày ….tháng….năm…..* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ   
CÔNG BỐ ĐƯA BẾN XE KHÁCH VÀO KHAI THÁC**

**Kính gửi:** ……………. (1) ……………………………

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):

3. Trụ sở:

4. Số điện thoại (Fax):

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do …………………… .. cấp ngày ………… tháng ………………..… năm …..

Đề nghị kiểm tra để đưa bến xe khách ……….. (3) ………………… Cụ thể như sau:

- Tên: (3)

- Địa chỉ: (4)

- Tổng diện tích đất: (5).…

Sau khi xem xét và đối chiếu với các quy định tại QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị ....(1) ….. công bố Bến xe khách ….. (3) ….. đạt quy chuẩn Bến xe loại: ….. (6) ….. và được đưa vào khai thác ….. (2) .... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu... | **Đại diện đơn vị** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách

(3) Ghi tên bến xe khách

(4) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách

(5) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách

(6) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố

**PHỤ LỤC 2**

*(Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015*

*Ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT*

*ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| …… (2) ……. **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……../……. | *………, Ngày ….tháng….năm…..* |

**BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN VỚI CÁC  
CÔNG TRÌNH CỦA BẾN XE KHÁCH**

**Kính gửi: ………………(1)…………………..**

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):

2. Trụ sở:

3. Số điện thoại (Fax): ………

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của Bến xe khách ….. ………………………….(3) ….. như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí phân loại** | **Đơn vị tính** | **Quy định kỹ thuật của Bến xe khách loại …(4)…** | **Theo thực tế** |
| 1 | Tổng diện tích (tối thiểu) | m2 |  |  |
| 2 | Số vị trí đón khách (tối thiểu) | Vị trí |  |  |
| 3 | Số vị trí trả khách (tối thiểu) | Vị trí |  |  |
| 4 | Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu) | m2 |  |  |
| 5 | Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác | m2 |  |  |
| 6 | Diện tích phòng chờ cho hành khách (tối thiểu) m2 | m2 |  |  |
| 7 | Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách | Chỗ |  |  |
| 8 | Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu) |  |  |  |
| 9 | Diện tích khu vực làm việc |  |  |  |
| 10 | Diện tích văn phòng dành cho Công an, Y tế, Thanh tra giao thông |  |  |  |
| 11 | Diện tích khu vệ sinh |  |  |  |
| 12 | Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ |  |  |  |
| 13 | Đường xe ra, vào bến |  |  |  |
| 14 | Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách |  |  |  |
| 15 | Mặt sân bến |  |  |  |
| 16 | Hệ thống cung cấp thông tin |  |  |  |
| 17 | Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến |  |  |  |

…………………………...(2)……………... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:** - Như trên; - Lưu... | **Đại diện đơn vị** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách

(3) Ghi tên bến xe

(4) Ghi loại bến xe đề nghị công bố

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 24** | **THỦ TỤC CÔNG BỐ LẠI BẾN XE KHÁCH** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 13 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở thành lập đoàn kiểm tra hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 10 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. |   **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau: |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:** (Mục 3.1.2.2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 ban hành theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải)  - Giấy đề nghị công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác (theo mẫu quy định);  - Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể các công trình xây dựng, cải tạo bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);  - Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);  - Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);  - Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn này với các công trình của bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Mục 3.1.2.1 Quy chuẩn bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải) **13 ngày làm việc**, Trong đó:  - 10 ngày làm  việc, kể  từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn này mà đơn vị khai thác bến xe khách đề nghị thì các tiêu chí không đạt yêu cầu phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác bến xe khách.  - Sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe khách mà đơn vị khai thác bến xe khách đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Quyết định công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác |
| **8. Lệ phí :** | không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn với các công trình của bến xe khách (Phụ lục 2, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 ban hành theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải);  - Giấy đề nghị công bố lại bến xe khách vào khai thác (Phụ lục 4, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách ban hành theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Mục 3.1.1 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách ban hành theo Thông tư số 49/2012/ TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải)  Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác bến xe khách phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách.- Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**PHỤ LỤC 2**

*(Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015*

*Ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT*

*ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| …… (2) ……. **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……../……. | *………, Ngày ….tháng….năm…..* |

**BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN VỚI CÁC  
CÔNG TRÌNH CỦA BẾN XE KHÁCH**

**Kính gửi: ………………(1)…………………..**

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):

2. Trụ sở:

3. Số điện thoại (Fax): ………

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của Bến xe khách ….. ………………………….(3) ….. như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí phân loại** | **Đơn vị tính** | **Quy định kỹ thuật của Bến xe khách loại …(4)…** | **Theo thực tế** |
| 1 | Tổng diện tích (tối thiểu) | m2 |  |  |
| 2 | Số vị trí đón khách (tối thiểu) | Vị trí |  |  |
| 3 | Số vị trí trả khách (tối thiểu) | Vị trí |  |  |
| 4 | Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu) | m2 |  |  |
| 5 | Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác | m2 |  |  |
| 6 | Diện tích phòng chờ cho hành khách (tối thiểu) m2 | m2 |  |  |
| 7 | Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách | Chỗ |  |  |
| 8 | Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu) |  |  |  |
| 9 | Diện tích khu vực làm việc |  |  |  |
| 10 | Diện tích văn phòng dành cho Công an, Y tế, Thanh tra giao thông |  |  |  |
| 11 | Diện tích khu vệ sinh |  |  |  |
| 12 | Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ |  |  |  |
| 13 | Đường xe ra, vào bến |  |  |  |
| 14 | Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách |  |  |  |
| 15 | Mặt sân bến |  |  |  |
| 16 | Hệ thống cung cấp thông tin |  |  |  |
| 17 | Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến |  |  |  |

…………………………...(2)……………... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:** - Như trên; - Lưu... | **Đại diện đơn vị** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách

(3) Ghi tên bến xe

(4) Ghi loại bến xe đề nghị công bố

**PHỤ LỤC 4**

*(Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách*

*Ban hành kèm theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT*

*ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| …… (2) ……. **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……../……. | *………, Ngày ….tháng….năm…..* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ LẠI BẾN XE KHÁCH**

**Kính gửi: …………… (1) ………………………..**

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: …………….…. (2) ………………………………………

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):

3. Trụ sở:

4. Số điện thoại (Fax

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ………….… do cấp ngày………………. … tháng………………………… năm ………………….…..

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác ...(3)…… Theo Quyết định công bố đưa Bến xe khách vào khai thác số.... ngày.... tháng...năm...của ....(1)….. Thời gian được phép khai thác đến ngày............................ tháng……………... năm …………….…..

Sau khi xem xét các quy định tại QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị …. (1) ….. tiếp tục công bố đưa Bến xe khách …. (3).... đạt loại: ……… (4): …………. vào khai thác..(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu... | **Đại diện đơn vị** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách

(3) Ghi tên bến xe khách

(4) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 25** | **THỦ TỤC CÔNG BỐ ĐƯA TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 13 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 10 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:** (Khoản 3 Mục 3 Thông tư số 48/2012/ TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ Giao thông vận tải)  - Giấy đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (theo mẫu quy định);  - Văn bản chấp thuận đấu nối đường ra, vào trạm dừng nghỉ với đường giao thông của cơ quan có thẩm quyền;  - Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật trạm dừng nghỉ;  - Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền;  - Biên bản nghiệm thu xây dựng;  - Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ (theo mẫu quy định);  - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị kinh doanh khai thác trạm dừng nghỉ;  - Quy chế quản lý khai thác do trạm dừng nghỉ ban hành.  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Khoản 3 Mục 3 Thông tư số 48/2012/ TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ Giao thông vận tải) 13 ngày làm việc, Trong đó:  - 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì các tiêu chí không đạt yêu cầu, phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ.  - Sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì chậm nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác. |
| **8. Lệ phí :** | không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Giấy đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (Phụ lục 2, Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ Giao thông vận tải);  - Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ (Phụ lục 3, Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 3 Mục 3 Thông tư số 48/2012/ TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ Giao thông vận tải)  Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Phụ lục 2**

*Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT*

*ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*

|  |  |
| --- | --- |
| …… (2) ……. **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……../……. | *………, Ngày ….tháng….năm…..* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**CÔNG BỐ ĐƯA TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC**

**Kính gửi: ………………….. (1) ……………………….**

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2):

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):

3. Trụ sở:

4. Số điện thoại (Fax):

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số …………….. do ………………… cấp ngày ………………. tháng ………….……… năm………………….

Đề nghị kiểm tra để đưa trạm dừng nghỉ …………..….. (3) ………………….. thuộc tỉnh:(4) ………………..….. vào khai thác. Cụ thể như sau:

- Tên: (3)

- Địa chỉ: (5)

- Tổng diện tích đất: (6)

Sau khi xem xét và đối chiếu với các tiêu chí quy định tại QCVN 43:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ, chúng tôi đề nghị ....(1)....công bố đưa Trạm dừng nghỉ....(3).... đạt loại: ……………. (7): ………………… và được đưa vào khai thác.

…………....(2)............... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu... | **Đại điện đơn vị** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ

(4) Ghi tên tỉnh

(5) Ghi lý trình, địa chỉ của trạm dừng nghỉ

(6) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây trạm dừng nghỉ

(7) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

**Phụ lục 3**

*Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT*

*ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*

|  |  |
| --- | --- |
| …… (2) ……. **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……../……. | *………, Ngày ….tháng….năm…..* |

**BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TRẠM DỪNG NGHỈ**

**Kính gửi: ………………… (1) …………………………….**

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2):

2. Trụ sở:

3. Số điện thoại (Fax):

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của trạm dừng nghỉ …………………….…. (3) …………..……. như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí phân loại** | **Đơn vị tính** | **Theo quy định kỹ thuật của TDN loại …(4)…** | **Theo thực tế** |
| 1 | Tổng diện tích mặt bằng trạm (tối thiểu) | m2 |  |  |
| 2 | Bãi đỗ xe (diện tích tối thiểu) | m2 |  |  |
| 3 | Đường xe ra, vào |  |  |  |
| 4 | Khu kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện |  |  |  |
| 5 | Trạm cấp nhiên liệu |  |  |  |
| 6 | Mặt sân khu vực bãi đỗ xe |  |  |  |
| 7 | Khu vệ sinh | m2 |  |  |
| 8 | Phòng nghỉ tạm thời cho lái xe | m2 |  |  |
| 9 | Không gian nghỉ ngơi (Khu vực có mái che và khu vực trồng cây xanh có ghế ngồi) | m2 |  |  |
| 10 | Nơi cung cấp thông tin |  |  |  |
| 11 | Khu phục vụ ăn uống, giải khát |  |  |  |
| 12 | Khu vực giới thiệu và bán hàng hóa |  |  |  |

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu... | **Đại điện đơn vị** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ

(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 26** | **THỦ TỤC CÔNG BỐ LẠI TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 13 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 10 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:** (Khoản 3 Mục 3 Thông tư số 48/2012/ TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ Giao thông vận tải)  - Giấy đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (theo mẫu quy định);  - Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật các công trình xây dựng, cải tạo trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);  - Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);  - Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);  - Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);  - Báo cáo kết quả hoạt động (theo mẫu quy định).  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Khoản 3 Mục 3 Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ Giao thông vận tải) 13 ngày làm việc, Trong đó:  - 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì các tiêu chí không đạt yêu cầu, phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ.  - Sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì chậm nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Quyết định công bố lại trạm dừng nghỉ vào khai thác. |
| **8. Lệ phí :** | không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ Giao thông vận tải);  - Báo cáo kết quả hoạt động (Phụ lục 6, Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 3 Mục 3 Thông tư số 48/2012/ TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ Giao thông vận tải)  Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Phụ lục 5**

*Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT*

*ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*

|  |  |
| --- | --- |
| …… (2) ……. **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……../……. | *………, Ngày ….tháng….năm…..* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**TIẾP TỤC CÔNG BỐ ĐƯA TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC**

**Kính gửi: ……………………… (1) …………………………..**

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2)

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):

3. Trụ sở:

4. Số điện thoại (Fax):

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ……………. do………………. cấp ngày ………. tháng ……….. năm ……………………..

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ: … (3) ………….. theo Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác số.... ngày.... tháng...năm...của ....(1) thời gian được phép khai thác đến ngày... tháng.... năm......

Sau khi xem xét các quy định tại QCVN 43:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ,chúng tôi đề nghị ………. (1) ………. tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ ….. (3).... đạt loại: ……. (4): ………..vào khai thác.

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu. | **Đại diện đơn vị** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Gửi Sở GTVT, Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên Trạm dừng nghỉ

(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

**Phụ lục 6**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT*

*ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| …… (2) ……. **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……../……. | *………, Ngày ….tháng….năm…..* |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

**Kính gửi: ……….. (1) …………………..**

………. (2) hiện đang quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ ..(3).... theo Quyết định số.... ngày.... tháng...năm... của ….. (1) ….. thời gian được phép khai thác từ ngày ….. tháng ….. năm ….. đến ngày... tháng.... năm ....

………. (2).... Báo cáo kết quả hoạt động trong khoảng thời gian trên với các nội dung sau:

**I. Kết quả kinh doanh khai thác.**

1. Tổng số phương tiện vào trạm: ………………… (lượt xe)

Trong đó:

- Xe con: (lượt xe)

- Xe Khách trên 30 ghế: (lượt xe)

- Xe Khách dưới 30 ghế: (lượt xe)

- Xe tải: (lượt xe)

2. Tổng số khách vào trạm: ………………….. (lượt khách)

3. Bình quân mỗi ngày có: ………. lượt xe và ………….. lượt khách vào trạm.

Trong đó có: ………. xe con; ………..xe khách trên 30 ghế; ………. xe khách dưới 30 ghế và .......... xe tải.

**II. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của trạm dừng nghỉ:**

(Báo cáo về tình trạng hiện tại, việc duy trì, bổ sung, cải tạo, nâng cấp các công trình, trang thiết bị của trạm và đối chiếu với các tiêu chí tương ứng của quy chuẩn QCVN 43:2012/BGTVT)

**III. Việc thực hiện các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ và các quy định pháp luật liên quan khác:**

**IV. Các vi phạm trong quá trình hoạt động (nếu có):**

(Kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra về các vi phạm của trạm dừng nghỉ; số lần và mức xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền đối với trạm. Các biện pháp và kết quả khắc phục của đơn vị khai thác trạm với các vi phạm trên).

**V. Kiến nghị, khiếu nại của người sử dụng trạm (nếu có):**

(Báo cáo từng trường hợp và biện pháp, kết quả giải quyết của đơn vị khai thác trạm)

**VI. Các kiến nghị của đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ý kiến của Sở GTVT địa phương** (Ký tên, đóng dấu) | **Đại diện đơn vị khai thác trạm** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Gửi Sở GTVT, Tổng cục ĐBVN (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ

(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 27** | **THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG LẦN ĐẦU** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được uỷ quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 10 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 07 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. |   Cá nhân nộp hồ sơ và lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:** (Điều 4,5,6,7 Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải; Khoản 1 Điều 1 Thông tư 59/2011/TT-BGTVT ngày 5/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải).  **-** Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng bản chính (theo mẫu quy định);  - Chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng là một trong những chứng từ sau:  + Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);  + Giấy bán, cho, tặng (theo mẫu quy định) (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);  + Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng);  + Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu (bản chính);  + Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);  + Văn bản phát mại theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);  + Lệnh xuất hàng của Cục Dự trữ quốc gia. Trường hợp lệnh xuất hàng gồm nhiều xe máy chuyên dùng thì mỗi xe phải có một bản sao có chứng thực;  - Chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng bao gồm:  + Đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước, chứng từ nguồn gốc là phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của cơ sở sản xuất (bản chính);  + Đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu, chứng từ nguồn gốc là tờ khai hàng hoá nhập khẩu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);  + Đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo, chứng là nguồn gốc là: Xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước, chứng từ nguồn gốc là phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của cơ sở sản xuất (bản chính);  + Hoặc xe máy chuyên dùng nhập khẩu, chứng từ nguồn gốc là tờ khai hàng hoá nhập khẩu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);  + Biên bản nghiệm thu xuất xưởng của cơ sở được phép cải tạo;Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có chứng từ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai xoá sổ đăng ký (theo mẫu quy định) (các loại giấy tờ nêu trên là bản chính).  + Đối với xe máy chuyên dùng không có nguồn gốc hợp pháp đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý phải có quyết định xử lý theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).  - Trường hợp chủ sở hữu mất một trong những giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng thì phải nộp thêm bản cam đoan theo mẫu (bản chính) theo mẩu quy định.  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng. |
| **8. Lệ phí :** | ( Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính).  - Cấp mới kèm theo biển số: 200.000đồng/lần/phương tiện;  - Đóng lại số khung, số máy: 50.000đồng/lần/phương tiện. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Mẫu tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng (Phụ lục 2, Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải);  - Mẫu Giấy bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng (Phụ lục 3, Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải);  - Mẫu tờ khai xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng (Phụ lục 4, Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải);  - Mẫu tờ cam đoan về hồ sơ đăng ký xe máy chuyên dùng (Phụ lục 19, Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | không |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | **-** Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;  - Thông tư 59/2011/TT-BGTVT ngày 5/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Phụ lục 2**

**MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*

*Ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:…………………….......... Số CMND hoặc hộ chiếu:

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....................Số CMND hoặc hộ chiếu:

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:.

Địa chỉ thường trú:

Loại xe máy chuyên dùng:…………...........................Màu sơn:

Nhãn hiệu (mác, kiểu):………………… ……Công suất: .

Nước sản xuất:…………………………………Năm sản suất:

Số động cơ:…………………………………….Số khung:

Kích thước bao (dài x rộng x cao): …………………....Trọng lượng:

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải ………………xét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

… , ngày......tháng…… năm………

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

*(Dán trà số động cơ) (Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- Đăng ký lần đầu - Mất chứng từ gốc

- **Số biển số cũ:** (nếu có):………………...**Biển số đề nghị cấp:** ……….…………

**Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*\*Ghi chú: - Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng;*

*- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;*

*- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

**Phụ lục 3**

**MẪU GIẤY BÁN, CHO, TẶNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20 /2010/TT-BGTVT*

*ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY BÁN, CHO, TẶNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:………..……............ Số CMND hoặc hộ chiếu:

Ngày cấp:……………………… ..............Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có)

Địa chỉ thường trú……………………………Số CMND hoặc hộ chiếu

Ngày cấp………………………………….... Nơi cấp:

Hiện tôi đang là chủ sở hữu chiếc xe máy chuyên dùng này:

Loại xe máy chuyên dùng:………...................Màu sơn:

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……… ………………Công suất:

Nước sản xuất:……………………………….Năm sản xuất:

Số động cơ:...………………………………...Số khung

Kích thước bao (dài x rộng x cao):……..…….......Trọng lượng

Biển số đăng ký (nếu có):……………Ngày cấp……………Cơ quan cấp.

Nơi cấp:

Nay tôi bán, cho, tặng chiếc xe máy chuyên dùng này cho ông bà)

Địa chỉ thường trú:

Số CMND hoặc hộ chiếu số:.......................ngày cấp.................Nơi cấp.

Các loại giấy tờ kèm theo bao gồm:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |

…., ngày…..tháng…….năm……

Xác nhận của chính quyền cấp xã Người bán, cho, tặng ký tên

nơi người bán, cho, tặng đăng ký thường trú. (Ghi rõ họ và tên)

*(Nội dung xác nhận là chứng thực chữ ký*

*của người bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng)*

*\*Ghi chú: Nếu là đồng chủ sở hữu phải có đủ chữ ký của đồng chủ sở hữu.*

**Phụ lục 4**

**MẪU TỜ KHAI XOÁ SỔ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20 /2010/TT-BGTVT*

*ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải))*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI XOÁ SỔ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:………….........Số giấy CMND hoặc hộ chiếu

Ngày cấp:…………… ……...........Nơi cấp

Địa chỉ thường trú

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):……….....Số CMND, hoặc hộ chiếu

Ngày cấp:……………………….............Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Loại xe máy chuyên dùng:...................... Màu sơn

Nhãn hiệu (mác, kiểu):………………... Công suất

Nước sản xuất:...……………………… Năm sản suất

Số động cơ:…………………………….Số khung

Kích thước bao (dài x rộng x cao):………….....Trọng lượng

Hiện đã có giấy chứng nhận đang ký, biển số là:

Do Sở Giao thông vận tải………………….cấp ngày…..tháng………năm

Lý do xin xoá sổ đăng ký:

………………………………………………………………………………………

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị………………….. xoá sổ đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.

……, ngày.....tháng…… năm………

Người khai ký

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

Số biển số:……….Ngày cấp………Số đăng ký quản lý………Ngày xoá sổ:…/../…

Đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký và biển số ngày……./……./……….

Lưu hồ sơ xoá sổ đăng ký tại Sở Giao thông vận tải.

**Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

* *Ghi chú:Tờ khai lập thành 03 bản: - Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng 02 bản;*

*- Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ xoá sổ 01 bản.*

**Phụ lục 19**

**MẪU TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG.**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*

*ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Tên Sở GTVT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu

Địa chỉ thường trú

Số CMND hoặc số hộ chiếu:………………….……………………………........................

Ngày cấp:…………………………………..Nơi cấp……………………………………….

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:………...........................Màu sơn…………………………………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……………………………Công suất ...……………………………

Nước sản xuất:……………………………………Năm sản xuất…….…………………….

Số động cơ:………………………………………Số khung

Kích thước bao (dài x rộng x cao):...……………Trọng lượng…………….………………

Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng:………………

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký

Lý do……………

2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+…

+…

+… ..

Lý do:………………………………………………………………………………………….

Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

……, ngày......tháng…… năm……

**Chủ phương tiện**

( ký, ghi rõ họ tên)

*\* Ghi chú:*

*Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản: Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 28** | **THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG CÓ THỜI HẠN** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được uỷ quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.  Cá nhân nộp hồ sơ và lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 10 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 07 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:**(Khoản 1,2,3 Điều 11 Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải và Khoản 3 Điều 1 Thông tư 59/2011/TT-BGTVT ngày 5/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải).  - Tờ khai đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng (theo mẫu quy định) (bản chính);  - Bản sao có chứng thực Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của chủ dự án nước ngoài đầu tư tại Việt Nam;  - Chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng theo quy định sau:  + Đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước, chứng từ nguồn gốc là phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của cơ sở sản xuất (bản chính).  + Hoặc đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu, chứng từ nguồn gốc là tờ khai hàng hoá nhập khẩu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng. |
| **8. Lệ phí :** | ( Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính).  - Cấp mới kèm theo biển số: 200.000đồng/lần/phương tiện;  - Đóng lại số khung, số máy: 50.000đồng/lần/phương tiện. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Mẫu tờ khai đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng (Phụ lục 8, Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Điều 10 Thông tư 20/2010 ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải).  Xe máy chuyên dùng được tạm nhập, tái xuất thuộc các chương trình dự án của nước ngoài đầu tư tại Việt Nam, các dự án ODA đầu tư tại Việt Nam. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | **-** Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;  - Thông tư 59/2011/TT-BGTVT ngày 5/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Phụ lục 8**

**MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG CÓ THỜI HẠN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT- BGTVT*

*ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG CÓ THỜI HẠN**

Tên chủ sở hữu:……………………......................................................................................

Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư số

Ngày cấp:………………………..........Cơ quan cấp

Thời hạn thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam:

Trụ sở giao dịch:

Loại xe máy chuyên dùng:...….........................Màu sơn

Nhãn hiệu (mác, kiểu):…………………..……Công suất

Nước sản xuất:..………………………………Năm sản xuất

Số động cơ:..………………………………….Số khung

Kích thước bao (dài x rộng x cao):.…………..Trọng lượng

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải …………..……xét cấp đăng ký, biển số có thời hạn cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

*…, ngày......tháng…… năm………*

**Thủ trưởng đơn vị**

(ký tên, đóng dấu)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

*(Dán trà số động cơ) (Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

**Biển số đề nghị cấp:** ……….………………

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị đến:........................................

**Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc** (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*\*Ghi chú:*

*- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;*

*- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 29** | **THỦ TỤC ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được uỷ quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.  Cá nhân nộp hồ sơ và lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 03 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 01 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:** (Khoản 2 Điều 14 Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải).  - Tờ khai đổi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng (theo mẫu quy định) (bản chính);  - Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp (bản chính);  - Biển số xe máy chuyên dùng (trường hợp biển số bị hỏng).  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ. |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Khoản 3 Điều 17 Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải).  03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy chứng nhận đăng ký, biển số. |
| **8. Lệ phí :** | (Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính).  - Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện;  - Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Mẫu tờ khai đổi, cấp lại đăng ký xe máy chuyên dùng (Phụ lục 9, Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 1 Điều 14 Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải).  Chủ sở hữu có xe máy chuyên dùng đã cải tạo, thay đổi màu sơn hoặc có Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số bị hỏng. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;  - Thông tư 59/2011/TT-BGTVT ngày 5/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Phụ lục 9**

**MẪU TỜ KHAI ĐỔI, CẤP LẠI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*

*ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐỔI, CẤP LẠI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:…………......Số giấy CMND hoặc hộ chiếu

Ngày cấp:……………………………....Nơi cấp

Địa chỉ thường trú

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.......................Số CMND hoặc hộ chiếu

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp

Địa chỉ thường trú:

Loại xe máy chuyên dùng:………….........................Màu sơn

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……………………..……Công suất

Nước sản xuất:…………………………………...Năm sản suất

Số động cơ:...…………………………………….Số khung

Kích thước bao (dài x rộng x cao):…………………..Trọng lượng

Chiếc xe máy chuyên dùng này đã được Sở Giao thông vận tải

cấp đăng ký, biển số ngày.....tháng ......năm .

Biển số đã đăng ký:

Lý do xin đổi, cấp lại:

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải ………………xét cấp .......................... cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

…Ngày tháng…… năm………

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải :**

*(Dán trà số động cơ) (Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- **Cấp theo Số biển số cũ:** .........................cấp đổi cấp lại ngày.....tháng........năm......

**Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc Sở GTVT**

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*\*Ghi chú:*

*- Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng; Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính.*

*- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 30** | **THỦ TỤC CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG BỊ MẤT** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được uỷ quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.  Cá nhân nộp hồ sơ và lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 30 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 27 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | 01 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:** (Khoản 2 Điều 15 Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải).  - Tờ khai cấp lại đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng (theo mẫu quy định) (bản chính).  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Khoản 3 Điều 17 Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải).  30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng. |
| **8. Lệ phí :** | (Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính).  - Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện;  - Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Mẫu tờ khai đổi, cấp lại đăng ký xe máy chuyên dùng (Phụ lục 9, Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 1 Điều 15 Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải).  Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng bị mất Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng hoặc biển số. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;  - Thông tư 59/2011/TT-BGTVT ngày 5/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Phụ lục 9**

**MẪU TỜ KHAI ĐỔI, CẤP LẠI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*

*ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐỔI, CẤP LẠI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:…………......Số giấy CMND hoặc hộ chiếu

Ngày cấp:……………………………....Nơi cấp

Địa chỉ thường trú

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.......................Số CMND hoặc hộ chiếu

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp

Địa chỉ thường trú:

Loại xe máy chuyên dùng:………….........................Màu sơn

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……………………..……Công suất

Nước sản xuất:…………………………………...Năm sản suất

Số động cơ:...…………………………………….Số khung

Kích thước bao (dài x rộng x cao):…………………..Trọng lượng

Chiếc xe máy chuyên dùng này đã được Sở Giao thông vận tải

cấp đăng ký, biển số ngày.....tháng ......năm .

Biển số đã đăng ký:

Lý do xin đổi, cấp lại:

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải ………………xét cấp .......................... cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

…ngày tháng…… năm………

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải :**

*(Dán trà số động cơ) (Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- **Cấp theo Số biển số cũ:** .........................cấp đổi cấp lại ngày.....tháng........năm......

**Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc Sở GTVT**

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*\*Ghi chú:*

*- Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng; Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính.*

*- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 31** | **THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI XE MÁY CHUYÊN DÙNG** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được uỷ quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.  Cá nhân nộp hồ sơ và lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 03 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 01 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:** (Khoản 1 Điều 16 Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải).  Tờ khai đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng (theo mẫu quy định).  **b) Số lượng hồ sơ:**01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Khoản 3 Điều 17 Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải).  03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy chứng nhận đăng ký, biển số |
| **8. Lệ phí :** | (Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính).  - Cấp giấy đăng ký kèm theo biển số tạm thời: 70.000đồng/lần/phương tiện. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Mẫu tờ khai đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng (Phụ lục 10, Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Điều 14 Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải).  - Đối với xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;  - Thông tư 59/2011/TT-BGTVT ngày 5/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Phụ lục 10**

**MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TẠM THỜI XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*

*ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TẠM THỜI XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:…………….......................Số CMND hoặc hộ chiếu

Ngày cấp:………………………….............Nơi cấp

Địa chỉ thường trú:

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):………...........Số CMND hoặc hộ chiếu

Ngày cấp:……………………….....Nơi cấp

Địa chỉ thường trú:

Loại xe máy chuyên dùng:………................................Màu sơn

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……………………………...Công suất

Nước sản xuất:………………………………………Năm sản xuất

Số động cơ:………………………………………….Số khung

Kích thước bao (dài x rộng x cao):……………….... Trọng lượng

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

+

+

+

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

……, ngày.....tháng…… năm………

Người khai ký

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

Số đăng ký tạm thời:………………………

Cấp ngày……tháng…..năm……….

**Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc Sở GTVT**

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*\* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:*

*- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng kèm theo hồ sơ 01 bản;*

*- Lưu Sở Giao thông vận tải 01 bản.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 32** | **THỦ TỤC SANG TÊN CHỦ SỞ HỮU TRONG CÙNG MỘT TỈNH, THÀNH PHỐ** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được uỷ quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.  Cá nhân nộp hồ sơ và lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 07 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 04 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | 01 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:** (Khoản 1 Điều 18 Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải và Thông tư 59/2011/TT-BGTVT ngày 5/12/2011 của Bộ Giao thong vận tải).  - Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng ( theo mẫu quy định) (bản chính);  - Một trong các chứng từ theo quy định sau:  + Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính).  + Giấy bán, cho, tặng (theo mẫu quy định) (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).  + Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng).  - Trường hợp thiếu một trong những giấy tờ trong hồ sơ sang tên đăng ký thì phải nộp thêm tờ cam đoan (bản chính) theo mẫu quy định.  **b) Số lượng hồ sơ:**01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng. |
| **8. Lệ phí :** | (Thông tư 188/2016/TT-BGTVT ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính).  - Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện;  - Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký không kèm biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Mẫu tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng (Phụ lục 2, Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải);  - Mẫu giấy bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng (Phụ lục 3, Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải);  - Mẫu tờ cam đoan về hồ sơ đăng ký xe máy chuyên dùng (Phụ lục 19, Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải); |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Điều 18 Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải).  Xe máy chuyên dùng được mua bán, cho, tặng, thừa kế trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;  - Thông tư 59/2011/TT-BGTVT ngày 5/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Phụ lục 2**

**MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*

*ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:…………………….......... Số CMND hoặc hộ chiếu:

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....................Số CMND hoặc hộ chiếu:

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:.

Địa chỉ thường trú:

Loại xe máy chuyên dùng:…………...........................Màu sơn:

Nhãn hiệu (mác, kiểu):………………… ……Công suất: .

Nước sản xuất:…………………………………Năm sản suất:

Số động cơ:…………………………………….Số khung:

Kích thước bao (dài x rộng x cao): …………………....Trọng lượng:

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải ………………xét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

… , ngày......tháng…… năm………

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

*(Dán trà số động cơ) (Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- Đăng ký lần đầu - Mất chứng từ gốc

- **Số biển số cũ:** (nếu có):………………...**Biển số đề nghị cấp:** ……….…………

**Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*\*Ghi chú: - Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng;*

*- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;*

*- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

**Phụ lục 3**

**MẪU GIẤY BÁN, CHO, TẶNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20 /2010/TT-BGTVT*

*ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY BÁN, CHO, TẶNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:………..……............ Số CMND hoặc hộ chiếu:

Ngày cấp:……………………… ..............Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có)

Địa chỉ thường trú……………………………Số CMND hoặc hộ chiếu

Ngày cấp………………………………….... Nơi cấp:

Hiện tôi đang là chủ sở hữu chiếc xe máy chuyên dùng này:

Loại xe máy chuyên dùng:………...................Màu sơn:

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……… ………………Công suất:

Nước sản xuất:……………………………….Năm sản xuất:

Số động cơ:...………………………………...Số khung

Kích thước bao (dài x rộng x cao):……..…….......Trọng lượng

Biển số đăng ký (nếu có):……………Ngày cấp……………Cơ quan cấp.

Nơi cấp:

Nay tôi bán, cho, tặng chiếc xe máy chuyên dùng này cho ông bà)

Địa chỉ thường trú:

Số CMND hoặc hộ chiếu số:.......................ngày cấp.................Nơi cấp.

Các loại giấy tờ kèm theo bao gồm:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |

…., ngày…..tháng…….năm……

Xác nhận của chính quyền cấp xã Người bán, cho, tặng ký tên

nơi người bán, cho, tặng đăng ký thường trú. (Ghi rõ họ và tên)

*(Nội dung xác nhận là chứng thực chữ ký*

*của người bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng)*

*\*Ghi chú: Nếu là đồng chủ sở hữu phải có đủ chữ ký của đồng chủ sở hữu.*

**Phụ lục 19**

**MẪU TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG.**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*

*ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Tên Sở GTVT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu

Địa chỉ thường trú

Số CMND hoặc số hộ chiếu:………………….……………………………........................

Ngày cấp:…………………………………..Nơi cấp……………………………………….

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:………...........................Màu sơn…………………………………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……………………………Công suất ...……………………………

Nước sản xuất:……………………………………Năm sản xuất…….…………………….

Số động cơ:………………………………………Số khung

Kích thước bao (dài x rộng x cao):...……………Trọng lượng…………….………………

Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng:………………

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký

Lý do……………

2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+…

+…

+… ..

Lý do:………………………………………………………………………………………….

Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

……, ngày......tháng…… năm……

**Chủ phương tiện**

( ký, ghi rõ họ tên)

*\* Ghi chú:*

*Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản: Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 33** | **THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG CHO CHỦ SỞ HỮU XE MÁY CHUYÊN DÙNG DI CHUYỂN ĐẾN** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được uỷ quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.  Cá nhân nộp hồ sơ và lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 15 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 12 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:**(Khoản 5 Điều 1 Thông tư 59/2011/TT-BGTVT ngày 5/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải).  - Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng (theo mẫu quy định) (bản chính);  - Một trong các chứng từ theo quy định sau:  + Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);  + Giấy bán, cho, tặng (theo mẫu quy định) (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);  + Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng);  - Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng (bản chính) đã được cấp theo quy định kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký.  Trường hợp mất một trong những giấy tờ đã kê trong Phiếu di chuyển thì phải nộp thêm bản cam đoan (bản chính) ( theo mẫu quy định).  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | 15 ngày làm việc; kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng. |
| **8. Lệ phí :** | (Thông tư 188/2016/TT-BGTVT ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính).  - Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện;  - Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký không kèm biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Mẫu tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng (Phụ lục 2, Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải);  - Mẫu giấy bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng (Phụ lục 3, Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải);  - Mẫu tờ cam đoan đăng ký xe máy chuyên dùng (Phụ lục 19, Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Điều 19 Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải)  Xe máy chuyên dùng mua bán hoặc được cho, tặng, thừa kế khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, phải làm thủ tục di chuyển và đăng ký sang tên chủ sỡ hữu theo quy định. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;  - Thông tư 59/2011/TT-BGTVT ngày 5/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên)   - Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính  - Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Phụ lục 2**

**MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*

*ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:…………………….......... Số CMND hoặc hộ chiếu:

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....................Số CMND hoặc hộ chiếu:

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:.

Địa chỉ thường trú:

Loại xe máy chuyên dùng:…………...........................Màu sơn:

Nhãn hiệu (mác, kiểu):………………… ……Công suất: .

Nước sản xuất:…………………………………Năm sản suất:

Số động cơ:…………………………………….Số khung:

Kích thước bao (dài x rộng x cao): …………………....Trọng lượng:

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải ………………xét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

… , ngày......tháng…… năm………

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

*(Dán trà số động cơ) (Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- Đăng ký lần đầu - Mất chứng từ gốc

- **Số biển số cũ:** (nếu có):………………...**Biển số đề nghị cấp:** ……….…………

**Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*\*Ghi chú: - Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng;*

*- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;*

*- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

**Phụ lục 3**

**MẪU GIẤY BÁN, CHO, TẶNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20 /2010/TT-BGTVT*

*ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY BÁN, CHO, TẶNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:………..……............ Số CMND hoặc hộ chiếu:

Ngày cấp:……………………… ..............Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có)

Địa chỉ thường trú……………………………Số CMND hoặc hộ chiếu

Ngày cấp………………………………….... Nơi cấp:

Hiện tôi đang là chủ sở hữu chiếc xe máy chuyên dùng này:

Loại xe máy chuyên dùng:………...................Màu sơn:

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……… ………………Công suất:

Nước sản xuất:……………………………….Năm sản xuất:

Số động cơ:...………………………………...Số khung

Kích thước bao (dài x rộng x cao):……..…….......Trọng lượng

Biển số đăng ký (nếu có):……………Ngày cấp……………Cơ quan cấp.

Nơi cấp:

Nay tôi bán, cho, tặng chiếc xe máy chuyên dùng này cho ông bà)

Địa chỉ thường trú:

Số CMND hoặc hộ chiếu số:.......................ngày cấp.................Nơi cấp.

Các loại giấy tờ kèm theo bao gồm:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |

…., ngày…..tháng…….năm……

Xác nhận của chính quyền cấp xã Người bán, cho, tặng ký tên

nơi người bán, cho, tặng đăng ký thường trú. (Ghi rõ họ và tên)

*(Nội dung xác nhận là chứng thực chữ ký*

*của người bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng)*

*\*Ghi chú: Nếu là đồng chủ sở hữu phải có đủ chữ ký của đồng chủ sở hữu.*

**Phụ lục 19**

**MẪU TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG.**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*

*ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Tên Sở GTVT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu

Địa chỉ thường trú

Số CMND hoặc số hộ chiếu:………………….……………………………........................

Ngày cấp:…………………………………..Nơi cấp……………………………………….

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:………...........................Màu sơn…………………………………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……………………………Công suất ...……………………………

Nước sản xuất:……………………………………Năm sản xuất…….…………………….

Số động cơ:………………………………………Số khung

Kích thước bao (dài x rộng x cao):...……………Trọng lượng…………….………………

Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng:………………

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký

Lý do……………

2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+…

+…

+… ..

Lý do:………………………………………………………………………………………….

Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

……, ngày......tháng…… năm……

**Chủ phương tiện**

( ký, ghi rõ họ tên)

*\* Ghi chú:*

*Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản: Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 34** | **THỦ TỤC DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 03 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 01 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |  | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | 01 ngày | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:**  **\* Di chuyển đăng ký tại Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đã đăng ký, hồ sơ bao gồm:** (Khoản 1 Điều 19 Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải).  - Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng (theo mẫu quy định) (bản chính);  - Một trong các chứng từ theo quy định sau:  + Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);  + Giấy bán, cho, tặng (theo mẫu quy định) (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);  + Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng);  - Trường hợp di chuyển không thay đổi chủ sở hữu, trong hồ sơ di chuyển không phải nộp chứng từ xác định quyền sở hữu.  **b) Số lượng hồ sơ:**01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | 03 ngày làm việc; kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng |
| **8. Lệ phí :** | không |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Mẫu tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng (Phụ lục 2, Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải);  - Mẫu giấy bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng (Phụ lục 3, Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Điều 20 Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải)  Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng khi di chuyển trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, làm thủ tục di chuyển và đăng ký xe máy chuyên dùng theo quy định. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Phụ lục 12**

***MẪU TỜ KHAI DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG***

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*

*ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:………..………..............Số CMND hoặc hộ chiếu.

Ngày cấp:……………………………...............Nơi cấp...

Địa chỉ thường trú:

Họ và tên đồng sở hữu (nếu có):……

Địa chỉ thường trú:.............................................Số CMND hoặc hộ chiếu.

Ngày cấp:……………………………………....Nơi cấp

Hiện đã mua, được cho, tặng hoặc thừa kế chiếc xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:..……............................Màu sơn…

Nhãn hiệu (mác, kiểu):.……………………………Công suất

Nước sản xuất:.…………………………………… Năm sản xuất

Số động cơ:.………………………………………. Số khung

Kích thước bao (dài x rộng x cao):..…...………......Trọng lượng

Biển số đăng ký :………………Ngày cấp…………Cơ quan cấp

Nơi cấp……………………………………………………………………………

Nay tôi xin được di chuyển xe máy chuyên dùng nói trên đến Sở Giao thông vận tải........

để được tiếp tục đăng ký.

….., ngày…..tháng…….năm……

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải nơi chuyển đi:**

Đã di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng Biển đăng ký:……………

đến Sở Giao thông vận tải:..................................... Ngày........tháng........năm...........

**Cán bộ làm thủ tục Trưởng Phòng duyệt Giám đốc Sở GTVT**

(Ký, ghi rõ họ và tên) (ký, ghi rõ họ và tên) (ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 3**

**MẪU GIẤY BÁN, CHO, TẶNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20 /2010/TT-BGTVT*

*ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY BÁN, CHO, TẶNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:………..……............ Số CMND hoặc hộ chiếu:

Ngày cấp:……………………… ..............Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có)

Địa chỉ thường trú……………………………Số CMND hoặc hộ chiếu

Ngày cấp………………………………….... Nơi cấp:

Hiện tôi đang là chủ sở hữu chiếc xe máy chuyên dùng này:

Loại xe máy chuyên dùng:………...................Màu sơn:

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……… ………………Công suất:

Nước sản xuất:……………………………….Năm sản xuất:

Số động cơ:...………………………………...Số khung

Kích thước bao (dài x rộng x cao):……..…….......Trọng lượng

Biển số đăng ký (nếu có):……………Ngày cấp……………Cơ quan cấp.

Nơi cấp:

Nay tôi bán, cho, tặng chiếc xe máy chuyên dùng này cho ông bà)

Địa chỉ thường trú:

Số CMND hoặc hộ chiếu số:.......................ngày cấp.................Nơi cấp.

Các loại giấy tờ kèm theo bao gồm:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |

…., ngày…..tháng…….năm……

Xác nhận của chính quyền cấp xã Người bán, cho, tặng ký tên

nơi người bán, cho, tặng đăng ký thường trú. (Ghi rõ họ và tên)

*(Nội dung xác nhận là chứng thực chữ ký*

*của người bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng)*

*\*Ghi chú: Nếu là đồng chủ sở hữu phải có đủ chữ ký của đồng chủ sở hữu.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 35** | **THỦ TỤC XÓA SỔ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 02 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 0,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |  | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | 0,5 ngày | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:** (Khoản 2 Điều 24 Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải).  - Mẫu tờ khai xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng (theo mẫu quy định).  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | 02 ngày làm việc; kể từ ngày nhận tờ khai. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Thu lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng. |
| **8. Lệ phí :** | không |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Mẫu tờ khai xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng (Phục lục 4, Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 1 Điều 24 Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải).  Chủ sở hữu có xe máy chuyên dùng thanh lý, bị mất, bán ra nước ngoài hoặc tái xuất ra nước ngoài phải làm thủ tục xóa sổ đăng ký tại Sở Giao thông vận tải nơi đã đăng ký, trong thời hạn 60 ngày. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên)   - Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính  - Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Phụ lục 4**

**MẪU TỜ KHAI XOÁ SỔ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20 /2010/TT-BGTVT*

*ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải))*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI XOÁ SỔ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:………….........Số giấy CMND hoặc hộ chiếu

Ngày cấp:…………… ……...........Nơi cấp

Địa chỉ thường trú

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):……….....Số CMND, hoặc hộ chiếu

Ngày cấp:……………………….............Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Loại xe máy chuyên dùng:...................... Màu sơn

Nhãn hiệu (mác, kiểu):………………... Công suất

Nước sản xuất:...……………………… Năm sản suất

Số động cơ:…………………………….Số khung

Kích thước bao (dài x rộng x cao):………….....Trọng lượng

Hiện đã có giấy chứng nhận đang ký, biển số là:

Do Sở Giao thông vận tải………………….cấp ngày…..tháng………năm

Lý do xin xoá sổ đăng ký:

………………………………………………………………………………………

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị………………….. xoá sổ đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.

……, ngày.....tháng…… năm………

Người khai ký

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

Số biển số:……….Ngày cấp………Số đăng ký quản lý………Ngày xoá sổ:…/../…

Đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký và biển số ngày……./……./……….

Lưu hồ sơ xoá sổ đăng ký tại Sở Giao thông vận tải.

**Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

* *Ghi chú:Tờ khai lập thành 03 bản: - Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng 02 bản;*

*- Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ xoá sổ 01 bản.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 36** | **THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT NAM - LÀO** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân có thể chọn nộp hồ sơ tại một trong các địa chỉ sau:  1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  2. Trường hợp đăng ký trực tuyến qua mạng, cá nhân, tổ chức truy cập vào địa chỉ trang web: **qlvt.mt.gov.vn** và làm theo hướng dẫn.  Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 02 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 0,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | 0,5 ngày | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc trực tuyến qua mang |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:**(Điều 12 Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải)  **\* Đối với phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải):**  - Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào ( theo mẫu quy định);  - Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt – Lào (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);  - Giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);  - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);  - Văn bản chấp thuận khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe ở Việt Nam và Lào (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định) (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).  **\* Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào:**  - Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào (theo mẫu quy định);  - Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);  - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);  - Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào) (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);  - Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp đi công vụ và các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác).  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Điểm b Khoản 1 Điều 13 Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải)  02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép liên vận Việt Nam - Lào |
| **8. Lệ phí :** | không |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện kinh doanh vận tải (Phụ lục 7A, Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải).  - Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã (Phụ lục 7B, Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Điều 2, Điều 3 và Khoản 2, Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 88/2014 TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải)  -Tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải người và hàng hóa bằng đường bộ qua lại biên giới giữa hai nước Việt Nam và Lào.  -Phương tiện được cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào là xe ô tô bao gồm: xe ô tô đầu kéo, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo theo ô tô và phương tiện chuyên dùng lưu thông trên đường bộ có Giấy đăng ký phương tiện và biển số do cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cấp. Phương tiện bao gồm phương tiện thương mại và phương tiện phi thương mại.  +Phương tiện thương mại bao gồm:  a) Xe ô tô vận tải hành khách theo tuyến cố định;  b) Xe ô tô vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải khách du lịch;  c) Xe ô tô vận tải hàng hóa;  d) Xe ô tô chuyên chở người, hàng hóa và xe máy chuyên dùng lưu thông trên đường bộ phục vụ các công trình, dự án, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào (không bao gồm xe ô tô và xe máy chuyên dùng sang Lào chủ yếu phục vụ thi công công trình, thời gian phục vụ thi công trên 30 ngày và kết thúc công trình mới về nước).  +Phương tiện phi thương mại bao gồm:  a) Xe ô tô của các cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế đi công tác, xe ô tô cứu hỏa, xe ô tô cứu thương, xe ô tô cứu hộ, xe ô tô thực hiện sứ mệnh nhân đạo (gọi chung là xe công vụ);  b) Xe ô tô của cá nhân đi việc riêng (chỉ áp dụng đối với xe ô tô chở người dưới 09 chỗ và xe ô tô bán tải (pick-up));  c) Xe ô tô của doanh nghiệp, hợp tác xã đi công tác, tham quan, du lịch.  +Phương tiện thương mại phải được gắn thiết bị giám sát hành trình, có phù hiệu, biển hiệu và niên hạn sử dụng theo quy định.  - Sở Giao thông vận tải Tây Ninh cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào các phương tiện:  + Phương tiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương, trừ các phương tiện của các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc các Bộ, các tổ chức chính trị, xã hội ở Trung ương và các cơ quan ngoại giao, cơ quan đại diện của các tổ chức Quốc tế tại Việt Nam có trụ sở đóng tại Hà Nội; Phương tiện của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Giao thông vận tải;  + Phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**PHỤ LỤC 7A**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO**

**CHO PHƯƠNG TIỆN KINH DOANH VẬN TẢI***(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên doanh nghiệp/HTX đề nghị cấp giấy phép | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊCẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO**

**CHO PHƯƠNG TIỆN KINH DOANH VẬN TẢI**

**Kính gửi:** ….………………………………………….

1. Tên doanh nghiệp, HTX:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: ……………………………………. Số Fax:

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ……................. ngày cấp:

5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp Giấy phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu Xuất- nhập |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| a) Hành khách theo tuyến cố định | |  | | --- | |  | | b) Khách du lịch: | |  | | --- | |  | |
| c) Hành khách theo hợp đồng: | |  | | --- | |  | | d) Vận tải hàng hóa: | |  | | --- | |  | |

***Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:***

Tuyến: ……………… đi ………………….. và ngược lại

Bến đi: Bến xe ………………………. (thuộc tỉnh: ………………………… Việt Nam)

Bến đến: Bến xe …………………….. (thuộc tỉnh: ……………………………………..)

Cự ly vận chuyển: ………………………..km

Hành trình tuyến đường: …………………………………………………………………

Đã được Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận khai thác tuyến tại công văn số ………….. ngày ………………..

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | ……….., ngày tháng năm  **Đại diện doanh nghiệp, HTX**  *(Ký tên, đóng dấu )* | |
|  |  |

**PHỤ LỤC 7B**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI PHỤC VỤ CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN HOẶC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ TRÊN LÃNH THỔ LÀO***(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên đơn vị/cá nhân đề nghị cấp giấy phép | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO**

**Kính gửi:**

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: ………………………………………… Số Fax:

4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ……….……. ngày cấp …………….. cơ quan cấp phép ……………………… (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hóa, người phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã)

5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu Xuất- nhập |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Mục đích chuyến đi

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| a) Công vụ: | |  | | --- | |  | | | b) Cá nhân: | |  | | --- | |  | |
| c) Hoạt động kinh doanh: | |  | | --- | |  | | | d) Mục đích khác | |  | | --- | |  | |
|  | | ……….., ngày tháng năm **Đại diện doanh nghiệp, HTX** hoặc cá nhân *(Ký tên, đóng dấu (nếu có)* | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 37** | **THỦ TỤC GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN LÀO-VIỆT VÀ THỜI GIAN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM CHO PHƯƠNG TIỆN CỦA LÀO** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân có thể chọn nộp hồ sơ tại một trong các địa chỉ sau:  1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  2. Trường hợp đăng ký trực tuyến qua mạng, cá nhân, tổ chức truy cập vào địa chỉ trang web: **qlvt.mt.gov.vn** và làm theo hướng dẫn.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 01 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 1/4 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 1/2 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 1/4 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc trực tuyến qua mạng |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:**(Khoản 3 Điều 16 Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải)  - Đơn đề nghị gia hạn (theo mẫu quy định);  - Giấy phép liên vận Lào - Việt (bản chính);  - Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Điểm b Khoản 4 Điều 16 Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải)  01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt. |
| **8. Lệ phí :** | Không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt cho xe của Lào (Phụ lục 8, Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 1 Điều 16 Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải)  Phương tiện của Lào hết hạn giấy phép hoặc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam nếu có lý do chính đáng (thiên tai, tai nạn, hỏng không sửa chữa kịp) được gia hạn 01 lần với thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**PHỤ LỤC 8**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CHO XE CỦA LÀO***(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên đơn vị/cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận của Lào Company/Individual name applying for extension of Laos - Viet Nam Cross-border Transport Permit | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Independence - Freedom - Happiness |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN LÀO - VIỆT  
APPLICATION FOR EXTENDING OF LAOS-VIET NAM   
CROSS- BORDER TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi *(To)*:

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)*

2. Địa chỉ: *(Address)*

3.Số điện thoại: *(Tel No.)* ……………… Số Fax: *(Fax No.)*: ………………………

Ngày cấp *(Date of issue)* ………………….. Cơ quan cấp *(Issuing Authority)*

4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải …………………. gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of ……………………. to extend the validity of Laos - Viet Nam Cross- Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*

- Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.)*:

- Giấy phép liên vận Lào - Việt số: .... Ngày cấp ... Nơi cấp: ……………… Có giá trị đến: …….  
*Laos - Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.: ...Date of issue …… Issuing Authority...Date of expiry*

- Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày ……. tháng …… năm   
*Date of entry into Viet Nam: ……………... month ……………. year*

- Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):  
*Proposed extended duration (choose one of the two following options):*

+ Gia hạn Giấy phép liên vận: *....ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm   
Extension for: … days, from date … month …. year …. …. to date … …. month ... year …..*

+ Gia hạn chuyến đi: …….ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm……..  
*Extension for Journey: … … …days, from date ... month ... year ... to date ... month... year...*

5. Lý do đề nghị gia hạn *(The reasons for extension)*:

6. Chúng tôi xin cam kết *(We commit)*:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt cho phương tiện và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents).*

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Lào và Việt Nam. *(To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Protocol to Implement the Agreement to Facilitate Cross-border Movement of Motor vehicles between Laos and Viet Nam).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | ….., ngày *(date)* ….. tháng *(month)* ……. năm *(year)* ……. Đại diện đơn vị (Representative of the Company) *Ký tên/Signature* *Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền* *(Driver, vehicle owner or authorized person).* |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 38** | **THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT NAM- CAMPUCHIA - ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân có thể chọn nộp hồ sơ tại một trong các địa chỉ sau:  1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  2. Trường hợp đăng ký trực tuyến qua mạng, cá nhân, tổ chức truy cập vào địa chỉ trang web: **qlvt.mt.gov.vn** và làm theo hướng dẫn.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 02 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 01 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc trực tuyến qua mạng |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:** (Khoản 2 Điều 13 Thông tư 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ Giao thông vận tải).  - Đơn đề nghị cấp giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia (theo mẫu quy định);  - Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);  - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ((bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);  - Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền ( trừ xe do người ngoại quốc tự lái) (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia. |
| **8. Lệ phí :** | không |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia cho phương tiện phi thương mại. (Phụ lục 7b, Thông tư 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 1, 2Điều 3 Thông tư 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ Giao thông vận tải)  - Phương tiện phi thương mại không quá 9 chỗ ngồi ( kể cả người lái xe) bao gồm:  a) Xe công vụ thuộc quyền sử dụng của các cơ quan, tổ chức gồm:  Xe của các cơ quan trung ương của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan thuộc Bộ, thuộc cơ quan ngang Bộ, thuộc cơ quan thuộc Chính phủ; Xe của các cơ quan ngoại giao, các đại sứ quán, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ có trụ sở tại Việt Nam; Xe của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, đoàn thể, các tổ chức sự nghiệp ở trung ương và địa phương;  b) Xe do người ngoại quốc tự lái: phương tiện sử dụng bởi người có hộ chiếu của nước thứ ba cấp (hộ chiếu không phải của Việt Nam hoặc Campuchia);  c) Xe cứu hỏa, xe cứu thương. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  **-** Thông tư 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ Giao thông vận tải Hướng dẫn thi hành một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia; |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHỤ LỤC 7B**  **MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT NAM – CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI**  *(Ban hành kèm theo Thông tư 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015*  *của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải)* | |  |
| Tên đơn vị/cá nhân | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** | | |
| đề nghị cấp giấy phép | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT NAM - CAMPUCHIA**

**Kính gửi:..........................................................**

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):.............. ..................................................................

2. Địa chỉ : .............................................................................................................

3. Số điện thoại:............................................Số Fax: .............................................

4. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Biển số xe | Trọng tải  (ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Cửa khẩu  xuất - nhập |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | ........., ngày.......tháng ............năm.....  **Đại diện đơn vị hoặc cá nhân**  *(Ký tên, đóng dấu (nếu có))* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 39** | **THỦ TỤC GIA HẠN ĐỐI VỚI XE CAMPUCHIA KHI LƯU TRÚ TẠI VIỆT NAM** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân có thể chọn nộp hồ sơ tại một trong các địa chỉ sau:  1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  2. Trường hợp đăng ký trực tuyến qua mạng, cá nhân, tổ chức truy cập vào địa chỉ trang web: **qlvt.mt.gov.vn** và làm theo hướng dẫn.    **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian**  **01 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 1/4 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 1/2 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 1/4 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ và lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc trực tuyến qua mạng |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:** (Khoản 3 Điều 17 Thông tư 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ Giao thông vận tải).  - Đơn đề nghị gia hạn (theo mẫu quy định tại);  - Giấy phép liên vận Campuchia – Việt Nam (bản chính);  - Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu)  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép được gia hạn. |
| **8. Lệ phí :** | Không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Đơn đề nghị gia hạn (Phụ lục 8, Thông tư 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (khoản 1 Điều 17 Thông tư 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ Giao thông vận tải)  Phương tiện của Campuchia hết hạn giấy phép hoặc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam nếu có lý do chính đáng (thiên tai, tai nạn, hỏng không sửa chữa kịp) sẽ được gia hạn và mỗi lần gia hạn không quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn lưu trú. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  **-** Thông tư 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ Giao thông vận tải Hướng dẫn thi hành một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHỤ LỤC 8**  **MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT NAM – CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI**  *(Ban hành kèm theo Thông tư 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015*  *của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải)* | |
| Tên đơn vị/cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận của Campuchia | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  SOCIaLIST REPUBLIC OF VIET NAM |
| Company/Individual name applying for extension of Cambodia - Viet Nam Cross-border Transport Permit | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  Independence - Freedom – Happiness |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CAMPUCHIA - VIỆT NAM**

**APPLICATION FOR EXTENDING OF CAMBODIA-VIET NAM**

**CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi (*To*):....................................................................

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)*

2. Địa chỉ: *(Address)*

3.Số điện thoại: *(Tel No.)*.......................... Số Fax: *(Fax No.):* .

Ngày cấp *(Date of issue) ………………...*Cơ quan cấp *(Issuing Authority)*

4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải …… ………..gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of...............to extend the validity of Cambodia - Viet Nam Cross- Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*

- Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.):*

- Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam số: …. Ngày cấp … Nơi cấp: …… Có giá trị đến: ………...

*Cambodia - Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.:…Date of issue.....Issuing Authority...Date of expiry*

- Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày …………….…. tháng ………………... năm

*Date of entry into Viet Nam: ……………. .... month ... ..................... year*

- Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):

*Proposed extended duration (choose one of the two following options):*

*+* Gia hạn Giấy phép liên vận*: ….ngày, từ ngày …. tháng ….… năm ….. đến ngày … tháng … năm …*

*Extension for: …. ……...days, from date… ... month ..... year ... …to date ... ..month ... year .......*

*+* Gia hạn chuyến đi:………..ngày, từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm *……..*

*Extension for Journey: ... ... ... …days, from date ... month ... year ... to date ... ..month ... year ...*

5. Lý do đề nghị gia hạn *(The reasons for extension):*

……………………………………………………………………………..………………………….……….

6. Chúng tôi xin cam kết *(We commit)*:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Cambodia-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents).*

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Campuchia và Việt Nam. *(To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Protocol implementation of the Road Transport Agreement Cambodia and Viet Nam).*

....., ngày (*date*)…….tháng *(month)*…….năm *(year)*….

Đại diện đơn vị (Representative of the Company)

*Ký tên/Signature*

*Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền*

*(Driver, vehicle owner or authorized person).*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 40** | **THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CAMPUCHIA - LÀO - VIỆT NAM** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 02 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL | 0,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:** (Điều 8 Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải)  **\* Đối với xe phi thương mại**  - Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại (theo mẫu quy định);  - Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, các nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);  - Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép liên vận Campuchia- Lào – Việt Nam. |
| **8. Lệ phí :** | không |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Campuchia – Lào – Việt Nam cho phương tiện phi thương mại (Phụ lục 7, Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 2 Điều 3 và Khoản 2, Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 63/2013 TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải)  - Sở Giao thông vận tải Tây Ninh cấp Giấy phép cho Xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, trừ xe phi thương mại thuộc các đối tượng: xe ô tô thuộc các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc các Bộ, xe của các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam có trụ sở đóng tại Hà Nội.  Xe phi thương mại: là xe ô tô của tổ chức, cá nhân có giấy đăng ký phương tiện và biển số do cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cấp hoạt động qua lại biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam không vì mục đích kinh doanh vận tải, cụ thể bao gồm:  + Xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã trong nước và quốc tế đi công tác, tham quan, du lịch;  + Xe ô tô chở người dưới 09 (chín) chỗ và xe bán tải (pick-up) đi với mục đích cá nhân;  + Xe cứu hỏa, xe cứu thương, xe cứu hộ, xe thực hiện sứ mệnh nhân đạo;  + Xe ô tô, xe ô tô đầu kéo, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô và xe máy chuyên dùng thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã vận chuyển phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của đơn vị mình trên lãnh thổ Campuchia, Lào. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của bản ghi nhớ giữa chính phủ các nước Vương Quốc Campuchia, Cộng Hòa Dân chủ nhân dân Lào và Cộng Hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**PHỤ LỤC VII**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV**

**CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI***(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT*

*ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận* *tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị/tổ chức đề nghị cấp giấy phép -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:……………………..

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại:. ……………………………………số Fax:

4. Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số ………..ngày cấp ………..cơ quan cấp phép ………… (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hóa, người phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã).

5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu Xuất- Nhập cảnh |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Mục đích chuyến đi:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| a) Công vụ: □ | b) Cá nhân: □ | |
| c) Phục vụ Hoạt động của doanh nghiệp, HTX: □ | d) Mục đích khác: □ | |
|  | | **……..,ngày tháng năm Thủ trưởng đơn vị *(Ký tên, đóng dấu)*** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 41** | **THỦ TỤC GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CAMPUCHIA-LÀO-VIỆT NAM VÀ THỜI IAN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM CHO PHƯƠNG TIỆN CỦA LÀO VÀ CAMPUCHIA** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.    **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 01 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 1/4 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 1/2  ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 1/4 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ và lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:**(Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải)  - Đơn đề nghị gia hạn (theo mẫu quy định);  - Giấy phép liên vận Campuchia-Lào-Việt Nam;  - Giấy đăng ký phương tiện.  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Điểm c Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải)  01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định . |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Xác nhận gia hạn vào Giấy phép liên vận Campuchia – Lào - Việt Nam. |
| **8. Lệ phí :** | Không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị gia hạn cấp Giấy phép liên vận Campuchia-Lào-Việt Nam cho phương tiện phi thương mại (Phụ lục 8, Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải)  Phương tiện của Lào, Campuchia gặp trường hợp bất khả kháng (thiên tai, tai nạn giao thông, hỏng phương tiện không thể sửa chữa tại Việt Nam) được gia hạn 01 (một) lần với thời hạn không quá 10 (mười) ngày, kể từ ngày hết hạn. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của bản ghi nhớ giữa chính phủ các nước Vương Quốc Campuchia, Cộng Hòa Dân chủ nhân dân Lào và Cộng Hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**PHỤ LỤC VIII**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV**

**CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI***(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT*

*ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận* *tải)*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ   
GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV   
APPLICATION FOR EXTENSION OF CAMBODIA-LAOS-VIET NAM   
CROSS- BORDER TRANSPORT PERMIT**

**Kính gửi *(To)*:…………………………………………………….**

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)*

2. Địa chỉ: *(Address)*

3. Số điện thoại: *(Tel No.)* ………………………Số Fax: *(Fax No.):*

4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư số *(Business Registration Certificate or Investment License No.:*

Ngày cấp *(Date of issue)*………………… Cơ quan cấp *(Issuing Authority)*

5. Đề nghị Sở GTVT ……………………….gia hạn Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of…………….to extend the validity of Cambodia - Laos - Viet Nam Cross- Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*

- Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.)*:

- Giấy phép liên vận CLV số: .... Ngày cấp ... Nơi cấp:...... Có giá trị đến:

*Cambodia-Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.:... (Date of issue).... (Issuing Authority)………………………………..Date of expiry*

- Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày ……....... tháng ……………năm

*Date of entry into Viet Nam: ……………………….…..month …………….year*

- Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):

*Proposed to extend duration (choose one of the two following options):*

+ Gia hạn giấy phép liên vận: .*...ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...*

*Extension for:……..days, from date…….. month…… year... ...to date….. month... year ......*

+ Gia hạn chuyến đi:............ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm .

*Extension of Journey: ……….days, from date... month... year... to date .... month... year.. .*

7. Lý do đề nghị gia hạn *(The reasons for extension):*

8. Chúng tôi xin cam kết *(We commit):*

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn giấy phép liên vận Campuchia - Lào - Việt Nam cho phương tiện và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Cambodia-Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents).*

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ. *(To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Memorandum of Understanding between the Governments of the Kingdom of Cambodia, the People's Democratic Republic of Laos and the Socialist Repubic of Vietnam on Road of Transport).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | ………, ngày *(Date)*……tháng *(month)*…..năm *(year)*……. Đại diện đơn vị (Representative of the Company) *Ký tên/Signature Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền* *(Driver, vehicle owner or authorized person)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 42** | **THỦ TỤC CẤP BIỂN HIỆU XE Ô TÔ VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 10 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL | 07 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | 1 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 1 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | (Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 19/ TTLT-BGTVT- BVHTTDL ngày 25/5/20115 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ Trưởng Bộ Văn Hoá Thể Thao và Du lịch)  - Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch (theo mẫu quy định);  - 02 bảng kê thông tin( theo mẫu quy định) và trang thiết bị của phương tiện quy định sau:  + Xe ô tô dưới 09 chỗ phải có các trang thiết bị bao gồm: điều hòa nhiệt độ, thùng chứa đồ uống, dụng cụ y tế sơ cấp cứu, túi thuốc dự phòng, bình chữa cháy, dụng cụ thoát hiểm, tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của lái xe;  + Xe ô tô từ 09 chỗ đến dưới 24 chỗ phải có các trang thiết bị bao gồm: điều hòa nhiệt độ, thùng chứa đồ uống, dụng cụ y tế sơ cấp cứu, túi thuốc dự phòng, bình chữa cháy, dụng cụ thoát hiểm, tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của lái xe; rèm cửa chống nắng, bảng hướng dẫn an toàn, thùng đựng rác;  + Xe ô tô từ 24 chỗ trở lên (trừ ô tô chuyên dụng caravan), phải có các trang thiết bị bao gồm: điều hòa nhiệt độ, thùng chứa đồ uống, dụng cụ y tế sơ cấp cứu, túi thuốc dự phòng, bình chữa cháy, dụng cụ thoát hiểm, tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của lái xe; rèm cửa chống nắng, bảng hướng dẫn an toàn, thùng đựng rác, micro, ti vi, nơi cất giữ hành lý cho khách du lịch; có trang thiết bị hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định.  - 02 bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa các thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì Sở Giao thông vận tải nơi nhận hồ sơ phải lấy ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo quy định;  - Cung cấp tên Trang thông tin điện tử của đơn vị kinh doanh vận tải, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp biển hiệu;  - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe hoặc Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc Thẻ thuyết minh viên du lịch (đối với trường hợp nhân viên phục vụ trên xe có Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc thuyết minh viên); Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ vận tải của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | 10 ngày làm việc, trong đó:  - 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh để lấy ý kiến xác nhận theo mẫu quy định;  - 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) tổ chức kiểm tra phương tiện (kiểm tra tại đơn vị kinh doanh vận tải) và có văn bản trả lời theo mẫu quy định. Hết thời gian quy định trên mà không có văn bản trả lời, coi như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) đã đồng ý cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải;  - 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải tổ chức cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Biển hiệu vận tải khách du lịch. |
| **8. Lệ phí :** | Không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch ( Phụ lục I, Thông tư số 19/ TTLT-BGTVT- BVHTTDL ngày 25/5/20115 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ Trưởng Bộ Văn Hoá Thể Thao và Du lịch)  - Mẫu bảng kê thông tin và trang thiết bị của phương tiện (Phụ lục II, Thông tư số 19/ TTLT-BGTVT- BVHTTDL ngày 25/5/20115 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ Trưởng Bộ Văn Hoá Thể Thao và Du lịch)  - Mẫu văn bản đề nghị kiểm tra và chứng nhận xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận tải khách du lịch (Phụ lục III, Thông tư số 19/ TTLT-BGTVT- BVHTTDL ngày 25/5/20115 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ Trưởng Bộ Văn Hoá Thể Thao và Du lịch)  - Mẫu văn bản xác nhận xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận tải khách du lịch (Phụ lục IV, Thông tư số 19/ TTLT-BGTVT- BVHTTDL ngày 25/5/20115 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ Trưởng Bộ Văn Hoá Thể Thao và Du lịch). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | ( Điều 6 Thông tư số 19/ TTLT-BGTVT- BVHTTDL ngày 25/5/20115 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ Trưởng Bộ Văn Hoá Thể Thao và Du lịch).  - Có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, trong đó có loại hình kinh doanh vận tải khách du lịch theo quy định.  - Có biện pháp bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe và tài sản của khách du lịch trong quá trình vận chuyển; mua bảo hiểm hành khách cho khách du lịch theo phương tiện vận chuyển. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông vận tải đường bộ năm 2008; - Thông tư số 19/ TTLT-BGTVT- BVHTTDL ngày 25/5/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ Trưởng Bộ Văn Hoá Thể Thao và Du lịch hướng dẫn về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**PHỤ LỤC I**

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP BIỂN HIỆU “XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH”***(Ban hành theo Thông tư liên tịch số 19/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Tên đơn vị kinh doanh vận tải Số:…………/……………** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ   
CẤP BIỂN HIỆU “XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH”**

**Kính gửi: Sở Giao thông vận tải**

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch: .......................................................................

Tên giao dịch quốc tế (nếu có): ..........................................................................................

Trụ sở: .............................................................................................................................

Trang thông tin điện tử ......................................................................................................

Tên đăng nhập …………………………… Mật khẩu truy cập

Số điện thoại: ………………………..Fax: …………………… Email ...................................

Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô số...... do... .cấp ngày…../…../.........

Lĩnh vực kinh doanh: .........................................................................................................

Phương tiện đề nghị cấp biển hiệu: ..........................................  xe (danh sách xe kèm theo)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên hiệu xe | Màu sơn | Biển kiểm soát xe | Số khung | Số máy | Số chỗ ngồi | Năm SX |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

Các giấy tờ liên quan kèm theo (Kê khai theo quy định tại Điều 8 của Thông tư liên tịch này):

1…

2…

3…

4…

……

Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại, cấp đổi do mất hoặc hỏng).

Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;  - Lưu VT. | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* |

**PHỤ LỤC II**

MẪU BẢNG KÊ THÔNG TIN VÀ TRANG THIẾT BỊ CỦA PHƯƠNG TIỆN  
*(Ban hành theo Thông tư liên tịch số 19/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Tên đơn vị kinh doanh vận tải Số:…………/……………** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BẢNG KÊ THÔNG TIN VÀ TRANG THIẾT BỊ CỦA PHƯƠNG TIỆN**

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch: .......................................................................

Tên giao dịch quốc tế (nếu có) ...........................................................................................

Trụ sở: .............................................................................................................................

Số điện thoại: ………………………………(Fax): ..............................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại xe** | **Biển**  **số** | **Màu**  **sơn** | **Tên hiệu xe** | **Số**  **khung** | **Số**  **máy** | **Năm**  **SX** | **Thông tin và trang thiết bị** | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) |
| Dưới 9 chỗ | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Từ 9 đến dưới 24 chỗ | ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Trên 24 chỗ | ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

(1): Điều hòa nhiệt độ;(2): Thùng chứa đồ uống;(3): Dụng cụ y tế sơ cấp cứu;

(4): Túi thuốc dự phòng;(5): Bình chữa cháy;(6): Dụng cụ thoát hiểm;

(7): Tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của người lái xe;

(8): Rèm cửa chống nắng;(9): Bảng hướng dẫn an toàn;(10): Thùng đựng rác;

(11): Micro;(12): Ti vi;(13): Nơi cất giữ hành lý cho khách du lịch;

(14): Trang thiết bị hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định.

*Ghi chú: Đơn vị kinh doanh vận tải lập danh sách xe theo loại xe và đánh dấu (x) vào các thông tin, trang thiết bị có trên xe.*

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Sở GTVT ………….; - Sở VHTTDL (Sở Du lịch)…;  - Lưu VT. | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* |

**PHỤ LỤC III**

**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA VÀ CHỨNG NHẬN XE Ô TÔ ĐẠT TIÊU CHUẨN VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH***(Ban hành theo Thông tư liên tịch số 19/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND**………. **SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……../……….. | *………, ngày ….. tháng ….. năm …..* |
|  |  |

  K**ính gửi:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch)....

Ngày …..tháng …..năm ……, Sở Giao thông vận tải nhận được hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch của đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch……………, Sở Giao thông vận tải đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du Lịch (Sở Du lịch) kiểm tra và có văn bản trả lời về việc xác nhận xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận tải khách du lịch.

Hồ sơ gửi kèm theo công văn này gồm:

(Kê theo quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều 8)

1. ………….;

2. …………..

Đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) ……có văn bản trả lời theo quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Đơn vị KD vận tải đề nghị cấp biển hiệu;  - Lưu VT, … | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC IV**

MẪU VĂN BẢN XÁC NHẬN XE Ô TÔ ĐẠT TIÊU CHUẨN VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH  
*(Ban hành theo Thông tư liên tịch số 19/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND ………. **SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO DU LỊCH (SỞ DU LỊCH)…** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……../……….. | *………, ngày ….. tháng ….. năm …..* |

**Kính gửi: Sở Giao thông vận tải ………………**

Ngày ….. tháng ….. năm ……, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) ………. nhận được văn bản số ……….. của Sở Giao thông vận tải về việc ……….. Sau khi kiểm tra, đối chiếu các thông tin và trang thiết bị của phương tiện, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) ……….. xác nhận phương tiện theo danh sách của Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch ………… bảo đảm (hoặc không bảo đảm thì nêu rõ nội dung còn thiếu) quy định xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận tải khách du lịch.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải cấp (hoặc không cấp nếu chưa đáp ứng) biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch theo quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Đơn vị KD vận tải đề nghị cấp biển hiệu;  - Lưu VT, … | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 43** | **THỦ TỤC THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XE CƠ GIỚI CẢI TẠO** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 07 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh | 01ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép thi công hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng Kế hoạch – Tài chính – Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải | 4,5 gày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | 0,5ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 1 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | *(*Khoản 4 Điều 7 Thông tư 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải).  - Văn bản thẩm định thiết kế (bản chính) (theo mẫu quy định);  - 04 bộ hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo có các thành phần: thuyết minh thiết kế kỹ thuật xe cơ giới (bản chính) và Bản vẽ kỹ thuật (bản chính).  - Tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế (bản sao có xác nhận của cơ sở thiết kế); - Bản sao có xác nhận của cơ sở thiết kế của một trong các giấy tờ sau: Giấy Đăng ký xe ô tô; Phiếu sang tên, di chuyển (đối với trường hợp đang làm thủ tục sang tên, di chuyển); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu hoặc giấy tờ chứng nhận đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu (đối với xe cơ giới đã qua sử dụng được phép nhập khẩu, chưa có biển số đăng ký). |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | 07 ngày làm việc; kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế |
| **8. Lệ phí :** | không |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Nội dung hồ sơ thiết kế (Phụ lục 1, Thông tư 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải);  - Văn bản thẩm định thiết kế (Phụ lục 3, Thông tư 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | không |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Thông tư 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**PHỤ LỤC I**

NỘI DUNG HỒ SƠ THIẾT KẾ  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT*

*ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**A. Thuyết minh thiết kế kỹ thuật xe cơ giới**

Thuyết minh thiết kế kỹ thuật xe cơ giới cải tạo được thể hiện trên giấy trắng khổ A4, có đóng dấu từng trang hoặc giáp lai; trang bìa có ký tên, đóng dấu của đại diện cơ sở thiết kế. Thuyết minh thiết kế bao gồm các nội dung sau:

1. Giới thiệu mục đích cải tạo;

2. Đặc tính kỹ thuật cơ bản của xe cơ giới trước và sau cải tạo;

3. Nội dung thực hiện cải tạo và các bước công nghệ thi công:

a) Có đầy đủ các nội dung cải tạo của các hệ thống, tổng thành, chi tiết và các bộ phận liên quan khác;

b) Xây dựng chi tiết các bước công nghệ để thực hiện thi công cải tạo; mô tả chi tiết quy trình cải tạo;

c) Có yêu cầu kỹ thuật cụ thể về vật tư, phụ tùng, vật liệu sử dụng trong cải tạo, đảm bảo tiêu chuẩn và phù hợp với xe cơ giới trước cải tạo.

4) Tính toán các đặc tính động học, động lực học và kiểm nghiệm bền các chi tiết, tổng thành, hệ thống theo các nội dung như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung tính toán**  **Nội dung tính toán** | | **Nội dung cải tạo**  **Nội dung cải tạo**  **Nội dung cải tạo** | | |
| **Xe ô tô** | **Rơ moóc, sơ mi rơ moóc**  **Rơ moóc, sơ mi rơ moóc** | |
| **a)** | **Tính toán các đặc tính động học và động lực học**  **Tính toán các đặc tính động học và động lực học**  **Tính toán các đặc tính động học và động lực học**  **Tính toán các đặc tính động học và động lực học**  **Tính toán các đặc tính động học và động lực học** | | | | |
| 1 | Động lực học kéo và khả năng tăng tốc của xe  Động lực học kéo và khả năng tăng tốc của xe | | x(1) | ---  --- | |
| 2 | Tính ổn định ngang, ổn định dọc của xe khi không tải và khi đầy tải  Tính ổn định ngang, ổn định dọc của xe khi không tải và khi đầy tải | | x | x  x | |
| 3 | Tính ổn định của xe khi quay vòng  Tính ổn định của xe khi quay vòng | | x | ---  --- | |
| 4 | Tính ổn định của xe có lắp cơ cấu chuyên dùng khi cơ cấu chuyên dùng hoạt động (2)  Tính ổn định của xe có lắp cơ cấu chuyên dùng khi cơ cấu chuyên dùng hoạt động (2) | | x | x  x | |
| 5 | Động học lái  Động học lái | | x(3) | x(4)  x(4) | |
| 6 | Động học quay vòng của đoàn xe  Động học quay vòng của đoàn xe | | --- | x  x | |
| 7 | Động lực học khi phanh  Động lực học khi phanh | | --- | x  x | |
| 8 | Động học cơ cấu nâng hạ thùng xe (5)  Động học cơ cấu nâng hạ thùng xe (5) | | x | x  x | |
| **b)** | **Tính toán kiểm nghiệm bền các chi tiết, tổng thành, hệ thống**  **Tính toán kiểm nghiệm bền các chi tiết, tổng thành, hệ thống**  **Tính toán kiểm nghiệm bền các chi tiết, tổng thành, hệ thống**  **Tính toán kiểm nghiệm bền các chi tiết, tổng thành, hệ thống**  **Tính toán kiểm nghiệm bền các chi tiết, tổng thành, hệ thống** | | | | |
| 1 | Khung xe  Khung xe | | x (6) | x  x | |
| 2 | Khung xương của thân xe; Dầm ngang sàn xe hoặc dầm ngang của thùng xe; liên kết của thân xe hoặc thùng xe với khung xe; thành thùng xe; mui phủ.  Khung xương của thân xe; Dầm ngang sàn xe hoặc dầm ngang của thùng xe; liên kết của thân xe hoặc thùng xe với khung xe; thành thùng xe; mui phủ. | | x | x  x | |
| 3 | Khung xương ghế và liên kết của ghế với sàn xe  Khung xương ghế và liên kết của ghế với sàn xe | | x | x (7)  x (7) | |
| 4 | Trục các đăng  Trục các đăng | | x (8) | ---  --- | |
| 5 | Cầu xe  Cầu xe | | --- | x  x | |
| 6 | Lốp xe  Lốp xe | | --- | x  x | |
| 7 | Cơ cấu lái; Dẫn động lái  Cơ cấu lái; Dẫn động lái | | --- | x (4)  x (4) | |
| 8 | Cơ cấu phanh, Dẫn động phanh  Cơ cấu phanh, Dẫn động phanh | | --- | x  x | |
| 9 | Hệ thống treo  Hệ thống treo | | --- | x  x | |
| 10 | Xi téc | Vỏ xi téc ở trạng thái vận hành và trạng thái chịu áp suất (nếu có) | x | x  x | |
| Mối hàn giữa xi téc và chân đỡ | x | x  x | |
| 11 | Chốt kéo sơ mi rơ moóc; Liên kết chốt kéo với khung sơ mi rơ moóc  Chốt kéo sơ mi rơ moóc; Liên kết chốt kéo với khung sơ mi rơ moóc | | --- | x  x | |
| 12 | Chốt hãm công-ten-nơ  Chốt hãm công-ten-nơ | | --- | x  x | |
| 13 | Liên kết giữa các bộ phận của trang thiết bị chuyên dùng; Liên kết các trang thiết bị chuyên dùng với khung xe  Liên kết giữa các bộ phận của trang thiết bị chuyên dùng; Liên kết các trang thiết bị chuyên dùng với khung xe | | x | x  x | |
| 14 | Các tính toán khác (nếu có) (9)  Các tính toán khác (nếu có) (9) | | x | x  x | |
| ***Ghi chú:***  x: Có áp dụng.  ---: Không áp dụng  (1): Áp dụng đối với xe có kích thước bao lớn hơn xe trước cải tạo, xe có khối lượng cho phép kéo theo  (2): Áp dụng với các xe như: ô tô cần cẩu, ô tô tải có cần cẩu, ô tô nâng người làm việc trên cao, ô tô tải tự đổ, ...  (3): Áp dụng khi có sự thay đổi chiều dài cơ sở của xe; cải tạo xe tay lái nghịch.  (4): Áp dụng đối với xe có trang bị hệ thống lái.  (5): Áp dụng đối với xe có trang bị cơ cấu nâng hạ thùng xe.  (6): Áp dụng trong các trường hợp sau:  - Khi có sự thay đổi về kết cấu khung xe (như nối táp, gia cường).  - Đối với ô tô tải có cần cẩu: Tính toán kiểm nghiệm bền dầm dọc của khung xe tại trạng thái nâng hàng gây ra mô men uốn lớn nhất về phía sau.  (7): Áp dụng đối với rơ moóc, sơ mi rơ moóc chở người.  (8): Áp dụng khi có sự thay đổi chiều dài của trục các đăng.  (9): Áp dụng đối với những nội dung tính toán kiểm nghiệm bền cho các chi tiết, tổng thành khác tùy thuộc vào đặc điểm kết cấu cụ thể của từng loại xe cơ giới cải tạo.  Trường hợp có cơ sở để kết luận sự thỏa mãn về độ bền của các chi tiết, tổng thành, hệ thống thuộc các hạng mục bắt buộc phải tính toán kiểm nghiệm bền nêu trên thì trong thuyết minh phải nêu rõ lý do của việc không tính toán kiểm nghiệm bền đối với các hạng mục này.  ***Ghi chú:***  x: Có áp dụng.  ---: Không áp dụng  (1): Áp dụng đối với xe có kích thước bao lớn hơn xe trước cải tạo, xe có khối lượng cho phép kéo theo  (2): Áp dụng với các xe như: ô tô cần cẩu, ô tô tải có cần cẩu, ô tô nâng người làm việc trên cao, ô tô tải tự đổ, ...  (3): Áp dụng khi có sự thay đổi chiều dài cơ sở của xe; cải tạo xe tay lái nghịch.  (4): Áp dụng đối với xe có trang bị hệ thống lái.  (5): Áp dụng đối với xe có trang bị cơ cấu nâng hạ thùng xe.  (6): Áp dụng trong các trường hợp sau:  - Khi có sự thay đổi về kết cấu khung xe (như nối táp, gia cường).  - Đối với ô tô tải có cần cẩu: Tính toán kiểm nghiệm bền dầm dọc của khung xe tại trạng thái nâng hàng gây ra mô men uốn lớn nhất về phía sau.  (7): Áp dụng đối với rơ moóc, sơ mi rơ moóc chở người.  (8): Áp dụng khi có sự thay đổi chiều dài của trục các đăng.  (9): Áp dụng đối với những nội dung tính toán kiểm nghiệm bền cho các chi tiết, tổng thành khác tùy thuộc vào đặc điểm kết cấu cụ thể của từng loại xe cơ giới cải tạo.  Trường hợp có cơ sở để kết luận sự thỏa mãn về độ bền của các chi tiết, tổng thành, hệ thống thuộc các hạng mục bắt buộc phải tính toán kiểm nghiệm bền nêu trên thì trong thuyết minh phải nêu rõ lý do của việc không tính toán kiểm nghiệm bền đối với các hạng mục này.  ***Ghi chú:***  x: Có áp dụng.  ---: Không áp dụng  (1): Áp dụng đối với xe có kích thước bao lớn hơn xe trước cải tạo, xe có khối lượng cho phép kéo theo  (2): Áp dụng với các xe như: ô tô cần cẩu, ô tô tải có cần cẩu, ô tô nâng người làm việc trên cao, ô tô tải tự đổ, ...  (3): Áp dụng khi có sự thay đổi chiều dài cơ sở của xe; cải tạo xe tay lái nghịch.  (4): Áp dụng đối với xe có trang bị hệ thống lái.  (5): Áp dụng đối với xe có trang bị cơ cấu nâng hạ thùng xe.  (6): Áp dụng trong các trường hợp sau:  - Khi có sự thay đổi về kết cấu khung xe (như nối táp, gia cường).  - Đối với ô tô tải có cần cẩu: Tính toán kiểm nghiệm bền dầm dọc của khung xe tại trạng thái nâng hàng gây ra mô men uốn lớn nhất về phía sau.  (7): Áp dụng đối với rơ moóc, sơ mi rơ moóc chở người.  (8): Áp dụng khi có sự thay đổi chiều dài của trục các đăng.  (9): Áp dụng đối với những nội dung tính toán kiểm nghiệm bền cho các chi tiết, tổng thành khác tùy thuộc vào đặc điểm kết cấu cụ thể của từng loại xe cơ giới cải tạo.  Trường hợp có cơ sở để kết luận sự thỏa mãn về độ bền của các chi tiết, tổng thành, hệ thống thuộc các hạng mục bắt buộc phải tính toán kiểm nghiệm bền nêu trên thì trong thuyết minh phải nêu rõ lý do của việc không tính toán kiểm nghiệm bền đối với các hạng mục này.  ***Ghi chú:***  x: Có áp dụng.  ---: Không áp dụng  (1): Áp dụng đối với xe có kích thước bao lớn hơn xe trước cải tạo, xe có khối lượng cho phép kéo theo  (2): Áp dụng với các xe như: ô tô cần cẩu, ô tô tải có cần cẩu, ô tô nâng người làm việc trên cao, ô tô tải tự đổ, ...  (3): Áp dụng khi có sự thay đổi chiều dài cơ sở của xe; cải tạo xe tay lái nghịch.  (4): Áp dụng đối với xe có trang bị hệ thống lái.  (5): Áp dụng đối với xe có trang bị cơ cấu nâng hạ thùng xe.  (6): Áp dụng trong các trường hợp sau:  - Khi có sự thay đổi về kết cấu khung xe (như nối táp, gia cường).  - Đối với ô tô tải có cần cẩu: Tính toán kiểm nghiệm bền dầm dọc của khung xe tại trạng thái nâng hàng gây ra mô men uốn lớn nhất về phía sau.  (7): Áp dụng đối với rơ moóc, sơ mi rơ moóc chở người.  (8): Áp dụng khi có sự thay đổi chiều dài của trục các đăng.  (9): Áp dụng đối với những nội dung tính toán kiểm nghiệm bền cho các chi tiết, tổng thành khác tùy thuộc vào đặc điểm kết cấu cụ thể của từng loại xe cơ giới cải tạo.  Trường hợp có cơ sở để kết luận sự thỏa mãn về độ bền của các chi tiết, tổng thành, hệ thống thuộc các hạng mục bắt buộc phải tính toán kiểm nghiệm bền nêu trên thì trong thuyết minh phải nêu rõ lý do của việc không tính toán kiểm nghiệm bền đối với các hạng mục này.  ***Ghi chú:***  x: Có áp dụng.  ---: Không áp dụng  (1): Áp dụng đối với xe có kích thước bao lớn hơn xe trước cải tạo, xe có khối lượng cho phép kéo theo  (2): Áp dụng với các xe như: ô tô cần cẩu, ô tô tải có cần cẩu, ô tô nâng người làm việc trên cao, ô tô tải tự đổ, ...  (3): Áp dụng khi có sự thay đổi chiều dài cơ sở của xe; cải tạo xe tay lái nghịch.  (4): Áp dụng đối với xe có trang bị hệ thống lái.  (5): Áp dụng đối với xe có trang bị cơ cấu nâng hạ thùng xe.  (6): Áp dụng trong các trường hợp sau:  - Khi có sự thay đổi về kết cấu khung xe (như nối táp, gia cường).  - Đối với ô tô tải có cần cẩu: Tính toán kiểm nghiệm bền dầm dọc của khung xe tại trạng thái nâng hàng gây ra mô men uốn lớn nhất về phía sau.  (7): Áp dụng đối với rơ moóc, sơ mi rơ moóc chở người.  (8): Áp dụng khi có sự thay đổi chiều dài của trục các đăng.  (9): Áp dụng đối với những nội dung tính toán kiểm nghiệm bền cho các chi tiết, tổng thành khác tùy thuộc vào đặc điểm kết cấu cụ thể của từng loại xe cơ giới cải tạo.  Trường hợp có cơ sở để kết luận sự thỏa mãn về độ bền của các chi tiết, tổng thành, hệ thống thuộc các hạng mục bắt buộc phải tính toán kiểm nghiệm bền nêu trên thì trong thuyết minh phải nêu rõ lý do của việc không tính toán kiểm nghiệm bền đối với các hạng mục này.  ***Ghi chú:***  x: Có áp dụng.  ---: Không áp dụng  (1): Áp dụng đối với xe có kích thước bao lớn hơn xe trước cải tạo, xe có khối lượng cho phép kéo theo  (2): Áp dụng với các xe như: ô tô cần cẩu, ô tô tải có cần cẩu, ô tô nâng người làm việc trên cao, ô tô tải tự đổ, ...  (3): Áp dụng khi có sự thay đổi chiều dài cơ sở của xe; cải tạo xe tay lái nghịch.  (4): Áp dụng đối với xe có trang bị hệ thống lái.  (5): Áp dụng đối với xe có trang bị cơ cấu nâng hạ thùng xe.  (6): Áp dụng trong các trường hợp sau:  - Khi có sự thay đổi về kết cấu khung xe (như nối táp, gia cường).  - Đối với ô tô tải có cần cẩu: Tính toán kiểm nghiệm bền dầm dọc của khung xe tại trạng thái nâng hàng gây ra mô men uốn lớn nhất về phía sau.  (7): Áp dụng đối với rơ moóc, sơ mi rơ moóc chở người.  (8): Áp dụng khi có sự thay đổi chiều dài của trục các đăng.  (9): Áp dụng đối với những nội dung tính toán kiểm nghiệm bền cho các chi tiết, tổng thành khác tùy thuộc vào đặc điểm kết cấu cụ thể của từng loại xe cơ giới cải tạo.  Trường hợp có cơ sở để kết luận sự thỏa mãn về độ bền của các chi tiết, tổng thành, hệ thống thuộc các hạng mục bắt buộc phải tính toán kiểm nghiệm bền nêu trên thì trong thuyết minh phải nêu rõ lý do của việc không tính toán kiểm nghiệm bền đối với các hạng mục này. | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |

5) Những hướng dẫn cần thiết cho việc sử dụng xe cơ giới sau khi cải tạo;

6) Kết luận chung của bản thuyết minh;

7) Mục lục;

8) Tài liệu tham khảo trong quá trình thiết kế.

**B. Bản vẽ kỹ thuật**

Các bản vẽ kỹ thuật được trình bày trên giấy trắng khổ A3, theo đúng các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, có đóng dấu tại khung tên; bản vẽ bố trí chung của xe cơ giới sau cải tạo có ký tên, đóng dấu của đại diện cơ sở thiết kế. Các bản vẽ kỹ thuật bao gồm:

1. Bản vẽ bố trí chung của xe cơ giới sau khi cải tạo;

2. Bản vẽ bố trí chung của xe cơ giới trước khi cải tạo;

3. Bản vẽ những chi tiết, hệ thống, tổng thành được cải tạo bao gồm cả hướng dẫn công nghệ và vật liệu được phép sử dụng khi cải tạo, thay thế. Đối với dây dẫn điện phải được thiết kế thể hiện vị trí lắp đặt và dây dẫn được đặt trong ống bảo vệ bằng vật liệu chống cháy; cách định vị ống bảo vệ;

4. Bản vẽ lắp đặt các chi tiết tổng thành hệ thống được cải tạo hoặc thay thế;

5. Các bản vẽ khác để làm rõ nội dung cải tạo (nếu cần).

**PHỤ LỤC III**

**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XE CƠ GIỚI CẢI TẠO**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT*

*ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| **(CƠ SỞ THIẾT KẾ)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ………………….. V/v: thẩm định thiết kế | *……, ngày…..tháng…..năm……..* |

**Kính gửi:** Cục Đăng kiểm Việt Nam/Sở Giao thông vận tải...

Căn cứ Thông tư số ……/2014/TT-BGTVT ngày ..../…../2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

*(Cơ sở thiết kế)* có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ... ngày …../..../…. của *(cơ quan cấp)*; đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam (Sở Giao thông vận tải) thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo sau:

- **Tên thiết kế**: ………….. *(tên thiết kế)* ………………

- **Ký hiệu thiết kế:** ……………. *(ký hiệu thiết kế)* ………….

**1. Đặc điểm xe cơ giới:**

- Biển số đăng ký (nếu đã được cấp):

- Số khung: - Số động cơ:

- Nhãn hiệu: - Số loại:

**2. Nội dung cải tạo chính:**

*(Ghi tóm tắt đầy đủ các nội dung thiết kế cải tạo thay đổi của xe cơ giới)*

**3. Thông số kỹ thuật trước và sau cải tạo:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thông số kỹ thuật** | **Đơn vị** | **Xe cơ giới trước cải tạo** | **Xe cơ giới sau cải tạo** |
| 1 | Loại phương tiện |  |  |  |
| 2 | Kích thước bao ngoài (dài x rộng x cao) | mm |  |  |
| 3 | Chiều dài cơ sở | mm |  |  |
| 4 | Vết bánh xe (trước/sau) | mm |  |  |
| 5 | Khối lượng bản thân | kg |  |  |
| 6 | Số người cho phép chở | người |  |  |
| 7 | Khối lượng hàng chuyên chở CPTGGT | kg |  |  |
| 8 | Khối lượng toàn bộ CPTGGT | kg |  |  |
| ….. | *Các thông số kỹ thuật khác của xe cơ giới có thay đổi do cải tạo* |  |  |  |

*(Cơ sở thiết kế)* xin chịu trách nhiệm về nội dung thiết kế và hồ sơ xe cơ giới cải tạo.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CƠ SỞ THIẾT KẾ** *(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 44** | **THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH ĐẶC BIỆT CHO PHƯƠNG TIỆN** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 02 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép lái xe hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 1 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:**(Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 46/2015/ TT - BGTVT ngày 07/09/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải)  - Đơn đề nghị theo mẫu quy định;  - Bản sao Giấy đăng ký xe hoặc Giấy đăng ký tạm thời đối với phương tiện mới nhận;  - Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; bản sao tính năng kỹ thuật của xe đối với phương tiện mới nhận (do nhà sản xuất gửi kèm theo xe);  - Phương án vận chuyển đối với trường hợp phải khảo sát đường bộ (nếu có), gồm các nội dung sau: thông tin về tuyến đường vận chuyển; thông tin về phương tiện vận chuyển; thông tin hàng hóa chuyên chở có xác nhận của chủ hàng, gồm các thông số kích thước về chiều dài, chiều rộng và chiều cao (D x R x C) mét; khối lượng, hình ảnh (nếu có); hợp đồng vận chuyển hoặc văn bản chỉ định đơn vị vận chuyển của chủ hàng hoặc đơn vị thuê vận chuyển.  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Khoản 3 Điều 21 Thông tư số 46/2015/ TT - BGTVT ngày 07/09/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải)  02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép lưu hành xe |
| **8. Lệ phí :** | không |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ (Phụ lục I, Thông tư số 46/2015/ TT - BGTVT ngày 07/09/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải);  - Đơn đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ (Phụ lục II, Thông tư số 46/2015/ TT - BGTVT ngày 07/09/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 1 Điều 20 Thông tư số 46/2015/ TT - BGTVT ngày 07/09/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải).  Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng (sau đây gọi là Giấy phép lưu hành xe) trên đường bộ trong những trường hợp đặc biệt, khi không còn phương án vận chuyển nào khác hoặc không thể sử dụng chủng loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ khác phù hợp để vận chuyển trên đường bộ. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông vận tải đường bộ năm 2008;  **-** Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/09/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ; |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**PHỤ LỤC 1**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số* 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/09/2015

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ**

**Kính gửi:** (tên Cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe)

- Cá nhân, tổ chức đề nghị: ……………………………………………………………………

- Địa chỉ: ………………………………………….. Điện thoại: ..........................................

Đề nghị cấp Giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn với các thông số sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **1. Thông tin tổ hợp xe đầu kéo và sơ mi rơ moóc (SMRM) tải:** | | | |
| Thông số kỹ thuật | | Đầu kéo hoặc xe thân liền | Rơ moóc/ Sơmi rơ moóc RM/SMRM |
| Nhãn hiệu | |  |  |
| Biển số | |  |  |
| Số trục | |  |  |
| Khối lượng bản thân (tấn) | |  |  |
| Khối lượng hàng hóa chuyên chở cho phép tham gia giao thông (tấn) | |  |  |
| Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (tấn) | |  |  |
| Khối lượng cho phép kéo theo (tấn) | |  |  |
| Kích thước bao của tổ hợp (dài x rộng x cao) (m) | |  | |
| **2. Thông tin hàng hóa đề nghị chuyên chở:** | | | |
| Loại hàng: | | | |
| Kích thước (D x R x C) m: | Tổng khối lượng (tấn): | | |
| **3. Thông tin kích thước, khối lượng toàn bộ của tổ hợp xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:** | | | |
| Kích thước (D x R x C) m: | Hàng vượt phía trước thùng xe: m | | |
| Hàng vượt hai bên thùng xe: m | Hàng vượt phía sau thùng xe: m | | |
| Tổng khối lượng:        tấn  (gồm khối lượng bản thân ô tô đầu kéo + khối lượng bản thân sơ mi rơ moóc + khối lượng số người ngồi trên xe + khối lượng hàng) | | | |
| **4. Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên trục xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:** | | | |
| Trục đơn:         tấn | | | |
| Cụm trục kép:       tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d =….m | | | |
| Cụm trục ba:        tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d =…m | | | |
|  |  |  |  |

**5. Tuyến đường và thời gian vận chuyển:**

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển

Hướng đi qua đường ngang tại Km…..):...................................................................................

- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ ………………đến.....................................................

**6. Cam kết của chủ phương tiện:** về quyền sở hữu phương tiện và hàng hóa tại thờiđiểm đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe.

|  |  |
| --- | --- |
| *(Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe đã xếp hàng và khoảng cách giữa các trục xe, chiều dài đuôi xe)* | ***…..., ngày…. tháng… năm….*  Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị  Ký tên, đóng dấu** |

**PHỤ LỤC 2**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số* 46/2015/TT-BGTVT

*ngày 07 tháng 09 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE BÁNH XÍCH TỰ HÀNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ**

**Kính gửi:** (tên Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy lưu hành)

- Cá nhân, tổ chức đề nghị: ....................................................................................

- Địa chỉ: ………………………………….. Điện thoại: .

- Đề nghị cấp Giấy phép lưu hành cho xe bánh xích:

- Biển số đăng ký (nếu có):

- Khối lượng bản thân xe: ……………………………… (tấn)

- Kích thước của xe:

+ Chiều dài: ………………………………..(m)

+ Chiều rộng: ……………………………….. (m)

+ Chiều cao: ……………………………….. (m)

- Loại xích (nhọn hoặc bằng): ………………………………..

- Chiều rộng bánh xích mỗi bên: ……………….. (m)

- Khoảng cách giữa hai mép ngoài của bánh: ……………….. (m)

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng, đi qua đường ngang tại Km …..): ………………………………………….

- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ …………….. đến …………………

|  |  |
| --- | --- |
| *(Đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe)* | *……, ngày…. tháng… năm….* Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị ký tên, đóng dấu |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 45** | **THỦ TỤC CHẤP THUẬN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 07 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định. Không để cá nhân phải đi lại bổ sung hồ sơ quá 02 lần cho một vụ việc.  - Nghiêm cấm cán bộ, công chức tự ý yêu cầu người nộp hồ sơ bổ sung thêm những giấy tờ không có trong quy định của pháp luật đối với thủ tục hành chính này.  - Chuyển hồ sơ của công dân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp Giấy phép thi công hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối cấp giấy phép. | Phòng Kế hoạch – Tài chính - Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải | 4,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh Ninh | 1 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc thẻ căn cước của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm**(Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải).  - Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (theo mẫu quy định);  - Hồ sơ thiết kế trong đó có bình đồ, trắc dọc, trắc ngang vị trí đoạn tuyến có xây dựng công trình. Nếu hồ sơ thiết kế là hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, đối với công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác, phải có Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (bản sao có công chứng);  **b). Số lượng hồ sơ:** 01 bộ. |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Khoản 6 Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải).  7 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ theo quy định |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu |
| **8. Lệ phí :** | không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (Phụ lục 1, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 3 Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải).  - Xây dựng công trình thiết yếu có liên quan đến đường được giao quản lý.  - Dự án sửa chữa công trình thiết yếu liên quan đến quốc lộ được giao quản lý. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;  - Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;  - Thông tư 50/2015/TT-BGTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính Phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**PHỤ LỤC 1**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ***(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*

*ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ....../...... | *.........., ngày .... tháng .... năm 201...* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Chấp thuận xây dựng (...3....)

**Kính gửi (4)**

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số ....../TT-BGTVT ngày .... tháng .... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (...5...)

(...2....) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (...7...)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

Hồ sơ thiết kế của (...6...);

Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - ………….; - Lưu VT. | (...2...) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

***Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL5, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu được quy định tại Điều 13 Thông tư này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên, nhóm dự án của công trình thiết yếu.

(7) Ghi rõ tên quốc lộ, cấp kỹ thuật của đường hiện tại và theo quy hoạch, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ, các vị trí cắt ngang qua quốc lộ (nếu có).

(8) Bản sao có xác nhận của chủ công trình (nếu công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác).

(9) Tổ chức tư vấn (độc lập với tổ chức tư vấn lập Hồ sơ thiết kế) được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ.

(10) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 46** | **THỦ TỤC GIA HẠN CHẤP THUẬN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 05 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Nghiêm cấm cán bộ, công chức tự ý yêu cầu người nộp hồ sơ bổ sung thêm những giấy tờ không có trong quy định của pháp luật đối với thủ tục hành chính này.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Kế họach – Tài chính Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở có văn bản gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối và nêu rõ lý do. | Phòng Kế hoạch – Tài chính - Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải | 03 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kế quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc thẻ căn cước của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ và lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm***(*Khoản 7 Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải).  - Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình (theo mẫu quy định);  **b). Số lượng hồ sơ:** 01 bộ. |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (điểm b Khoản 7 Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải).  5 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đơn gia hạn theo quy định |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Văn bản Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu |
| **8. Lệ phí :** | không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình (Phụ lục 2, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | ( Điều 7 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải).  Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu có giá trị trong thời gian 18 tháng kể từ ngày ban hành; nếu quá 18 tháng, phải thực hiện thủ tục gia hạn**.** |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;  - Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;  - Thông tư 50/2015/TT-BGTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính Phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**PHỤ LỤC 2**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ***(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*

*ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ....../...... | *..............., ngày .... tháng .... năm 201.....* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Gia hạn xây dựng (...3...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số .../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (...........5..........)

(.....2.....) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu;

- (.........6.........)

(....2....) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

|  |  |
| --- | --- |
|  | (....2....) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

***Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Gia hạn xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL5, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình, thiết yếu được quy định tại Điều 13 Thông tư này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Các tài liệu khác nếu (....2.....) thấy cần thiết./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 47** | **THỦ TỤC CẤP PHÉP THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ và lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 07 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Nghiêm cấm cán bộ, công chức tự ý yêu cầu người nộp hồ sơ bổ sung thêm những giấy tờ không có trong quy định của pháp luật đối với thủ tục hành chính này.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Kế họach – Tài chính Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở có văn bản gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối và nêu rõ lý do | Phòng Kế họach – Tài chính Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải | 4,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh . | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 1 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc thẻ căn cước của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm**(Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải).  - Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (theo mẫu quy định);  - Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền ( nếu có);  - 02 bản thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).  **b). Số lượng hồ sơ:** 01 bộ. |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Khoản 4 Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải).  7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép thi công xây dựng công trình |
| **8. Lệ phí :** | không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (Phụ lục 4, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 5 Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải).  Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu hạng mục công trình đường bộ. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;  - Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;  - Thông tư 50/2015/TT-BGTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính Phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**PHỤ LỤC 4**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*

*ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ...../....... | *..........., ngày .... tháng .... năm 201....* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (....3....)

**Kính gửi: (...4...)**

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số ...../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (....5....);

(....2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...) Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .... tháng .... năm ............

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - Lưu VT. | (...2...) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

***Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL39, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy rõ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (..2..) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

**Ghi chú:**

*Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 48** | **THỦ TỤC CHẤP THUẬN THI CÔNG XÂY DỰNG BIỂN QUẢNG CÁO ĐỐI VỚI ĐOẠN, TUYẾN QUỐC LỘ THUỘC PHẠM VI ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 05 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Nghiêm cấm cán bộ, công chức tự ý yêu cầu người nộp hồ sơ bổ sung thêm những giấy tờ không có trong quy định của pháp luật đối với thủ tục hành chính này.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Kế họach – Tài chính Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở có văn bản gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối và nêu rõ lý do | Phòng Kế họach – Tài chính Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải | 3 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc thẻ căn cước của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm**(Khoản 7 Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải).  - Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình (theo mẫu quy định);  **b). Số lượng hồ sơ:** 01 bộ. |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (điểm b Khoản 7 Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải).  5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Văn bản chấp thuận thi công xây dựng biển quảng cáo |
| **8. Lệ phí :** | không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (Phụ lục 1, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 1,2,3 Điều 16 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải).  - Việc lắp đặt biển quảng cáo trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ tuân theo các quy định của pháp luật về quảng cáo và về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Cá nhân, tổ chức được phép lắp đặt biển quảng cáo chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan do việc lắp đặt biển quảng cáo gây ra.  - Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo tính từ mép đất của đường bộ đến điểm gần nhất của biển quảng cáo tối thiểu bằng 1,3 lần chiều cao của biển (điểm cao nhất của biển) và không được nhỏ hơn 05 mét.  - Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo lắp đặt ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Nếu giới hạn này bị vi phạm, đơn vị quản lý đường bộ đề nghị cơ quan cấp phép xây dựng biển quảng cáo yêu cầu tổ chức, cá nhân dừng việc lắp đặt biển quảng cáo. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;  - Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;  - Thông tư 50/2015/TT-BGTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính Phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**PHỤ LỤC 1**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ***(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*

*ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ....../...... | *.........., ngày .... tháng .... năm 201...* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Chấp thuận xây dựng (...3....)

**Kính gửi (4)**

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số ....../TT-BGTVT ngày .... tháng .... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (...5...)

(...2....) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (...7...)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

Hồ sơ thiết kế của (...6...);

Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - ………….; - Lưu VT. | (...2...) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

***Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL5, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu được quy định tại Điều 13 Thông tư này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên, nhóm dự án của công trình thiết yếu.

(7) Ghi rõ tên quốc lộ, cấp kỹ thuật của đường hiện tại và theo quy hoạch, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ, các vị trí cắt ngang qua quốc lộ (nếu có).

(8) Bản sao có xác nhận của chủ công trình (nếu công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác).

(9) Tổ chức tư vấn (độc lập với tổ chức tư vấn lập Hồ sơ thiết kế) được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ.

(10) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 49** | **THỦ TỤC CẤP PHÉP THI CÔNG XÂY DỰNG BIỂN QUẢNG CÁO ĐỐI VỚI ĐOẠN, TUYẾN QUỐC LỘ THUỘC PHẠM VI ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 07 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Nghiêm cấm cán bộ, công chức tự ý yêu cầu người nộp hồ sơ bổ sung thêm những giấy tờ không có trong quy định của pháp luật đối với thủ tục hành chính này.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Kế họach – Tài chính Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở có văn bản gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối và nêu rõ lý do | Phòng Kế họach – Tài chính Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải | 5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh; thông báo cho tổ chức, cá nhân được biết. | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc thẻ căn cước của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm**(Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải).  - Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (theo mẫu quy định);  - Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);  - 02 bản thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).  **b). Số lượng hồ sơ:** 01 bộ. |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Khoản 4 Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải).  7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép thi công xây dựng công trình |
| **8. Lệ phí :** | không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (Phụ lục 4, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 5 Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải).  Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu hạng mục công trình đường bộ. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;  - Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;  - Thông tư 50/2015/TT-BGTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính Phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**PHỤ LỤC 4**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*

*ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ...../....... | *..........., ngày .... tháng .... năm 201....* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (....3....)

**Kính gửi: (...4...)**

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số ...../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (....5....);

(....2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...) Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .... tháng .... năm ............

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - Lưu VT. | (...2...) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

***Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL39, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy rõ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (..2..) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

**Ghi chú:**

*Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 50** | **THỦ TỤC CHẤP THUẬN THIẾT KẾ VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THI CÔNG NÚT GIAO ĐẤU NỐI LIÊN QUAN ĐẾN ĐƯỜNG ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 10 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Nghiêm cấm cán bộ, công chức tự ý yêu cầu người nộp hồ sơ bổ sung thêm những giấy tờ không có trong quy định của pháp luật đối với thủ tục hành chính này.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Kế họach – Tài chính Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở có văn bản gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối và nêu rõ lý do | Phòng Kế họach – Tài chính Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải | 7,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh; thông báo cho tổ chức, cá nhân được biết. | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 1 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc thẻ căn cước của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm**(Khoản 3 Điều 26 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải).  - Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (theo mẫu quy định);  - Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).  **b). Số lượng hồ sơ:** 01 bộ. |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Khoản 5 Điều 26 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải).  10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Chấp thuận thiết kế |
| **8. Lệ phí :** | không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (Phụ lục 3, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 1 Điều 26 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải).  Trước khi nâng cấp, cải tạo nút giao; chủ công trình, dự án được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao sử dụng điểm đấu nối thuộc quy hoạch các điểm đấu nối đã được phê duyệt, căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành, lập và gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét chấp |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;  - Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;  - Thông tư 50/2015/TT-BGTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính Phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**PHỤ LỤC 3**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO, ĐƯỜNG NHÁNH ĐẤU NỐI VÀO QUỐC LỘ***(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*

*ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ......./........ | *..............., ngày .... tháng .... năm 201.....* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO ĐƯỜNG NHÁNH ĐẤU NỐI VÀO ĐƯỜNG**

Chấp thuận xây dựng (....3....)

**Kính gửi: (4)**

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số .../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (...........5.............)

- (..........2.........) đề nghị được chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đấu nối (.........6...........)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

*+ Hồ sơ Thiết kế và Phương án tổ chức giao thông của nút giao (có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).*

*- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.*

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình nút giao đấu nối đường nhánh phải hoặc trái tuyến và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình nút giao đấu nối đường nhánh vào. Tại Km...+.../phải hoặc trái tuyến được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - Lưu VT. | (...2...) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

***Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đấu nối (Do Chủ đầu tư đứng đơn).

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đấu nối tại Km..+.../Trái tuyến hoặc phải tuyến/ QL..”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình nút giao đấu nối đường nhánh theo quy định tại Điều 22 Thông tư này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên quốc lộ, cấp kỹ thuật của đường, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 51** | **THỦ TỤC CẤP PHÉP THI CÔNG NÚT GIAO ĐẤU NỐI VÀO ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TUYẾN QUỐC LỘ** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 07 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Nghiêm cấm cán bộ, công chức tự ý yêu cầu người nộp hồ sơ bổ sung thêm những giấy tờ không có trong quy định của pháp luật đối với thủ tục hành chính này.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Kế họach – Tài chính Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở có văn bản gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối và nêu rõ lý do | Phòng Kế họach – Tài chính Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải | 5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh; thông báo cho tổ chức, cá nhân được biết. | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc thẻ căn cước của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm**(Khoản 2 Điều 27 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải).  - Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (theo mẫu quy định);  - Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế nút giao của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (nếu có);  - Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).  **b). Số lượng hồ sơ:** 01 bộ. |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Khoản 4 Điều 27 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải).  07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Chấp thuận thiết kế |
| **8. Lệ phí :** | không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (Phụ lục 4, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 5,6,7 Điều 27 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải).  - Nút giao phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.  - Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ và phải nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.  - Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  - Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;  - Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;  - Thông tư 50/2015/TT-BGTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính Phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**PHỤ LỤC 4**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*

*ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ...../....... | *..........., ngày .... tháng .... năm 201....* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (....3....)

**Kính gửi: (...4...)**

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số ...../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (....5....);

(....2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...) Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .... tháng .... năm ............

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - Lưu VT. | (...2...) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

***Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL39, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy rõ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (..2..) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

**Ghi chú:**

*Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 52** | **THỦ TỤC ĐĂNG KÝ LẦN ĐẦU ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN CHƯA KHAI THÁC TRÊN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ và lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 03 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 1 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 1 ngày | | - Hướng dẫn người đến nhận kết quả nộp lệ phí; | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm: (Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải).**  **\* Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**  - Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (theo mẫu quy định);  - 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;  - Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;  - Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (theo mẫu quy định) đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.  **\* Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:**  - Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;  - Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phương tiện được nhập khẩu;  - Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;  - Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;  -  Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.  **b). Số lượng:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | - 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa. |
| **8. Lệ phí :** | 70.000 đồng/giấy phép.  (Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính) |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (Mẫu số 2, Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải);  - Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (Mẫu số 3, Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải); |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | không |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 5 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;  - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Mẫu số 2**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ  PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chưa khai thác, đăng ký lần đầu)*

***Kính gửi:***………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …………đại diện cho các đồng sở hữu ………………

- Trụ sở chính: (1) ……………………………………………………………………………

- Điện thoại: …………………………… Email: …………………………………………….

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ……………………… Ký hiệu thiết kế:

Công dụng:

Năm và nơi đóng:

Cấp tàu: Vật liệu vỏ:

Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất:  m

Chiều rộng thiết kế: m  Chiều rộng lớn nhất m

Chiều cao mạn:  m  Chiều chìm: m

Mạn khô: m  Trọng tải toàn phần: tấn

Số người được phép chở: người  Sức kéo, đẩy:   tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*:

Máyphụ *(nếucó)*: …………………………………………………………………………….

Giấy phép nhập khẩu số *(nếu có)*: ……………..ngày …….. tháng …….. năm 20

Do cơ quan cấp

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số: ………………………………

do cơ quan ………………………… ………… cấp.

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ………. ngày ……. tháng …….. năm 20 ……….

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ………., ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)** |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối vớitrường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**Mẫu số 3**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI  
ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính*

*dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

-Trụsở chính: (1) ……………………………………………………………………………

- Điện thoại: ………………………………….. Email: ……………………………………

Loại phương tiện: …………………………………………………………………………

Vật liệu đóng phương tiện: …………………………………………………………………

Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (………….x………x………..x……..) m

Máy (loại, công suất): …………………………………../…………………………….. (cv)

Khả năng khai thác:      a) Trọng tải toàn phần:  ………………………………. tấn.

b) Sức chở người: ……………………………………….. người.

Tình trạng thân vỏ: ………………………………………………………………………….

Tình trạng hoạt động của máy: ………………………………………………………………

Dụng cụ cứu sinh: số lượng ………………… (chiếc); Loại ………………………………..

Đèn tín hiệu: .………………………………………………………………………………

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | …………, ngày .... tháng .... năm …… **Chủ phương tiện** (2) *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 53** | **THỦ TỤC ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN LẦN ĐẦU ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN ĐANG KHAI THÁC TRÊN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TRƯỚC NGÀY 01/01/2015** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 03 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 1 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh; thông báo cho tổ chức, cá nhân được biết. | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 1 ngày | | - Hướng dẫn người đến nhận kết quả nộp lệ phí; | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm: (Khoản 1,2 Điều 11 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải).**  **\* Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**  - Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (theo mẫu quy định);  - 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;  - Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;  - Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm (theo mẫu quy định);  **\* Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:**  - Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;  - Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.  **b). Số lượng:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | - 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa. |
| **8. Lệ phí :** | 70.000 đồng/giấy phép.  (Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính) |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (Mẫu số 4 - Phụ lục I, Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải);  - Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (Mẫu số 3 - Phụ lục I, Thông tư sô 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải); |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | **:** (Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải);  Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;  - Thông tư sô 75/204/TT-BGTVT ngày 9/2/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Mẫu số 3**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI  
ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính*

*dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

Loại phương tiện: …

Vật liệu đóng phương tiện:

Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (………….x………x………..x……..) m

Máy (loại, công suất): …………………………………../…………………(cv)………….

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:  …………………………………. tấn

b) Sức chở người: ………………người

Tình trạng thân vỏ:

Tình trạng hoạt động của máy:

Dụng cụ cứu sinh: số lượng ………………… (chiếc); Loại:

Đèn tín hiệu:

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | …………, ngày .... tháng .... năm …… **Chủ phương tiện** (2) *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**Mẫu số 4**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện đang khai thác, đăng ký lần đầu)*

***Kính gửi:*** ……………………………………………………………….

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ………………đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: …………………………. Chiều cao mạn: m

Năm hoạt động: ……………………………Chiều chìm: m

Công dụng: ………………………………... Mạn khô: m Năm và nơi đóng: ………………………… Trọng tải toàn phần: tấn

Vật liệu vỏ: …………………………………Số người có thể chở: người

Chiều dài lớn nhất: ……………………..(m)  Sức kéo, đẩy …………………………….tấn

Chiều rộng lớn nhất: …………………… (m)

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):*

Máy phụ *(nếu có)*:

Phương tiện này được *(mua lại, hoặc đóng tại...)*: ………………………………... *(cá nhân hoặc tổ chức)*

Địa chỉ:

Thời gian *(mua, tặng, đóng)* ……………..……ngày ….. tháng ….. năm

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ………………. ngày ….. tháng ….. năm

Nay đề nghị ………………………………………… đăng ký phương tiện trên.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyền sở hữu hợp pháp đối với phương tiện và lời khai trên.

|  |  |
| --- | --- |
| Xác nhận của đại diện chính quyền địa phương cấp phường, xã *(Nội dung: Xác nhận ông, bà …..……. đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương có phương tiện nói trên và không tranh chấp về quyền sở hữu) (Ký tên, đóng dấu)* | ……….., ngày .... tháng .... năm...  **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)  *(Ký tên)* |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 54** | **THỦ TỤC ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN LẦN ĐẦU ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN ĐANG KHAI THÁC TRÊN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SAU NGÀY 01/01/2015** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định).Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 03 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 1,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5ngày | | - Hướng dẫn người đến nhận kết quả nộp lệ phí; | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm: (Khoản 1,2 và 4 Điều 11 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải).**  **\* Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**  - Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (theo mẫu quy định);  - 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;  - Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;  - Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm (theo mẫu quy định);  **\* Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:**  - Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;  - Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê;  - Chủ phương tiện phải xuất trình thêm bản chính của hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra, trừ trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.  **b). Số lượng:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | - 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa. |
| **8. Lệ phí :** | 70.000 đồng/giấy phép.  (Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính) |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (Mẫu số 4 - Phụ lục I, Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải);  - Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (Mẫu số 3 - Phụ lục I, Thông tư sô 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải); |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải);  Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;  - Thông tư sô 75/204/TT-BGTVT ngày 9/2/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Mẫu số 3**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI  
ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính*

*dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

Loại phương tiện: …

Vật liệu đóng phương tiện:

Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (………….x………x………..x……..) m

Máy (loại, công suất): …………………………………../…………………(cv)………….

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:  …………………………………. tấn

b) Sức chở người: ………………người

Tình trạng thân vỏ:

Tình trạng hoạt động của máy:

Dụng cụ cứu sinh: số lượng ………………… (chiếc); Loại:

Đèn tín hiệu:

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | …………, ngày .... tháng .... năm …… **Chủ phương tiện** (2) *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**Mẫu số 4**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện đang khai thác, đăng ký lần đầu)*

***Kính gửi:*** ……………………………………………………………….

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ………………đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: …………………………. Chiều cao mạn: m

Năm hoạt động: ……………………………Chiều chìm: m

Công dụng: ………………………………... Mạn khô: m Năm và nơi đóng: ………………………… Trọng tải toàn phần: tấn

Vật liệu vỏ: ………………………………… Số người có thể chở: người

Chiều dài lớn nhất: ……………………..(m)  Sức kéo, đẩy …………………………….tấn

Chiều rộng lớn nhất: ……………………. (m)

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):*

Máy phụ *(nếu có)*:

Phương tiện này được *(mua lại, hoặc đóng tại...)*: ………………………………... *(cá nhân hoặc tổ chức)*

Địa chỉ:

Thời gian *(mua, tặng, đóng)* ……………..……ngày ….. tháng ….. năm

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ………………. ngày ….. tháng ….. năm

Nay đề nghị ………………………………………… đăng ký phương tiện trên.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyền sở hữu hợp pháp đối với phương tiện và lời khai trên.

|  |  |
| --- | --- |
| Xác nhận của đại diện chính quyền địa phương cấp phường, xã *(Nội dung: Xác nhận ông, bà …..……. đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương có phương tiện nói trên và không tranh chấp về quyền sở hữu) (Ký tên, đóng dấu)* | ……….., ngày .... tháng .... năm...  **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)  *(Ký tên)* |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 55** | **THỦ TỤC ĐĂNG KÝ LẠI PHƯƠNG TIỆN TRONG TRƯỜNG HỢP CHUYỂN TỪ CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KHÁC SANG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 03 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 1,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | - Hướng dẫn người đến nhận kết quả nộp lệ phí; | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:(Khoản 1,2 Điều 12 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải).**  **\* Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**  - Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (theo mẫu quy định);  - Giấy chứng nhận xóa đăng ký của cơ quan đăng ký phương tiện trước đó (bản chính) đối với phương tiện là tàu biển;  - 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;  - Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu và phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;  - Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm (theo mẫu quy định);  **\* Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:**  - Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;  - Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;  - Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;  - Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.  **b). Số lượng:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | - 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa. |
| **8. Lệ phí :** | 70.000 đồng/giấy phép.  (Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính) |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (Mẫu số 5 - Phụ lục I, Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải);  - Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (Mẫu số 3 - Phụ lục I, Thông tư sô 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải); |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải);  Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;  - Thông tư sô 75/204/TT-BGTVT ngày 9/2/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Mẫu số 3**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI  
ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính*

*dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

Loại phương tiện: …

Vật liệu đóng phương tiện:

Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (………….x………x………..x……..) m

Máy (loại, công suất): …………………………………../…………………(cv)………….

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:  …………………………………. tấn

b) Sức chở người: ………………người

Tình trạng thân vỏ:

Tình trạng hoạt động của máy:

Dụng cụ cứu sinh: số lượng ………………… (chiếc); Loại:

Đèn tín hiệu:

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | …………, ngày .... tháng .... năm …… **Chủ phương tiện** (2) *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**Mẫu số 5**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác ng cơ quan*

*đăng ký phương tiện thủy nội địa)*

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………………

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu ………………….

- Tên cơ quan cấp đăng ký trước đây:

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email: …………………………………………….

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: Ký hiệu thiết kế: …………………………….

Công dụng:

Năm và nơi đóng: Cấp tàu: ……………………………………

Vật liệu vỏ:

Chiều dài thiết kế: ……………………….. m  Chiều dài lớn nhất:  …………………….... m

Chiều rộng thiết kế: ……………………… m  Chiều rộng lớn nhất:  ……………………..m

Chiều cao mạn:  …………………………. m   Chiều chìm: m

Mạn khô: …………………………………. m  Trọng tải toàn phần: ………………….... tấn

Số người được phép chở: …………….. người  Sức kéo, đẩy: ………………………….. tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*:

Máy phụ *(nếu có)*:

Giấy phép nhập khẩu số *(nếu có)*: ……………….ngày ….. tháng ….. năm 20 .

Do cơ quan cấp

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số:

…do cơ quan ………………cấp

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ………. ngày ……. tháng …….. năm 20

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ………., ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 56** | **THỦ TỤC ĐĂNG KÝ LẠI PHƯƠNG TIỆN TRONG TRƯỜNG HỢP PHƯƠNG TIỆN THAY ĐỔI TÍNH NĂNG KỸ THUẬT** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 03 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 1,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh; thông báo cho tổ chức, cá nhân được biết. | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5ngày | | - Hướng dẫn người đến nhận kết quả nộp lệ phí; | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:(Khoản 1,2 Điều 13 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải).**  **\* Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**  - Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (theo mẫu quy định)  - 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;  - Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;  - Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;  - Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm (theo mẫu quy định);.  **\* Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện được cấp** còn hiệu lực sau khi phương tiện đã thay đổi tính năng kỹ thuật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.  **b). Số lượng:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | - 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa. |
| **8. Lệ phí :** | 70.000 đồng/giấy phép.  (Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính) |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (Mẫu số 6 - Phụ lục I, Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải);  - Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (Mẫu số 3 - Phụ lục I, Thông tư sô 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải); |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải);  Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;  - Thông tư sô 75/204/TT-BGTVT ngày 9/2/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Mẫu số 3**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI  
ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính*

*dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

Loại phương tiện: …

Vật liệu đóng phương tiện:

Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (………….x………x………..x……..) m

Máy (loại, công suất): …………………………………../…………………(cv)………….

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:  …………………………………. tấn

b) Sức chở người: ………………người

Tình trạng thân vỏ:

Tình trạng hoạt động của máy:

Dụng cụ cứu sinh: số lượng ………………… (chiếc); Loại:

Đèn tín hiệu:

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | …………, ngày .... tháng .... năm …… **Chủ phương tiện** (2) *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**Mẫu số 6**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật)*

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu ………………….

- Trụ sở chính: (1) - Điện thoại: ……………………………………. Email:

**Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện có đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: Số đăng ký:

do cấp ngày ….. tháng ….. năm ……………..

Công dụng: Ký hiệu thiết kế: ……………………………..

Năm và nơi đóng: Cấp tàu: ……………………………………Vật liệu vỏ: ……………………………………

Chiều dài thiết kế: ……………………….. m Chiều dài lớn nhất:   m

Chiều rộng thiết kế: ……………………… m Chiều rộng lớn nhất:  m

Chiều cao mạn:  …………………………. m Chiều chìm: m

Mạn khô: …………………………………. m Trọng tải toàn phần: tấn

Số người được phép chở: …………. người      Sức kéo, đẩy:  tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*:

Máy phụ *(nếu có)*: Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện trên với lý do: ……………………………………

*(Nêu các thông số kỹ thuật thay đổi của phương tiện xin đăng ký lại)*

Tôi cam đoan chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ………., ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

1. *Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 57** | **THỦ TỤC ĐĂNG KÝ LẠI PHƯƠNG TIỆN TRONG TRƯỜNG HỢP PHƯƠNG TIỆN THAY ĐỔI TÊN** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định).Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 03 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết.  [ | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 1,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | - Hướng dẫn người đến nhận kết quả nộp lệ phí; | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm**:(Điểm a, b ,d ,đ Khoản 1,2 Điều 13 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải).  **\* Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**  - Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (theo mẫu quy định)  - 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;  - Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;  - Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm (theo mẫu quy định).  **\* Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện được cấp** còn hiệu lực sau khi phương tiện đã thay đổi tính năng kỹ thuật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.  **b). Số lượng:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | - 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa. |
| **8. Lệ phí :** | 70.000 đồng/giấy phép.  (Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính) |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (Mẫu số 6 - Phụ lục I, Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải);  - Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (Mẫu số 3 - Phụ lục I, Thông tư sô 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải); |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải);  Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;  - Thông tư sô 75/204/TT-BGTVT ngày 9/2/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Mẫu số 3**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI  
ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính*

*dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

Loại phương tiện: …

Vật liệu đóng phương tiện:

Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (………….x………x………..x……..) m

Máy (loại, công suất): …………………………………../…………………(cv)………….

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:  …………………………………. tấn

b) Sức chở người: ………………người

Tình trạng thân vỏ:

Tình trạng hoạt động của máy:

Dụng cụ cứu sinh: số lượng ………………… (chiếc); Loại:

Đèn tín hiệu:

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | …………, ngày .... tháng .... năm …… **Chủ phương tiện** (2) *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**Mẫu số 6**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật)*

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu ………………….

- Trụ sở chính: (1) - Điện thoại: ……………………………………. Email:

**Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện có đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: Số đăng ký:

do cấp ngày ….. tháng ….. năm ……………..

Công dụng: Ký hiệu thiết kế: ……………………………..

Năm và nơi đóng: Cấp tàu: ……………………………………Vật liệu vỏ: ……………………………………

Chiều dài thiết kế: ……………………….. m Chiều dài lớn nhất:   m

Chiều rộng thiết kế: ……………………… m Chiều rộng lớn nhất:  m

Chiều cao mạn:  …………………………. m Chiều chìm: m

Mạn khô: …………………………………. m Trọng tải toàn phần: tấn

Số người được phép chở: …………. người      Sức kéo, đẩy:  tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*:

Máy phụ *(nếu có)*: Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện trên với lý do: ……………………………………

*(Nêu các thông số kỹ thuật thay đổi của phương tiện xin đăng ký lại)*

Tôi cam đoan chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ………., ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 58** | **THỦ TỤC ĐĂNG KÝ LẠI PHƯƠNG TIỆN TRONG TRƯỜNG HỢP CHUYỂN QUYỀN SỞ HỮU PHƯƠNG TIỆN NHƯNG KHÔNG THAY ĐỔI CƠ QUAN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.    **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 03 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. | Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái | 1,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | - Hướng dẫn người đến nhận kết quả nộp lệ phí; | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:(Khoản 1,2 Điều 14 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải).**  **\* Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**  - Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (theo mẫu quy định)  - 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;  - Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;  - Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.  **\* Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:**  - Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;  - Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.  **b). Số lượng:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | - 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa. |
| **8. Lệ phí :** | (Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính)  Lệ phí cấp Giấy phép: 70.000 đồng/giấy phép. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (Mẫu số 7 - Phụ lục I, Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải); |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải);  Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;  - Thông tư sô 75/204/TT-BGTVT ngày 9/2/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Mẫu số 7**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)*

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu ………………….

- Trụ sở chính: (1) - Điện thoại: ……………………………………. Email:

**Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: …………………………  Số đăng ký:

Công dụng: ……………………………….. Ký hiệu thiết kế: ……………………………..

Năm và nơi đóng:

Cấp tàu: Vật liệu vỏ: ……………………………………

Chiều dài thiết kế: ……………………….. m  Chiều dài lớn nhất:  m

Chiều rộng thiết kế: ……………………… m  Chiều rộng lớn nhất:   m

Chiều cao mạn:  …………………………. m    Chiều chìm: m

Mạn khô: …………………………………. m   Trọng tải toàn phần: ………………….... tấn

Số người được phép chở: …………. người       Sức kéo, đẩy:  …………………………... tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: …………………………………………….

Máy phụ *(nếu có)*: Phương tiện này được *(mua lại, hoặc điều chuyển …):* từ *(ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị)*

Địa chỉ: Đã đăng ký tại ………………………………………… ngày ….. tháng ….. năm

Nay đề nghị …………………………………………………. đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành ghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ………., ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

1. *Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*
2. *Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 59** | **THỦ TỤC ĐĂNG KÝ LẠI PHƯƠNG TIỆN TRONG TRƯỜNG HỢP CHUYỂN QUYỀN SỞ HỮU PHƯƠNG TIỆN ĐỒNG THỜI THAY ĐỔI CƠ QUAN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 03 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 1,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | - Hướng dẫn người đến nhận kết quả nộp lệ phí; | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc thẻ căn cước của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh  [ |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm: (Khoản 1,2 Điều 15 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải).**  **\* Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**  - Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (theo mẫu quy định)  - 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;  - Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó;  - Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính), đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.  **\* Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:**  - Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;  - Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.  **b). Số lượng:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | - 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa. |
| **8. Lệ phí :** | (Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính)  Lệ phí cấp Giấy phép: 70.000 đồng/giấy phép. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (Mẫu số 7 - Phụ lục I, Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải); |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải);  Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;  - Thông tư sô 75/204/TT-BGTVT ngày 9/2/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Mẫu số 7**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)*

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu ………………….

- Trụ sở chính: (1) - Điện thoại: ……………………………………. Email:

**Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: …………………………  Số đăng ký:

Công dụng: ……………………………….. Ký hiệu thiết kế: ……………………………..

Năm và nơi đóng:

Cấp tàu: Vật liệu vỏ: ……………………………………

Chiều dài thiết kế: ……………………….. m  Chiều dài lớn nhất:  m

Chiều rộng thiết kế: ……………………… m  Chiều rộng lớn nhất:   m

Chiều cao mạn:  …………………………. m    Chiều chìm: m

Mạn khô: …………………………………. m   Trọng tải toàn phần: ………………….... tấn

Số người được phép chở: …………. người       Sức kéo, đẩy:  …………………………... tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: …………………………………………….

Máy phụ *(nếu có)*: Phương tiện này được *(mua lại, hoặc điều chuyển …):* từ *(ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị)*

Địa chỉ: Đã đăng ký tại ………………………………………… ngày ….. tháng ….. năm

Nay đề nghị …………………………………………………. đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành ghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ………., ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 60** | **THỦ TỤC ĐĂNG KÝ LẠI PHƯƠNG TIỆN TRONG TRƯỜNG HỢP CHỦ PHƯƠNG TIỆN THAY ĐỔI TRỤ SỞ HOẶC NƠI ĐĂNG KÝ HỘ KHẨU CỦA CHỦ PHƯƠNG TIỆN SANG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÂP TỈNH KHÁC** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ và lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 03 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Nin | 0,5 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 1,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Nin | 0,5 ngày | | - Hướng dẫn người đến nhận kết quả nộp lệ phí; | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm: (Khoản 1,2 Điều 16 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải).**  **\* Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**  - Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (theo mẫu quy định)  - 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;  - Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó.  **\* Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện** còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.  **b). Số lượng:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | - 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa. |
| **8. Lệ phí :** | 70.000 đồng/giấy phép.  (Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính) |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (Mẫu số 8 - Phụ lục I, Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải); |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải);  Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;  - Thông tư sô 75/204/TT-BGTVT ngày 9/2/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Mẫu số 8**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chỉ thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện)*

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu ………………….

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: Số đăng ký: ………………………………….

do cấp ngày ….. tháng ….. năm …….

có đặc điểm cơ bản như sau:

Ký hiệu thiết kế:  Cấp tàu:

Công dụng:   Vật liệu vỏ:

Năm và nơi đóng:

Chiều dài thiết kế: …………………………m  Chiều dài lớn nhất m

Chiều rộng thiết kế: ……………………… m   Chiều rộng lớn nhất:   m

Chiều cao mạn:  …………………………... m   Chiều chìm: m

Mạn khô: …………………………………. m   Trọng tải toàn phần: tấn

Số người được phép chở: …………. người      Sức kéo, đẩy:  tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*:

Máy phụ *(nếu có)*: Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện theo địa chỉ mới là:

*(nêu lý do thay đổi địa chỉ)*

Tôi cam đoan chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ………., ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

1. *Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 61** | **THỦ TỤC CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 03 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết.  . | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 1,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | - Hướng dẫn người đến nhận kết quả nộp lệ phí; | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:(Khoản 1,2 Điều 17 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải).**  **\* Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:**  - Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (theo mẫu quy định)  - 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;  - Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng.  **\* Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện** còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.  **b). Số lượng:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | - 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa. |
| **8. Lệ phí :** | 70.000 đồng/giấy phép.  (Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính) |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (Mẫu số 9 - Phụ lục I, Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải); |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải);  Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;  - Thông tư sô 75/204/TT-BGTVT ngày 9/2/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Mẫu số 9**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: ………Số đăng ký:

do cấp ngày ….. tháng ….. năm

Công dụng: Vật liệu vỏ:

Năm và nơi đóng:

Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất:  m

Chiều rộng thiết kế: m  Chiều rộng lớn nhất:  m

Chiều cao mạn:  m  Chiều chìm: m

Mạn khô: m   Trọng tải toàn phần: tấn

Số người được phép chở: ………………người   Sức kéo, đẩy:   tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*:

Máy phụ *(nếu có)*:

Nay đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với lý do:

…………………………………………………………………………………………

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ………., ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 62** | **THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định).Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 03 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 1,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | - Hướng dẫn người đến nhận kết quả nộp lệ phí; | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:(Khoản 1,2 Điều 17 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải).**  - Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa (theo mẫu quy định);  - Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp.  **b). Số lượng:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | - 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa. |
| **8. Lệ phí :** | (Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính)  Lệ phí cấp Giấy phép: 70.000 đồng/giấy phép. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (Mẫu số 10 - Phụ lục I, Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải); |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | **:** (Khoản 1,2 và 3 Điều 4; Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 9/112/2014 của Bộ Giao thông Vận tải)  - Xóa Đăng ký phương tiện trong trường hợp phương tiện bị mất tích, bị phá hủy, không còn khả năng phục hồi;  - Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;  - Thông tư sô 75/204/TT-BGTVT ngày 9/2/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;  - Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý Nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Mẫu số 10**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

**Đề nghị cơ quan xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: Số đăng ký:

Công dụng: Ký hiệu thiết kế:

Năm và nơi đóng:

Cấp tàu: Vật liệu vỏ:

Chiều dài thiết kế: m  Chiều dài lớn nhất:  m

Chiều rộng thiết kế: m   Chiều rộng lớn nhất:  m

Chiều cao mạn:  m    Chiều chìm: m

Mạn khô: m    Trọng tải toàn phần: tấn

Số người được phép chở: …………. người  Sức kéo, đẩy:  tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*:

Máy phụ *(nếu có)*:

Nay đề nghị xóa đăng ký phương tiện trên.

Lý do xóa đăng ký

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ………., ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 63** | **THỦ TỤC CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG XÂY DỰNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA VÀ BỀN KHÁCH NGANG SÔNG** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 05 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Nghiêm cấm cán bộ, công chức tự ý yêu cầu người nộp hồ sơ bổ sung thêm những giấy tờ không có trong quy định của pháp luật đối với thủ tục hành chính này.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Kế hoạch – Tài chính – Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở chấp thuận chủ trương hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối và nêu rõ lý do. | Phòng Kế hoạch – Tài chính – Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải | 3 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; thông báo cho tổ chức, cá nhân được biết. | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | 0,5 ngày | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc thẻ căn cước của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:(Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải).**  - Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa và bến khách ngang sông (theo mẫu quy định);  - Bình đồ vị trí và sơ đồ mặt bằng công trình bến, vùng nước trước bến.  **b). Số lượng:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Văn bản chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa và bến khách ngang sông. |
| **8. Lệ phí :** | không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa (Mẫu số 2, Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải).  - Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông (Mẫu số 3, Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | không |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 7 tháng 6 năm 2014;  - Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Mẫu số 2**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *……, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG XÂY DỰNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

**Kính gửi: (1)…………………………………………………………………….**

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại: ………………………………. Số FAX

Đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa (2)

Vị trí dự kiến xây dựng, từ km thứ …………………………. đến km thứ

bờ (phải hay trái) ……………. sông, (kênh) …………………………… thuộc xã (phường) …………………, huyện (quận)…………………. tỉnh (thành phố

Quy mô dự kiến xây dựng: .

Bến được sử dụng vào mục đích:

Phạm vi vùng đất sử dụng:

Phạm vi vùng nước sử dụng:

- Chiều dài: ……………..mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng……………..mét, từ mép cầu bến trở ra.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy địnhcủa pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Tổ chức (cá nhân) làm đơn** Ký và đóng dấu |
|  |  |
|  |  |

***Ghi chú:***

1. Tên Sở Giao thông vận tải;

2. Tên bến thủy nội địa do chủ đầu tư đặt.

**Mẫu số 3**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *……, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG XÂY DỰNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG**

**Kính gửi: (1)…………………………………………………………………….**

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ:

Làm đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông:

Tên bến ..

Vị trí dự kiến mở bến: Từ km thứ ……………. đến km thứ ……………. Bên bờ (phải/trái) ……………. của sông (kênh) …

Thuộc xã (phường) ……………………… huyện (quận)

tỉnh (thành phố)

Quy mô dự kiến xây dựng:

Phạm vi vùng đất sử dụng:

Phạm vi vùng nước sử dụng:

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
| **Ý kiến của UBND cấp xã** | **Người làm đơn** Ký tên |
|  |  |

***Ghi chú:***

- 1. Tên Sở Giao thông vận tải;

- Nội dung UBND cấp xã nơi mở bến xác nhận người làm đơn hiện đang cư trú tại địa phương có đủ điều kiện đầu tư xây dựng bến và tổ chức quản lý khai thác hoạt động bến khách ngang sông

theo quy định

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 64** | **THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA VÀ BẾN KHÁCH NGANG SÔNG** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 05 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Nghiêm cấm cán bộ, công chức tự ý yêu cầu người nộp hồ sơ bổ sung thêm những giấy tờ không có trong quy định của pháp luật đối với thủ tục hành chính này.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Kế hoạch – Tài chính – Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 01 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở có văn bản cấp giấy phép hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối và nêu rõ lý do | Phòng Kế hoạch – Tài chính – Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải | 3 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh; thông báo cho tổ chức, cá nhân được biết. | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | - Hướng dẫn người đến nhận kết quả nộp lệ phí; | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc thẻ căn cước của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:(Điều 11 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải).**  - Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa và bến khách ngang sông (theo mẫu quy định);  - Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được duyệt; hồ sơ hoàn công;  - Biên bản nghiệm thu công trình;  - Sơ đồ vùng nước trước bến và luồng vào bến (nếu có) do chủ bến lập;  - Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi làm cầu bến);  - Văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho sử dụng tạm thời đối với trường hợp bến nằm trong hành lang bảo vệ các công trình theo quy định của pháp luật chuyên ngành.  **b). Số lượng:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa và bến khách ngang sông. |
| **8. Lệ phí :** | (Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính)  Lệ phí cấp Giấy phép: 40.000 đồng/giấy phép. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa (Mẫu số 6, Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải).  - Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông (Mẫu số 7, Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | không |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;  - Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý Nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;  - Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Mẫu số 6**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *……, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

**Kính gửi: (1)**

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại: ……………………………. Số FAX

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số …… ngày …… tháng …… năm .

do cơ quan ……………………………cấp

Làm đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa

Vị trí bến: từ km thứ ……………………………… đến km thứ

bờ (phải hay trái) …………………… sông (kênh)

thuộc xã (phường) ……………, huyện (quận) ………… tỉnh (thành phố):

Kết cấu, quy mô của bến:.

Phương án khai thác: ..

Bến được sử dụng để: .

Phạm vi vùng đất sử dụng

Phạm vi vùng nước sử dụng .

- Chiều dài: ………………mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng ………………mét, từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.

Bến có khả năng tiếp nhận loại phương tiện thủy lớn nhất có kích thước ...............................

.........................................................................................................................................

Thời hạn xin hoạt động từ ngày …………………………… đến ngày .................................

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người làm đơn** Ký tên |

***Ghi chú:*** 1. Tên Sở Giao thông vận tải;

**Mẫu số 7**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *……, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG**

**Kính gửi: (1)**

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số………………………… ngày

do cơ quan: ………………………………………………………………………… cấp

Làm đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông:

Tên bến

Vị trí bến:

- Từ km thứ ……… đến km thứ ……… Bên bờ (phải, trái) …………… của sông

………………, thuộc xã, huyện, tỉnh (phường, quận, thành phố)

Vùng đất sử dụng:

Vùng nước xin phép sử dụng:

+ Chiều dài: ………m đọc theo bờ sông;

+ Chiều rộng: ………m tính từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.

Phương án khai thác và bảo đảm an toàn khi hoạt động:

...

Đề nghị được hoạt động từ ngày …. tháng …. năm …. đến ngày …. tháng …. năm ….

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người làm đơn** Ký tên |

***Ghi chú:*** 1. Tên Sở Giao thông vận tải;

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 65** | **THỦ TỤC CẤP LẠI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trảkết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 03 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Nghiêm cấm cán bộ, công chức tự ý yêu cầu người nộp hồ sơ bổ sung thêm những giấy tờ không có trong quy định của pháp luật đối với thủ tục hành chính này.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Tham mưu lãnh đạo Sở cấp lại Giấy phép hoạt động hoặc văn bản thông báo trả lời từ chối và nêu rõ lý do | Phòng Kế hoạch – Tài chính – Quản lý kết cấu hạ tầng  giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải | 1,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh; thông báo cho tổ chức, cá nhân được biết. | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | - Hướng dẫn người đến nhận kết quả nộp lệ phí; | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc thẻ căn cước của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:(Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải).**  - Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa (theo mẫu quy định);  **\* Đối với trường hợp cấp lại giấy phép do thay đổi chủ sở hữu nhưng không thay đổi các nội dung của giấy phép đã được cấp,** chủ bến phải gửi kèm theo đơn đề nghị văn bản hợp pháp về chuyển nhượng bến và hồ sơ liên quan đến việc bàn giao chủ sở hữu trong trường hợp có sự thay đổi chủ sở hữu bến hoặc văn bản hợp pháp về phân chia hoặc sáp nhập (nếu có);  \* **Đối với trường hợp do thay đổi vùng đất, vùng nước, công dụng của bến**, chủ bến phải gửi kèm theo đơn đề nghị các giấy tờ pháp lý chứng minh các sự thay đổi nêu trên;  **\* Đối với bến thủy nội địa được cấp giấy phép hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2005 mà bị thất lạc hồ sơ** thì chủ bến phải kèm theo đơn đề nghị bản vẽ mặt bằng công trình bến, sơ đồ vùng nước, vùng đất của bến;  **\* Đối với bến thủy nội địa do xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp để nâng cao năng lực của bến,** thì hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bao gồm:  - Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa và bến khách ngang sông (theo mẫu quy định);  - Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được duyệt; hồ sơ hoàn công;  - Biên bản nghiệm thu công trình;  - Sơ đồ vùng nước trước bến và luồng vào bến (nếu có) do chủ bến lập;  - Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi làm cầu bến);  - Văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho sử dụng tạm thời đối với trường hợp bến nằm trong hành lang bảo vệ các công trình theo quy định của pháp luật chuyên ngành.  **b). Số lượng:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | - 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa. |
| **8. Lệ phí :** | 70.000 đồng/giấy phép.  (Khoản 2 Mục I Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính) |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa (Mẫu số 6, Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải).  - Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa (Mẫu số 11, Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | không |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;  - Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý Nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;  - Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Mẫu số 6**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *……, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

**Kính gửi: (1)**

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại: ……………………………. Số FAX

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số …… ngày …… tháng …… năm .

do cơ quan ……………………………cấp

Làm đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa

Vị trí bến: từ km thứ ……………………………… đến km thứ

bờ (phải hay trái) …………………… sông (kênh)

thuộc xã (phường) ……………, huyện (quận) ………… tỉnh (thành phố):

Kết cấu, quy mô của bến:.

Phương án khai thác: ..

Bến được sử dụng để: .

Phạm vi vùng đất sử dụng

Phạm vi vùng nước sử dụng .

- Chiều dài: ………………mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng ………………mét, từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.

Bến có khả năng tiếp nhận loại phương tiện thủy lớn nhất có kích thước ...............................

.........................................................................................................................................

Thời hạn xin hoạt động từ ngày …………………………… đến ngày .................................

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người làm đơn** Ký tên |

***Ghi chú:*** 1. Tên Sở Giao thông vận tải;

**Mẫu số 11**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ……*, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP LẠI GIẤY PHÉP HỌAT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

**Kính gửi: (1)**

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ trụ sở

Số điện thoại: ……………………….. Số FAX

Làm đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa

Vị trí bến: từ km thứ ………………………… đến km thứ …………………………. trên bờ (phải hay trái) …………………. sông (kênh) ……………….. thuộc xã (phường)………….., huyện (quận) ………………….………… tỉnh (thành phố):

Kết cấu, quy mô công trình bến:

Phương án khai thác

Bến được sử dụng để:

Phạm vi vùng đất sử dụng:

.........................................................................................................................................

Phạm vi vùng nước sử dụng:

- Chiều dài: ………………. mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng ……………….  mét, từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.

Bến có khả năng tiếp nhận loại phương tiện thủy lớn nhất có kích thước

.........................................................................................................................................

Lý do đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động:

...................................................................................................................................... ...

Thời hạn xin hoạt động từ ngày ………………………………. đến ngày ...................................

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người làm đơn** (Ký tên) |

***Ghi chú:*** 1. Tên Sở Giao thông vận tải;

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 66** | **THỦ TỤC DỰ THI, KIỂM TRA LẤY GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 03 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. | Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái | 1,5 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh. | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | - Hướng dẫn người đến nhận kết quả nộp lệ phí; | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:(Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải).**  - Đơn đề nghị dự học, thi, kiểm tra, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM (theo mẫu quy định);  - 02 (hai) ảnh màu cỡ 2x3 cm, ảnh chụp không quá 06 tháng;  - Giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;  - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (trong trường hợp gửi trực tiếp) hoặc bản sao chứng thực của các loại bằng, GCNKNCM, chứng chỉ liên quan hoặc bản dịch công chứng sang tiếng Việt (đối với bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp) để chứng minh đủ điều kiện dự thi.  **b). Số lượng:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | - 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Chứng chỉ chuyên môn |
| **8. Lệ phí :** | (Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính)  - Phí sát hạch và thi cấp bằng thuyền trưởng hạng ba: 190.000 đồng/giấy phép.  - Phí sát hạch và thi cấp bằng máy trưởng hạng ba: 140.000 đồng/giấy phép. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị dự học, thi, kiểm tra, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM (Phụ lục III, Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải); |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Điều 5, Khoản 7, 8 Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải)  - Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc làm việc hợp pháp tại Việt Nam.  - Hoàn thành chương trình đào tạo, bổ túc, bồi dưỡng nghề tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM, CCCM.  - Đủ tuổi, đủ thời gian nghiệp vụ, thời gian tập sự tính đến thời điểm ra quyết định thành lập hội đồng thi, kiểm tra tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM, CCCM.  - Có giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp.  - Điều kiện dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba:  + Có chứng chỉ thủy thủ hoặc chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất hoặc GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư;  + Có thời gian nghiệp vụ đủ 18 tháng trở lên. Đối với người đã có thời gian thực tế làm công việc của thủy thủ hoặc lái phương tiện hạng nhất đủ 30 tháng trở lên được quy đổi tương đương với thời gian nghiệp vụ để dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba.  - Điều kiện dự thi lấy GCNKNCM máy trưởng hạng ba:  + Có chứng chỉ thợ máy hạng nhất hoặc hạng nhì;  + Có thời gian nghiệp vụ đủ 18 tháng trở lên. Đối với người đã có thời gian thực tế làm công việc của thợ máy hạng nhất hoặc hạng nhì đủ 30 tháng trở lên được quy đổi tương đương với thời gian nghiệp vụ để dự thi lấy GCNKNCM máy trưởng hạng ba. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;  - Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa;  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Phụ lục III**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI,**

**CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM**

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền cấp)………........…...…

Ảnh màu

cỡ x3 cm,

ảnh chụp không quá

06 tháng(**\*)**

Tên tôi là:…………………..………; Quốc tịch…….………..……; Nam (Nữ)

Sinh ngày……….….tháng….…….năm

Nơi cư trú:

Điện thoại:....................................................; Email:

Số CMND (hoặc Hộ chiếu):……………….……...do

cấp ngày………….tháng…….……..năm

Tôi đã tốt nghiệp ngành học:……..………...…, khóa:…., Trường:

đã được cấp bằng, GCNKNCM, CCCM số:………..ngày…...tháng.....năm

theo Quyết định số:…………., ngày….….tháng.…....năm….....của…

Quá trình làm việc trên phương tiện thủy nội địa:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TỪ.............ĐẾN..............** | **CHỨC DANH** | **NƠI LÀM VIỆC** | **SỐ PTTNĐ** | **GHI CHÚ** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

Đối chiếu với tiêu chuẩn, điều kiện dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM, tôi thấy đủ điều kiện:

|  |  |
| --- | --- |
| + Dự học để thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Dự thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp lại GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Chuyển đổi GCNKNCM, CCCM: |  |

Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp)…......................…cho tôi được dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi:……........................………………………...

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | Ngày……..tháng…..năm….  **Người đề nghị**  *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

***\*)*** *02 ảnh màu cỡ 2x3 cm,ảnh chụp không quá 06 tháng.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 67** | **THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 05 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 3 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 1 ngày | | - Hướng dẫn người đến nhận kết quả nộp lệ phí; | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:** (Khoản 1, Điều 21 Thông tư 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải).  - Đơn đề nghị dự học, thi, kiểm tra, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM (theo mẫu quy định);  - 02 ảnh màu cỡ 2x3cm, ảnh chụp không quá 06 tháng;  - Giấy chứng nhận đủ sức khoẻ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;  - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (trong trường hợp gửi trực tiếp) hoặc bản sao chứng thực của các loại bằng, GCNKNCM, chứng chỉ liên quan hoặc bản dịch công chứng sang tiếng Việt (đối với bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp) để chứng minh đủ điều kiện cấp, cấp lại, chuyển đổi.  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Mục c, khoản 2 Điều 21 Thông tư 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải).  05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn. |
| **8. Lệ phí :** | - Lệ phí cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn: 50.000đồng/lần; |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Mẫu đơn đề nghị cấp mới, đổi, cấp lại, chuyển đổi bằng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa (Phụ lục III, Thông tư 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải)  **\*Trường hợp 1:** (Điều 5 Thông tư 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải)  - Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc làm việc hợp pháp tại Việt Nam.  - Hoàn thành chương trình đào tạo, bổ túc, bồi dưỡng nghề tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM, CCCM.  - Đủ tuổi, đủ thời gian nghiệp vụ, thời gian tập sự tính đến thời điểm ra quyết định thành lập hội đồng thi, kiểm tra tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM, CCCM.  - Có giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp.  **\*Trường hợp 2:** (Khoản 2 Điều 17 Thông tư 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải)  - Cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba:  + Có chứng chỉ sơ cấp nghề thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp được đào tạo theo nghề điều khiển tàu thủy, nghề máy tàu thủy;  + Hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba đủ 06 tháng trở lên.  **\*Trường hợp 3:** (Điều 18 Thông tư 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải)  1. Người có GCNKNCM, CCCM bị hỏng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM, CCCM của cơ quan cấp GCNKNCM, CCCM, được cấp lại GCNKNCM, CCCM.  2. Bằng thuyền trưởng, máy trưởng:  a) Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng quá thời hạn sử dụng 12 tháng, kể từ ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được dự thi lại lý thuyết để cấp lại GCNKNCM;  b) Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng quá thời hạn sử dụng trên 12 tháng đến dưới 24 tháng, kể từ ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được dự thi lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại GCNKNCM;  c) Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng quá thời hạn sử dụng từ 24 tháng trở lên, kể từ ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng bằng đã được cấp.  3. Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn:  a) Người có GCNKNCM trong thời hạn 03 tháng trước khi GCNKNCM hết hạn hoặc quá thời hạn sử dụng 03 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được cấp lại GCNKNCM;  b) Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 06 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được dự thi lại lý thuyết để cấp lại GCNKNCM;  c) Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 06 tháng đến dưới 12 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được dự thi lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại GCNKNCM;  d) Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 12 tháng trở lên, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM đã được cấp.  4. Người có GCNKNCM còn hạn sử dụng bị mất, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, không bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, được cấp lại GCNKNCM.  5. Người có GCNKNCM quá hạn sử dụng bị mất, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, không bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý thì được dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM đã được cấp.  6. GCNKNCM, CCCM bị mất khi cấp lại vẫn giữ nguyên số cũ, đồng thời cơ quan cấp phải gửi thông báo hủy GCNKNCM, CCCM cũ tới các cơ quan liên quan.  7. Người có GCNKNCM thuyền trưởng từ hạng tư trở lên có nhu cầu, được cấp chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất.  **\*Trường hợp 4:** (Khoản 1 Điều 20 Thông tư 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải)  Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hoặc chứng chỉ về thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp; người nước ngoài hoặc người Việt Nam cư trú ở nước ngoài có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hoặc chứng chỉ về thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, nếu có nhu cầu làm việc trên các phương tiện thủy nội địa thì phải làm thủ tục chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa tương ứng theo quy định. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thuỷ nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;  - Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa;  - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Phụ lục III**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI,**

**CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2014*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM**

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền cấp)………........…...…

Ảnh màu

cỡ 2x3 cm,

ảnh chụp không quá

06 tháng(**\*)**

Tên tôi là:…………………..………; Quốc tịch…….………..……; Nam (Nữ)

Sinh ngày……….….tháng….…….năm

Nơi cư trú:

Điện thoại:....................................................; Email:

Số CMND (hoặc Hộ chiếu):……………….……...do

cấp ngày………….tháng…….……..năm

Tôi đã tốt nghiệp ngành học:……..………...…, khóa:…., Trường:

đã được cấp bằng, GCNKNCM, CCCM số:………..ngày…...tháng.....năm

theo Quyết định số:…………., ngày….….tháng.…....năm….....của…

Quá trình làm việc trên phương tiện thủy nội địa:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TỪ.............ĐẾN..............** | **CHỨC DANH** | **NƠI LÀM VIỆC** | **SỐ PTTNĐ** | **GHI CHÚ** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

Đối chiếu với tiêu chuẩn, điều kiện dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM, tôi thấy đủ điều kiện:

|  |  |
| --- | --- |
| + Dự học để thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Dự thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp lại GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Chuyển đổi GCNKNCM, CCCM: |  |

Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp)…......................…cho tôi được dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi:……........................………………………...

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | Ngày……..tháng…..năm….  **Người đề nghị**  *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

***(\*)*** *02 ảnh màu cỡ 2x3 cm,ảnh chụp không quá 06 tháng.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 68** | **THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI THỦY QUA BIÊN GIỚI CHO PHƯƠNG TIỆN** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 03 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 0,5 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. | Phòng QLVT-PTNL thuộc Sở Giao thông vận tải | 1 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh; thông báo cho tổ chức, cá nhân được biết. | 0,5 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 1 ngày | | - Hướng dẫn người đến nhận kết quả nộp lệ phí; | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:** (Khoản 2 Điều 6 Thông tư 08/2012/TT-BGTVT ngày 23/03/2012 của Bộ Giao thông vận tải và Khoản 2 Điều 1 Thông tư 03/2013/TT-BGTVT ngày 29/3/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 08/2012/TT-BGTVT)  - Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới;  - Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện;  - Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;  - Bản sao Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của người kinh doanh vận tải hàng hóa dễ cháy, dễ nổ đối với người thứ ba; bản sao Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của người kinh doanh vận tải hành khách đối với hành khách".  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Khoản 2 Điều 8 Thông tư 08/2012/TT-BGTVT ngày 23/03/2012 của Bộ Giao thông vận tải).  03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Giấy phép vận tải thủy qua biên giới. |
| **8. Lệ phí :** | không |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới (Phụ lục III, Thông tư 08/2012/TT-BGTVT ngày 23/03/2012 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | không |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Thông tư 08/2012/TT-BGTVT ngày 23/03/2012 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy;  - Thông tư 03/2013/TT-BGTVT ngày 29/03/2013 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 08/2012/TT-BGTVT ngày 23/03/2012 hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải đường thủy. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

**Phụ lục III**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI THỦY QUA BIÊN GIỚI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 03 năm 2012)*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên doanh nghiệp, HTX  đề nghị cấp giấy phép | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ----------------------** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI THỦY QUA BIÊN GIỚI**

Kính gửi: …………………………….

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):.............. ............................................................................

2. Địa chỉ : ........................................................................................................................

3. Số điện thoại:.............................................số Fax: .......................................................

4. Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số…………………….........................…

Ngày cấp ………........Cơ quan cấp phép…………..(đối với trường hợp phương tiện vận tải phục vụ mục đích kinh doanh)

5. Đề nghị Cục Đường thủy Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới cho phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Tên phương tiện | Chủng loại (mục đích) | Số đăng ký | Trọng tải | Kích thước (Chiều rộng và mớn tối đa) | Năm sản xuất | Loại máy và Số máy | Tốc độ tối đa | HP/kW | Cửa khẩu Xuất - nhập |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Đề nghị cấp Giấy phép (đề nghị ghi rõ Nhóm 1, Nhóm 2 hay Nhóm đặc biệt):……...

7. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ : b) Cá nhân :

c) Hoạt động kinh doanh: d) Mục đích khác :

8. Dự kiến hành trình chuyến đi:.......................................................................................

9. Thời hạn đề nghị cấp phép: ..................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
|  | **........., Ngày tháng năm**  **Thủ trưởng đơn vị/cá nhân**  ***(Ký tên/ đóng dấu )* Ký tên (đóng dấu)** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 69** | **THỦ TỤC GIA HẠN THỜI GIAN LƯU LẠI LÃNH THỔ VIỆT NAM CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI THỦY CỦA CAMPUCHIA** |
| **1. Trình tự**  **thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh, (địa chỉ: Tại Thư viện tỉnh, Số 83 đường Phạm Tung, khu phố 1, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ; trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định), và chỉ buổi sáng thứ bảy hàng tuần (Sáng từ 7giờ đến 11 giờ 30 phút).  Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 01 ngày** | | --- | --- | --- | --- | | **Bước 1** | **Sở Giao thông Vận tải** |  |  | | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.  - Chuyển hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái tham mưu giải quyết. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 1/4 ngày | | **Bước 2** | - Kiểm tra hồ sơ, vào sổ theo dõi giải quyết. Cảng vụ đường thủy nội địa nơi phương tiện đề nghị lưu lại, tiến hành kiểm tra tình hình thực tế và ra văn bản cho phép phương tiện lưu lại, tiến hành kiểm tra tình hình thực tế và ra văn bản cho phép phương tiện lưu lại Việt Nam, với thời gian tối đa không quá 30 (ba mươi) ngày; trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định. | Phòng Quản lý vận tải – Phương tiện người lái | 1/4 ngày | | - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh; thông báo cho tổ chức, cá nhân được biết. | 1/4 ngày | | **Bước 3** | - Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại toàn bộ các biên nhận hồ sơ, phiếu hẹn trả kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ (nếu có) để lưu trữ vào hồ sơ thủ tục hành chính đã thực hiện. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh | 1/4 ngày | | - Hướng dẫn người đến nhận kết quả nộp lệ phí; | | - Trả kết quả cho cá nhân (trường hợp nhận hộ phải có CMND hoặc giấy ủy quyền của người nhận hộ) và yêu cầu người nhận kết quả ký vào sổ giao nhận. | |
| **2. Cách thức thực hiện:** | Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ:** (Khoản 2 Điều 10 Thông tư 08/2012/TT-BGTVT ngày 23/03/2012 của Bộ Giao thông vận tải).  - Giấy phép vận tải thủy qua biên giới;  - Giấy đăng ký phương tiện;  - Đơn đề nghị gia hạn (theo mẫu quy định).  **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ |
| **4. Thời hạn**  **giải quyết:** | (Điểm b Khoản 3 Điều 10 Thông tư 08/2012/TT-BGTVT ngày 23/03/2012 của Bộ Giao thông vận tải).  01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định. |
| **5. Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức và cá nhân. |
| **6. Cơ quan thực hiện:** | **a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Cảng vụ đường thủy nội địa thuộc Sở Giao thông vận tải Tây Ninh.  **b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Cảng vụ đường thủy nội địa thuộc Sở Giao thông vận tải Tây Ninh. |
| **7. Kết quả thực hiện:** | Văn bản cho phép phương tiện lưu lại Việt Nam. |
| **8. Lệ phí :** | không |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép vận tải thủy Campuchia- Việt Nam ( Phụ lục IV, Thông tư 08/2012/TT-BGTVT ngày 23/03/2012 của Bộ Giao thông vận tải). |
| **10. Yêu cầu,**  **điều kiện:** | (Khoản 1 Điều 10 Thông tư 08/2012/TT-BGTVT ngày 23/03/2012 của Bộ Giao thông vận tải).  Phương tiện của Campuchia quá thời gian lưu hành tại Việt Nam nếu có lý do chính đáng (như thiên tai, tai nạn, hỏng … không sửa chữa kịp) được gia hạn 01 (một) lần với thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hết hạn. |
| **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** | - Thông tư 08/2012/TT-BGTVT ngày 23/03/2012 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy;  - Thông tư 03/2013/TT-BGTVT ngày 29/03/2013 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 08/2012/TT-BGTVT ngày 23/03/2012 hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải đường thủy. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ đã nhận của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã nộp (như trên) * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính * Sổ giao nhận chuyển giao hồ sơ với Phòng chuyên môn |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn trong thời gian từ 2-3 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Phụ lục IV**  **ĐƠN ĐỀ NGHỊ** **GIA HẠN GIẤY PHÉP VẬN TẢI THỦY CAMPUCHIA - VIỆT NAM**  *(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT*  *ngày 23 tháng 03 năm 2012 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải)* | |
| Tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép vận tải thủy của Campuchia | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  SOCIaLIST REPUBLIC OF VIET NAM |
| Name of organization or individual applying for extension of Cambodia – Viet Nam Cross-Border Transport Permit | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  Independence - Freedom – Happiness |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**GIA HẠN GIẤY PHÉP VẬN TẢI THỦY CAMPUCHIA - VIỆT NAM**

**APPLICATION FOR EXTENDING OF CAMBODIA-VIET NAM**

**CROSS- BORDER TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi (*To*):....................................................................

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name of (organization or individual………………………………*

2. Địa chỉ: *(Address)* ………………………………………………………………………

3.Số điện thoại: *(Tel No.)..........................* Số Fax: *(Fax No.):* ..............................................

4.Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư số (Nếu có) *(Business Registration Certificate or Investment License No).(If any).:…………………………………………*

Ngày cấp *(Date of issue) ……………….............*Cơ quan cấp *(Issuing Authority)……………………….*

5. Giấy phép vận tải thủy qua biên giới số *(Cambodia – Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.):* ................Ngày cấp *(Date of issue) ……………………*Cơ quan cấp *(Issuing Authority)…………………*……

6. Đề nghị Sở GTVT …… …………..gia hạn Giấy phép vận tải thủy Campuchia - Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of...............to extend the validity of Cambodia - Viet Nam Cross- Border Transport Permit(s) for the following vessel(s):*

- Số đăng ký của phương tiện xin gia hạn *(Registration No.): …………………………………………..*

- Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày ……. tháng …... năm …..

*Entry into Viet Nam, date ……..... month ... ..... year ................*

- Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):

*Proposed extended duration (choose one of the two following options):*

*+* Gia hạn giấy phép vận tải thủy*: ….ngày, từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm*

*Extension for: …....days, from date… ... month ..... year ... …to date ... ….month ... year .....*

*+* Gia hạn chuyến đi:………..ngày, từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm *…….*

*Extension for Journey : ...…days, from date ... month ... year ... to date ... ..month ... year .*

7. Lý do đề nghị gia hạn *(The reasons for extension):……………..*

……………………………………………………………………………………………………….

8. Chúng tôi xin cam kết *(We commit)*:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn giấy phép vận tải thủy Campuchia - Việt Nam cho phương tiện và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Cambodia-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vessel and the attached documents).*

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thuỷ. *(To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Kingdom of Cambodia on Inland Waterway Transport).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | ....., Ngày(*Date*)…….tháng*(month)*…….năm *(year)*….  Tổ chức, cá nhân (organization or individual)  *Ký tên/Signature*  *Thuyền trưởng, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền*  *(Captain, vessel’s owner or authorized person).* |